

**BỘ PHÁP BẢO: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG BÊN THẦY CHÚNG
CON HỌC ĐẠO – ĐƯỢC TRÍCH LỤC TỪ KINH SÁCH TU VIỆN
CHƠN NHƯ – DIỄN ĐÀN TRÊN MẠNG – ĐẠC SAN & TÂM KÝ**



NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

BÊN THẦY CHÚNG CON HỌC ĐẠO

(TẬP BA)

(Đ)





***Thành kính tri ân
Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc
– Người đã cho Phật Tử chúng con
cái nhìn Chánh Kiến.***

***Lưu Ý : Kinh Sách Pháp Bảo Nền Ấn Tông Truyền Bá Lưu
Hành, Để Xây Dựng Đạo Đức Nhân Bản Giải Khổ Quần
Sanh – Nếu Thủ Giữ Hoặc Làm Rách Hư Là Tự Đoạn Mất
Hạt Giống Đạo Đức Giải Thoát Trong Những Kiếp Vị Lai!.***

NỘI DUNG TRÍCH LỤC TẬP BA	Trang
<i>Sau khi chết không có sự sống</i>	5
<i>Tứ bất hoại tịnh</i>	13
<i>Cách thức gom tâm</i>	27
<i>Tâm bung ra hoặc rơi vào vô ký</i>	28
<i>Hôn trầm và lười biếng</i>	29
<i>Diệt tâm</i>	31
<i>Buồn chán</i>	33
<i>Muốn xả những lỗi lầm</i>	34
<i>Tu định vô lậu trong tất cả hành động và việc làm</i>	35
<i>Có sự điều khiển trong hơi thở là chưa nhập định</i>	37
<i>Trạng thái an ổn không có liên tục</i>	38
<i>Có trạng thái an ổn rồi mới nhập định</i>	39
<i>Ngồi thiền lưng đau nhứt và tê cứng</i>	41
<i>Lưng thụng</i>	43
<i>Ngồi thiền bị kiến bò</i>	44
<i>Sự tỉnh thức tự nhiên là định</i>	45
<i>Hạnh độc cư</i>	46
<i>Hơi thở thiền định</i>	47
<i>Làm say mê quên hướng tâm có mất tỉnh thức không?</i>	47
<i>Một người chứng 4thiền 3minh có bị chết bất ngờ không?</i>	48
<i>Con cái là nhờ đức cha mẹ</i>	49
<i>Lỡ tay làm chúng sanh chết thì phải làm sao?</i>	51
<i>Làm cách nào kiếp sau gặp được chánh pháp?</i>	54
<i>Sau khi chư Phật nhập diệt còn trở lại ... nữa không?</i>	56
<i>Khi nhập diệt có phải Phật trở thành sóng ánh sáng?</i>	59
<i>Có phải Phật là trí tuệ của một vị Minh Sư không ?</i>	60
<i>Ánh sáng trí tuệ</i>	61
<i>Diệt ngã</i>	63
<i>Thiểu dục tri túc</i>	65
<i>Hương đạo đức</i>	66
<i>Sáu điều cung kính Pháp</i>	68
<i>Tu định hiện tại an lạc trú</i>	75

Định sáng suốt 83
Nhiệt tâm 86
Pháp môn dẫn tâm 90
Đắm nhiễm, khó tiêu, tán loạn 93
Tâm bất an 98
Thiếu nghị lực nhiệt tâm và ám thị 101
Tu như thế nào để tâm phi phạm hạnh 107
Trí tuệ 111
Phiền não tức bồ đề 113
Phật và Alahán 117
Kinh sách Đại thừa không phải Phật thuyết 119
Tại sao đức Phật biết năm độc mà lại ăn? 123
Hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt 129
Chiếc áo không che đợc mắt Thánh 133
Cần xả bỏ mê tín 134
Cách thức tu tập 137
Lễ lạy hồng danh sám hối chư Phật là... 138
Những người mù 139
Danh và lợi 144
Phụ lục bài viết Phật Tử 146

(HẾT TẬP BA – XIN ĐỌC TIẾP TẬP BỐN)



(Trưởng Lão khai thị giải nghi cho các bậc nhân sĩ trí thức ở Hà Nội)

SAU KHI CHẾT KHÔNG CÓ SỰ SỐNG

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Tỳ Kheo! Không có sắc nào hằng còn, tồn tại mãi ở đời, mà không biến đổi; lại cũng không có Thọ, Tướng, Hành, Thức nào hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi.

Này các Tỳ Kheo! Nếu lại có thức này hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt được thiện ác, chẳng dứt hết gốc khổ.

Nếu chỉ còn một chút xíu thức như đất trên đầu móng tay Ta không thay đổi thường hằng, thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt được thiện ác, chẳng dứt hết gốc khổ.

Vì thế, này các Tỳ Kheo! Vì không còn một chút xíu thức nào, nên Đạo Ta (Đạo Đức Nhân Bản - Nhân Quả) ra đời, Phạm hạnh được dựng lại, mới dứt hết mé khổ.”

CHÚ GIẢI:

Xin các bạn suy nghĩ kỹ đọc lại đoạn kinh này thì sẽ thấy Đạo Phật không chấp nhận có một linh hồn tồn tại trong thân tứ đại này sau khi chết.

Nếu còn có một linh hồn tồn tại thì Đạo Phật không ra đời, vì có ra đời cũng chẳng làm ích lợi gì cho ai. Mục đích của Đạo Phật ra đời là đem lại nền đạo đức nhân bản – nhân quả giúp cho con người sống không làm khổ mình khổ người để xây dựng cõi thế gian này trở thành cảnh giới Cực Lạc, Thiên Đàng một cách thiết thực và cụ thể. Cho nên, còn có cõi siêu hình chân thật thì con người trong cõi thế gian này không bao giờ hết khổ. Không bao giờ hết khổ thì Phật Giáo không ra đời.

Sau khi tu hành chứng đạo có Tam Minh, Ngài quan sát và truy tìm khắp mọi nơi không tìm thấy đâu là thế giới siêu hình, đâu là linh hồn của con người tồn tại. Ngài chỉ

tìm thấy thế giới siêu hình tưởng và linh hồn tưởng do tưởng uẩn của con người tạo ra những hình bóng ấy, nên Ngài gọi thế giới đó là thế giới tưởng tri, do điên đảo tưởng mà có. Bởi vậy, từ xa xưa khi con người xuất hiện trên hành tinh này đã mang theo tưởng tri điên đảo.

Cho nên tất cả các tôn giáo ra đời đều giảm lại lõi mòn tưởng tri điên đảo của tư tưởng con người sản sinh ra các tôn giáo đều dựng lên thế giới siêu hình: Phật, Trời, Tiên, Thánh, Thần, quỷ, ma và linh hồn người chết, v.v...

Tất cả các tôn giáo đều là sản phẩm của tưởng tri điên đảo này của con người, vì vậy mà các tôn giáo đều dựng lên thế giới siêu hình như nhau.

Chính tưởng tri điên đảo tưởng này của con người sản sinh ra các tôn giáo nên tất cả tôn giáo đều dựng lên thế giới siêu hình.

Chỉ riêng có Đạo Phật nhìn thế giới như thật, thấy biết rất rõ ràng “*Không có linh hồn người chết và cũng không có thế giới siêu hình*”. Vì thế, Đạo Phật ra đời nhằm mục đích đem lại nền đạo đức cho con người và chính mọi người phải tự xây dựng cho mình một cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Cho nên đoạn kinh trên đây Ngài dạy: “*Vì thế, này các Tỳ Kheo! Vì không còn một chút xíu thức nào, nên Đạo Ta ra đời, Phạm hạnh được dựng lại, mới dứt hết mé khổ*”.

Trong tập III Những Lời Phật Dạy có một bài kinh Đức Phật cũng dạy không có thế giới siêu hình: “*Này Hiền giả Channa, tôi tận mắt nghe Thế Tôn, tận mắt nhận lãnh từ Thế Tôn giáo giới này cho tôn giả Kaccanaghotta: “Thế giới này dựa trên hai quan điểm, này Kaccàna, hiện hữu và không hiện hữu. Ai thấy như thật với chánh trí tuệ sự tập khởi của thế giới, thì không chấp nhận là thế giới không hiện hữu! (Thế giới siêu hình) Nhưng này Kaccàna, ai thấy*

như thật với chánh trí tuệ sự đoạn diệt của thế giới, thì không chấp nhận là thế giới có hiện hữu. (Thế giới hữu hình) Thế giới này phần lớn, này Kaccàna là chấp thủ các phương tiện và bị trói buộc bởi những thành kiến". Đoạn kinh trên đây cũng xác định rõ ràng Thế giới hữu hình là thế giới duyên hợp nên không thật có một vật gì là thật là thường hằng bất di bất dịch, thường mọi vật đều vô thường biến hoại nay còn mai mất từng phút giây. Chỉ do tưởng điên đảo mới thấy cái này là ta, là của ta, là bản ngã của ta.

Còn thế giới vô hình là bóng dáng của thế giới hữu hình do tưởng uẩn tạo ra mà chúng ta không hề hay biết, nên sống trong tưởng tri thường cho nó là một thế giới vĩnh hằng. Vì thế, có nhiều người nghĩ tưởng rằng theo các tôn giáo, phục vụ tôn giáo đến khi chết sẽ được về cõi Trời, cõi Phật hoặc làm một việc gì hy sinh cho tôn giáo thì sẽ được phong Thánh, sẽ được về với Phật, với Trời, v.v...

Thưa các bạn! Các bạn nên suy nghĩ cho chín chắn lại đi! Một con người còn hung ác, tâm còn tham, sân, si dữ tợn, vì tôn giáo mình hy sinh giết người, ăn thịt các loài cầm thú như cọp, như beo, vậy mà khi muốn chết đi về với cõi Trời, cõi Phật, thì về chỗ nào được các bạn?

Một vị Thánh còn ôm súng đạn giết người, còn tham sân si ngút trời mà làm Thánh được hay sao các bạn?

Trong bộ sách Đường Về Xứ Phật có một đoạn kinh, Đức Phật bài bác các thầy Bà La Môn tụng kinh cầu siêu cho linh hồn người đã chết. Ngài đưa ra một ví dụ *"tảng đá và giọt dầu"*. Tấm đá và giọt dầu mang đầy đủ một ý nghĩa sâu sắc rất lớn đối với kiếp làm người.

- **Thứ nhất:** Khi con người còn sống thì làm chấp cho trong thân này còn có linh hồn. Vì vậy thân, tâm này là

mình, là của mình, cho nên cố gắng làm mọi việc, dù làm việc ác, nếu có thể giết người cũng vẫn cứ làm, miễn là làm như thế nào tiền bạc cho thật nhiều để phục vụ cho mình đầy đủ hơn, sung sướng hơn, v.v... Còn ai khổ đau hoặc chết cũng mặc kệ. Nhưng khi thân này chết rồi cũng giống như tảng đá, gốc cây là những vật vô tri, còn có vật gì đâu là hữu tri nữa. Bởi, Đức Phật đã xác định: “*khi tứ đại rã tan thì chẳng có một vật gì tồn tại*”. Vậy thì làm sao có linh hồn trong thân được mà tụng niệm cầu siêu. Đó chẳng qua là một sự tưởng tượng của loài người mà thôi.

- Thứ hai: Tảng đá ví như nghiệp ác. Khi con người còn sống làm điều ác tức là làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Khi chết rồi nghiệp ác ấy vẫn còn mà Đức Phật ví dụ nó nặng như tảng đá. Đó là tảng đá nghiệp, nếu đem ném xuống hồ nước rồi mời các thầy đến tụng niệm cầu cho tảng đá nổi lên mặt hồ. Chắc chắn, điều này không thể làm được. Đúng quá, phải không các bạn?

- Thứ ba: Giọt dầu ví như nghiệp thiện. Khi con người còn sống, làm điều thiện tức là ngăn ác, diệt ác, luôn luôn sống trong thiện pháp, làm việc thiện. Có nghĩa là sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Đến khi thân này tan rã, thần thức cũng không còn, chỉ còn lại nghiệp thiện. Nghiệp thiện này Đức Phật ví nó như giọt dầu, nếu đem ném nó xuống hồ nước, không cần phải mời các thầy tụng kinh, niệm Phật, nó cũng vẫn cứ nổi trên mặt nước. Điều này, chắc chắn ai cũng biết được. Hiển nhiên quá phải không các bạn?

Đức Phật nêu ra tảng đá và giọt dầu, đây là mục đích dẹp bỏ sự mê tín, lạc hậu qua nhiều hình thức cúng tế, cầu siêu, cầu an, mà tự ngàn xưa cho đến ngày nay vẫn còn. Sở dĩ như thế là vì con người không đủ trí tuệ sáng suốt vén màn vô minh ấy để phá vỡ những phong tục tập quán

mê tín, lạc hậu lâu đời này, trái lại loài người đã mê lầm duy trì và truyền thừa từ đời ông cha cho đến đời con cháu. Với sự hiểu biết mơ hồ, trừu tượng, ảo giác con người đã làm cho con người khổ đau, lại càng thêm khổ đau hơn.

Bởi vậy, nhiều người còn lạc hậu bảo rằng: Tụng kinh niệm Phật để cho linh hồn nghe kinh kệ mà tiêu diêu nơi miền Cực Lạc, hoặc linh hồn còn tiếp tục nghe kinh kệ như lúc còn sống để học hỏi, để tiến hóa, dù cho linh hồn đó ở bất cứ cảnh giới nào sau khi chết. Qua ý kiến này, chúng ta mới nhận thấy được tai hại của tư tưởng trong các kinh sách phát triển Đại Thừa đã gieo rắc vào lòng người sự mê tín, lạc hậu mà đến giờ này dù là những người có học thức, như những Giáo sư Tiến sĩ hay Bác sĩ vẫn còn mờ mịt, vẫn tin theo một cách mù quáng, chứ đừng nói chi giới bình dân ít học.

Cho nên hiện giờ là thời đại khoa học hóa và kỹ nghệ hoá đời sống con người, nhưng mê tín, lạc hậu của con người vẫn còn mãi mãi. Sự truyền thừa mê tín của Bà La Môn cho rằng con người có linh hồn nên mới có sự sống sau khi chết, linh hồn luôn học hỏi để tiến hóa, dù bất cứ ở cảnh giới nào.

Chúng tôi rất đau lòng vì một tu sĩ Phật Giáo trong hàng giáo phẩm Thượng Tọa của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, mà tụng kinh trị bệnh ma, trừ tà, yểm quỷ hoặc tụng kinh đi vớt những linh hồn người chết đuối trên sông. Một tu sĩ Phật Giáo mà giống như những thầy phù thủy, làm những điều mê tín, mơ hồ, ảo tưởng, khiến cho những người nhẹ bóng vía tin theo. T.T. này lại còn thu băng, phổ biến khắp nơi với tựa đề rất là hấp dẫn “*Chuyện lạ thế kỷ 21*”.

Chính vị Thượng Tọa này không biết những hiện tượng đó xảy ra là do thân kinh tướng uẩn của những người mất bình thường. Cho nên Thượng Tọa đã làm một điều phi Phật Giáo.

Đó là một đường lối đi ngược lại với đường lối Phật Giáo, đường lối phi đạo đức nhân quả – nhân bản. Cho nên nếu mọi người sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả thì sẽ không làm khổ mình khổ người và khổ chúng sanh. Một cuộc sống như vậy là một cuộc sống biết ngăn ác, diệt ác, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp; một cuộc sống Thiên Đàng, Cực Lạc các bạn ạ! Còn ngược lại tu sĩ Phật Giáo lại tụng kinh đi cầu hồn ma vậy thì đó là tu sĩ của “*Tà đạo bàng môn*”.

Đứng trong hàng ngũ của ngoại đạo cho rằng luật nhân quả là luật của tạo hóa, thì người ta sẽ hiểu lầm lạc rằng: Có ông Tạo Hóa làm ra luật nhân quả này để xử phạt. Hay người ta hiểu rằng: Tạo hóa là chỉ cho vạn vật trên hành tinh này? Hiểu như thế nào cũng đều lệch lạc hết các bạn ạ!

Theo chúng tôi xác định: Luật nhân quả là do mỗi sự sống trên hành tinh này tạo ra nhân quả, rồi từ nhân quả ấy tự xử phạt lại nó mà gọi là luật, cho nên luật mà không luật. Vì thế, nhân quả xử phạt mới rất công minh là vậy, chứ không có ông tạo hóa nào, hay vạn vật nào làm ra luật nhân quả này cả.

Trong kinh sách Đại Thừa lấy luật nhân quả hù dọa người. Nếu ai nói kinh sách Đại Thừa sai thì “*đầu bể bảy miếng*”, nói Thầy Tổ Đại Thừa sai thì tội “*đọa địa ngục*”. Đó là những lời hù dọa để bịt miệng mọi người, không cho nói lỗi của Sư Thầy hay kinh sách Đại Thừa.

Thưa các bạn! Như các bạn đã biết do đâu mà có nhân quả; đó là do từ hành động thân, miệng, ý của người đó tạo ra nhân để nhân sanh quả, từ đó nhân quả mới xử phạt lại người đó, mà gọi là luật, chứ không có tạo hóa nào tạo ra luật nhân quả để xử phạt ai hết. Vì, nếu có người tạo ra luật nhân quả thì luật nhân quả không công minh, chính trực. Phải không hở các bạn?

Cho nên, nói tới luật nhân quả, là tự mọi người đều biết luật nhân quả của mình, không sợ ai hù dọa mình. Khi nói một lỗi của người nào, thì người ấy phải có lỗi thật sự, còn nếu không lỗi mà nói có lỗi là lời nói vu khống, lời nói đó sẽ trở lại xử phạt họ.

Ví dụ: Nói kinh sách phát triển Đại Thừa sai là vì kinh sách này dạy giáo lý mê tín, trù tượng, ảo giác, mơ hồ của Bà La Môn, để lừa đảo tín đồ Phật Giáo. Nói các Tổ sai là vì các Tổ tìm mọi cách diệt Phật Giáo bằng cách soạn viết kinh sách đập phá bốn chân lý của Đạo Phật và chế Bồ Tát giới cấm không cho Phật tử tu học theo giáo lý của Đức Phật.

Do các Tổ có ác ý với Phật Giáo, nên chúng tôi nói thẳng, chỉ thẳng. Nói đúng một sự thật, thì đó là một việc làm thiện, một việc làm tốt để giúp ích cho biết bao nhiêu người thoát khỏi sự mê tín, lạc hậu làm hao công sức và tiêu hao tiền của, vật chất một cách nhảm nhí. Một lời nói thật và thẳng thắn làm ích lợi cho muôn người mà bảo rằng đọa địa ngục thì đó là lời hù dọa vô căn cứ của giáo pháp Đại Thừa, không hiểu luật nhân quả.

Vì thế, Đạo Phật dạy chúng ta sống luôn luôn ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện. Nói cái sai để cho mọi người thấy biết rõ để tránh khỏi tai họa mà bảo rằng có tội là không đúng. Giúp cho mọi người tránh được tai họa thì có phước, chứ sao có tội. Phải không các bạn?

Cha mẹ làm sai mà con cái bưng bít không dám nói ra để sửa sai là một điều tội lỗi. Đâu phải ông bà, cha mẹ từ xưa đến giờ đều đúng hết? Có sai cần phải đóng cửa dạy nhau, cần phải bỏ cái sai xuống, cần phải dẹp sạch cái sai. Phải không hỏi các bạn?

Chúng ta là những tu sĩ và cư sĩ Phật Giáo thấy những điều sai, không đúng giáo lý của Phật Giáo, thì chúng ta có quyền chỉnh lại, làm cho Phật Giáo ngày càng tốt hơn. Có sao các bạn lại bảo rằng chúng tôi phỉ báng Thầy Tổ. Thầy Tổ sai không được dám nói họ sai sao? Dung chứa Thầy Tổ sai, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới là làm cho Phật Giáo suy đồi, là giết Phật Giáo các bạn có biết không?

Khi chúng tôi chỉnh lại pháp hành của các hệ phái Phật Giáo, thì có sự đụng chạm, nhưng vì giáo lý của các hệ phái đang dạy tu tập là những kiến giải, tướng giải theo kiểu 62 luận thuyết của lục sư ngoại đạo trong thời Đức Phật còn tại thế. Còn tất cả các pháp của Phật Giáo đều do từ Giới, Định, Tuệ thì các hệ phái Phật Giáo này ném bỏ, chỉ còn học suông chơi mà thôi. Và vì vậy, khi chúng tôi nói thẳng thì các vị này đổ mặt tía tai, bảo rằng chúng tôi phỉ báng Thầy Tổ.

Xin thưa cùng các bạn! Chúng tôi không phỉ báng Thầy Tổ, phỉ báng Thầy Tổ để làm gì? Chúng tôi chưa chỉ thẳng, nói thẳng Thầy Tổ nào có tâm ý diệt Phật Giáo, Thầy Tổ nào có những kiến giải, tướng giải sai không đúng chánh pháp của Đạo Phật, làm suy thoái Phật Giáo thì chúng tôi nói thẳng, để dựng lại những gì của Phật Giáo mà Thầy Tổ đã ném bỏ và ném bỏ những gì không phải của Phật Giáo mà Thầy Tổ đã vay mượn của ngoại đạo dựng lên.

Nếu các bạn cho rằng: Chúng tôi làm những điều này sẽ đọa địa ngục thì chúng tôi vui lòng chấp nhận đọa địa ngục để cho tín đồ Phật Giáo có những pháp môn tu hành ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp và sống có đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Điều mà chúng tôi ước mong nhất là không còn thấy tín đồ Phật Giáo tu hành theo những pháp môn mê tín, lạc hậu, trừu tượng, ảo giác của các Thầy Tô dẫn dắt sai nữa, v.v...

Phật Giáo phải được chấn chỉnh lại. Nếu các bạn vì một lý do gì trách móc hay phỉ báng chúng tôi bằng mọi cách, chúng tôi vẫn luôn luôn chấp nhận mà không hề có một lời phiền trách các bạn. Các bạn nói sao về chúng tôi cũng được, nhưng chúng tôi nguyện đem hết sức mình chấn chỉnh lại Phật Giáo để đền đáp công ơn Đức Phật trong muôn một. Nhờ tu hành pháp Phật mà chúng tôi mới có được như ngày hôm nay. Nếu chúng sanh còn đủ phước báu thì chúng tôi dẹp sạch những tà giáo ngoại đạo đang làm băng hoại Phật Giáo, đang biến Phật Giáo thành một tôn giáo mê tín. Còn nếu chúng sanh không đủ phước thì chúng tôi cũng vui lòng. Nhưng dù thế chẳng nữa, chúng tôi cũng thương xót cho chúng sanh bạc phận vô duyên với chánh pháp của Phật.

TỨ BÁT HOẠI TỊNH

Hỏi: Kính thưa Thầy, khi tâm còn tham, sân, si, mạn, nghi, con tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì tâm con được giải thoát rồi, thì con khỏi tu Định Vô Lộ được không?

Đáp: Được, muốn tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì con phải tu Định Vô Lộ, tu Định Vô Lộ tức là thể hiện pháp môn Tứ Niệm Xứ, thể hiện Tứ Niệm Xứ tức là trên thân, thọ,

tâm và pháp mà tu tập, sống và làm việc giống như thân, thọ, tâm, pháp của Đức Phật nhưng muốn tu tập cho được tốt thì con phải tùy theo đặc tướng thân, thọ, tâm và pháp của các con mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới được triển khai mạnh, quét sạch tất cả các lậu hoặc, diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

Tu như vậy gọi là tu Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) với pháp Tứ Bất Hoại Tịnh, tức là tu Định Vô Lậu thân, thọ, tâm và pháp để sống và làm đúng như Đức Phật đang sống và đang hành. Đúng như pháp mà Đức Phật đã dạy không được làm sai lời dạy của pháp. Đúng như đời sống chúng Thánh Tăng đang sống đang hành và đúng như giới luật đã dạy không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả.

Tứ Bất Hoại Tịnh là bốn pháp hay là bốn đối tượng gương hạnh thanh tịnh của Đạo Phật, để làm bốn chỗ chúng ta lấy Thân, thọ, tâm và pháp của mình nương theo đó giữ gìn tu tập sống đúng đời sống giải thoát của bốn chỗ này, khiến cho thân tâm chúng ta thanh tịnh, nên Đức Phật gọi pháp môn này là Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là bốn pháp tu tập giúp cho thân tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh tức là sự giải thoát của Đạo Phật, sự giải thoát của Đạo Phật có nghĩa là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp có nghĩa là không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người là một đạo đức nhân bản của Đạo Phật, một đạo đức tuyệt vời biến cảnh thế gian này thành cảnh Cực Lạc, Thiên Đàng.

Trong kinh sách Nguyên Thủy Đức Phật dạy tu Tứ Bất Hoại Tịnh là có bốn cách niệm:

Niệm Phật
Niệm Pháp

Niệm Tăng Niệm Giới

NIỆM PHẬT

Niệm Phật như thế nào?

Các kinh sách Đại Thừa và các nhà học giả Phật Giáo dạy niệm Phật là niệm danh hiệu Phật như:

Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật hay Nam Mô Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Niệm Pháp như thế nào?

Kinh sách Đại thừa dạy niệm Pháp là tụng kinh, tụng chú v.v...

Niệm Tăng như thế nào?

Kinh sách Đại thừa dạy niệm Tăng là cúng dường trai tăng y áo, thực phẩm, tiền bạc và tứ sự.

Niệm Giới như thế nào?

Kinh sách Đại Thừa dạy niệm Giới là mỗi tháng tụng giới hai này vào ngày 14 và ngày 30.

Cho nên hiện giờ trong các chùa theo tướng giải của các nhà học giả Tổ sư của Phật Giáo Đại Thừa dạy Tăng Ni và các cư sĩ niệm Phật rất ồn náo, niệm tất cả các danh hiệu của chư Phật mà các nhà học giả tưởng tượng ra vô số tên Phật. Thậm chí như bộ Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân tưởng tượng viết theo kiểu tiểu thuyết bốn thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh Đông Độ đó là những nhân vật giả tưởng, không có thật, thế mà bộ kinh Hồng Danh sám hối lại ghi những nhân vật đó vào để chư Tăng, những ngày 14 và ngày 30 mỗi tháng đều niệm và lạy hồng danh chư Phật đó để xin sám hối cho tiêu tội. Trong kinh sám hối Hồng Danh có cái tên Đẩu Chiến Thắng Phật. Đẩu Chiến Thắng

Phật tức là Tôn Hành Giả, Tôn Hành Giả còn có tên là Tề Thiên Đại Thánh. Tề Thiên Đại Thánh là một con khỉ đột, nhà tiểu thuyết tưởng tượng ra chứ không có thật, thế mà các Tổ Sư Đại Thừa xem đó là có thật nên biên soạn kinh Sám Hối Hồng Danh ghi tên thầy trò Đường Tăng vào để bắt Tăng, Ni và nam nữ cư sĩ niệm Hồng danh các vị ấy và lạy mồn đầu gối. Thật là buồn cười cho quý Tăng, Ni và cư sĩ u mê ngu si bị lừa đảo mà không hay biết bị lừa đảo.

Niệm Phật như kiểu này dù có niệm muôn ngàn kiếp thì thân tâm cũng không bao giờ thanh tịnh, một bằng chứng hiển nhiên mà ai cũng thấy, quý thầy và quý Phật tử trong các chùa quanh năm suốt tháng không có ngày nào mà không tụng kinh, niệm Phật, nhưng chúng ta xét lại xem số tu sĩ và cư sĩ hiện giờ tụng kinh, niệm Phật thân tâm có thanh tịnh hay không? Hay tâm còn tham, sân, si như các người khác. Như vậy gọi là niệm Phật thân tâm được thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh chỗ nào? Đó là tướng giải của các nhà học giả Tổ sư Đại Thừa dạy sai ý Phật nên người đời sau tu mà không có kết quả, biến cảnh chùa nơi tu hành thanh tịnh thành chỗ cúng tế, niệm danh hiệu Phật. Khi tụng kinh niệm Phật thì chuông, trống, mõ làm inh ỏi ồn náo, tụng kinh như ca hát ý ê, ý à... giọng cao giọng thấp, trầm bổng nghe như hát bộ. Kinh sách Đại Thừa biến dần Tứ Bất Hoại Tịnh thành pháp môn tụng niệm, nói cách khác là biến thành ca nhạc Phật Giáo, đề ru hồn tín đồ vào thế giới siêu hình mê tín, gây tinh thần tiêu cực tựa nương vào thế giới tưởng, khiến cho Phật Giáo mất hết ý nghĩa tự lực giải thoát, cho nên tín đồ hiện giờ nghe vị Thầy nào tụng niệm ê a giọng cao, giọng thấp thì rất thích, nghe như nghe âm nhạc thế gian và còn thích hơn vì thỏa mãn được tình cảm thân thương của mình đối với những người thân đã khuất.

Từ cái hiểu sai, dẫn đến sự tu sai, khiến cho Phật Giáo suy thoái không còn người tu chúng đạo, chỉ còn là vọng ngữ huyền thoại nói láo chuyền nhau.

Niệm, người ta hiểu nghĩa của nó là lặp đi lặp lại một câu kinh, một danh hiệu Phật bằng ý không lời hoặc phát ra lời nói, họ còn hiểu sai hơn nữa là nhờ câu niệm Phật để ức chế tâm không vọng tưởng như trong kinh Di Đà dạy: “...*Thất nhứt nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền*”, có nghĩa là niệm Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày tâm không loạn tức là không có vọng tưởng thì thấy Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện ra trước mặt, báo cho biết trước khi lâm chung Đức Phật và Thánh Chúng sẽ phóng hào quang rước về cõi Cực Lạc Tây Phương. Hiểu như vậy nên Thầy Tổ nào cũng có một xâu chuỗi, lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật.

Từ chỗ hiểu sai Tứ Bất Hoại Tịnh các nhà học giả Đại Thừa và Thiên Đông Độ đã biến thành một pháp môn ức chế tâm, pháp môn ức chế tâm chẳng giúp cho người tu giải quyết được gì cả mà còn thêm bệnh.

Niệm trong Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là tư duy, quán xét, suy ngẫm về thân, thọ, tâm và pháp của Đức Phật, sống như thế nào mà tâm hồn thanh thản, an lạc giải thoát, cho nên niệm có nghĩa là tâm tâm niệm niệm về đời sống của Đức Phật, Ngài sống như thế nào mà tâm không phóng dật? Ngài sống như thế nào mà không làm khổ mình, khổ người?

Khi mà tâm niệm của chúng ta như vậy khiến cho tâm chúng ta đặt lòng tin trọn vẹn ở Đức Phật, do đó Đức Phật sống như thế nào thì chúng ta sẽ cố gắng sống như thế nấy, Đức Phật làm như thế nào thì chúng ta sẽ cố gắng làm như thế nấy. Sống và làm đúng như Phật thì tâm chúng ta

thanh tịnh, không còn phóng dật tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác ác pháp tức là tâm giải thoát hay nói một cách khác hơn là làm chủ cuộc sống tâm bất động trước các pháp, như vậy mới gọi là niệm Phật tâm tâm bất hoại tịnh.

Đây là một bài kinh dạy cách thức chúng ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới rõ ràng, chỉ vì các nhà Đại Thừa chẳng chịu nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy tự kiến giải rồi dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới theo tướng giải, khiến cho người tu tập ức chế tâm thành bệnh. Niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc đâu không thấy mà chỉ thấy bệnh đau quá hiểm nghèo. Hòa Thượng Thiên Tâm là người xướng minh pháp môn Tịnh Độ chuyên ròng niệm Phật, không biết Ngài niệm Phật ức chế tâm như thế nào mà trước khi chết Ngài đã ói ra máu, chúng tôi cũng có một người đệ tử cũng tu ức chế tâm để tịnh chỉ hơi thở cũng khạc ra máu đông đông. Muốn niệm Phật cho đúng thì chúng ta nên lắng nghe Đức Phật dạy niệm Phật: *“Ở đây, này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Như Lai”*. Đoạn kinh trên đây Đức Phật đã xác định cách thức niệm Phật rất rõ ràng *“Tùy niệm Như Lai”* có nghĩa là tâm Như Lai không tham, không sân, không si thì người sống (niệm Phật) như Phật không nên để tham, sân, si chi phối. Khi tâm không bị tham, sân, si chi phối thì tâm được chánh trực. Danh từ *“chánh trực”* ở đây chúng ta phải hiểu nghĩa cho rõ ràng. Chánh trực có nghĩa là tâm ngay thẳng, tâm ngay thẳng tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự là tâm không phóng dật.

Chúng ta hãy lắng tai nghe tiếp Đức Phật dạy: *“Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, liền*

được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.

Đoạn kinh trên đây đã xác định cho chúng ta thấy kết quả cách thức sống như Phật sẽ hiện ra những trạng thái gì?

Khi sống như Phật tâm được thanh thản, an lạc và vô sự thì liền có một niềm tin nơi Phật trong ta khởi lên trong ta, vì thế kinh xác định trạng thái bằng những danh từ ngắn gọn: *“liền được nghĩa tín thọ”* nhưng rất đầy đủ ý nghĩa cho những ai thực hiện đúng lời dạy, còn những người sống không đúng như Phật thì chẳng hưởng được những kết quả này. Vì thế Phật dạy: *“Pháp ta không có thời gian đến để mà thấy”*.

Khi trong ta có trạng thái lòng tin Phật khởi lên, nếu ai có thực hiện được mới biết trạng thái này, một trạng thái tuyệt vời của người có lòng tin như thật. Còn bây giờ chúng ta chưa có trạng thái này nói tin Phật chứ chúng ta chưa có tin như thật. Khi nhận được cảm thọ lòng tin này thì ngay đó tâm hân hoan thích thú pháp niệm Phật. Vậy hân hoan thích thú pháp niệm Phật là gì? Nghĩa là chúng ta luôn luôn thích sống như Phật, có nghĩa là tâm không còn ham muốn một vật gì hết ngay cả cũng không còn ham muốn ăn uống gì cả. Tâm sân cũng vậy, không còn một pháp ác nào tác động vào thân tâm, làm ta nổi sân được và si cũng vậy lúc bây giờ không còn ham thích lười biếng ưa ngủ nghỉ, có nghĩa là trong trạng thái tín thọ không còn hôn trầm, thùy miên, vô ký nữa mà rất siêng năng sống như Phật. Cho nên đoạn kinh dạy: *“Được hân hoan liên hệ đến pháp”* Cụm danh từ này có nghĩa là vui mừng thích thú sống như Phật.

Khi trong tâm có trạng thái thích sống như Phật thì một trạng thái khác hiện lên, đó là trạng thái niềm vui mừng khởi lên trong ta như kinh dạy: *“Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh”*. Niềm vui mừng hiện rõ trong ta thì cơ thể ta an lạc và nhẹ nhàng như không còn trọng lượng bước đi rất thoải mái, thân không còn đau nhức hay mệt mỏi gì cả, một trạng thái của thân an lạc vô cùng nên kinh dạy: *“Người có hỷ, nên thân được khinh an”*. Đúng vậy, người có niềm vui thì thân được nhẹ nhàng an lạc. Khi thân được nhẹ nhàng an lạc thì toàn bộ thân tâm có một cảm giác thọ lạc một cách kỳ lạ mà không thể nói ra được vì không có danh từ nào để diễn tả chỉ có người tu tập đến những trạng thái đó mới cảm nhận được như người uống nước nóng lạnh tự biết, người ngoài cuộc không thể biết được. Đoạn kinh đã xác định rõ ràng: *“Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ”*. Trong trạng thái lạc thọ này hành giả mới xác định được tâm định tĩnh. Từ lâu mọi người ai cũng nói tâm định tĩnh, nhưng chưa ai biết được trạng thái tâm định tĩnh như thế nào? Trải qua bao nhiêu trạng thái mới thấy được tâm định tĩnh. Với tâm định tĩnh này các bạn sẽ nhập thiền định không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức. Tu tập được tâm định tĩnh không phải dễ đâu các bạn ạ!

Sống như Phật cuối cùng chúng ta mới có được trạng thái tâm định tĩnh như trong kinh dạy: *“Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”*. Nếu tâm bạn chưa có lạc thọ thì không bao giờ bạn có được tâm định tĩnh.

Sau khi được tâm định tĩnh thì các bạn mới có một cuộc sống bình thản trước mọi ác pháp và mọi cảm thọ; chừng đó chúng ta mới không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh như thật; chừng đó tâm chúng ta mới bất động thật sự trước các ác pháp và các cảm thọ. Chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy: *“Này Mahànàma, về vị*

Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình thân, vị ấy sống bình thân. Với mọi người não hại, vị ấy không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật là vậy”. (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 16).

Đến đây các bạn đã thấy rõ phương pháp niệm Phật của Phật Giáo Nguyên Thủy không giống phương pháp niệm Phật của kinh sách Đại Thừa. Niệm Phật của kinh sách Đại Thừa là phương pháp niệm Phật ức chế tâm nhằm chế ngự vọng tưởng “Thất nhứt nhất tâm bất loạn...” Đó là một phương pháp niệm Phật của ngoại đạo chúng ta tu theo Phật hãy ném bỏ nó, vì đó là phương pháp tu tập sai. Xin các bạn cần lưu ý để tránh sự lừa đảo của ngoại đạo.

Trên đây là một trong những bài kinh đã xác định Đức Phật dạy niệm Phật rõ ràng “*dựa vào Như Lai*” có nghĩa là sống giống như Như Lai thì đó là niệm Phật đúng nghĩa.

NIỆM PHÁP

Niệm Pháp như thế nào?

Niệm Pháp không phải theo kiểu các Nhà học giả Tổ sư Đại Thừa dạy: “*Nam Mô Pháp*”, niệm Pháp như vậy dù cho có niệm đến 1.000 năm 1.000.000 năm, thân tâm của quý vị cũng không thanh tịnh.

Niệm Pháp có nghĩa là tư duy suy nghĩ những pháp mà Đức Phật đã dạy.

Ví dụ: Đức Phật dạy: “*Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp*”, theo lời dạy này ngày ngày tâm niệm niệm luôn luôn cảnh giác giữ gìn và ngăn ngừa các pháp ác, nếu lỡ có các pháp ác sanh ra thì mau mau tìm cách diệt nó không được để trong tâm kéo dài sự khổ đau giận hờn phiền toái bất toại nguyện, khiến cho tâm thanh thản an lạc nhẹ nhàng thoải mái yên ổn, đó chính là chúng ta niệm Pháp, niệm Pháp như vậy có kết quả giải

thoát ngay liền khiến cho tâm thanh tịnh nên gọi là niệm Pháp, thân tâm bất hoại tịnh.

Pháp của Đức Phật có 37 phẩm trợ đạo, chúng ta nên chọn trong 37 phẩm trợ đạo này với một pháp môn nào phù hợp với đặc tướng của mình rồi lấy đó thực hành áp dụng vào cuộc sống hằng ngày để xây dựng cho mình có một đạo đức làm người mà không làm khổ mình khổ người, đây là niệm pháp bất hoại tịnh.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe một đoạn kinh mà Đức Phật đã dạy niệm Pháp : *“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu!”* *Này Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối; trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Pháp. Và này Mahànàma, Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.*

“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này được nói như sau: “Với mọi người không bình thân, vị ấy sống bình thân. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Pháp”. (Kinh Tăng Chi tập 3 trang18).

NIỆM TĂNG

Niệm Tăng như thế nào?

Nếu theo kinh sách của các nhà học giả Tổ sư Đại Thừa dạy: *“Nam Mô Tăng”* và cứ như vậy mà niệm thì dù có tu

trăm muôn ngàn kiếp thì thân tâm này cũng chẳng thanh tịnh, Nam Mô Tăng như vậy là một pháp ức chế tâm khiến cho tâm bị dồn nén tham, sân, si, mạn, nghi, càng tu thì tâm này càng tham, sân, si dữ tợn khi gặp chướng ngại pháp.

Muốn tu pháp niệm Tăng cho đúng thì trước tiên phải chọn những vị Tăng nghiêm trì giới luật, Những vị Tăng nghiêm trì Giới luật là những vị sống thiếu dục tri túc, ba y một bát, sống không có chùa to Phật lớn, sống xa lìa những vật chất tiện nghi đầy đủ, sống không có ăn mặc sang đẹp, sống thường đi xin từng miếng mà ăn, sống không cất giữ tiền bạc của cải tài sản, thường lấy gốc cây làm giường nằm, sống ngày một bữa không có ăn uống phi thời.

Chọn được những vị Tăng như vậy chúng ta tôn kính những bậc này và xin họ làm Thầy. Từ đây chúng ta có ngọn đuốc soi đường, hằng ngày ta quan sát tư duy qua gương Thánh hạnh đạo hạnh của họ và chúng ta tập sống như họ, để biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, để biết đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, để biết thương yêu hòa hợp với mọi người, để biết chịu phần thiệt về mình luôn luôn bắt chước các đức hạnh của chúng Tăng, sống theo gương Thánh đức của chúng Tăng. Ngược lại những vị Tăng phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới thì chúng ta xem họ như những tu sĩ Bà La Môn không đáng cho chúng ta cung kính và cúng dường.

Tư duy quán xét những đức hạnh sống của chúng Thánh Tăng để lấy đó làm gương sống tu tập ly dục ly ác pháp, đó mới chính là chúng ta niệm Tăng. Niệm Tăng như vậy có ích lợi cho mình cho người rất lớn sẽ không làm khổ mình khổ người; niệm Tăng như vậy thân tâm mới thanh

tịnh; niệm Tăng như vậy mới gọi là niệm Tăng Bất Hoại Tịnh.

Đây là lời Đức Phật dạy chúng ta cách thức niệm Tăng: *“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đời tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời”. Này Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào tùy niệm chúng Tăng. Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến chúng Tăng. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ tâm được định tĩnh”.*

“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình thân, vị ấy sống bình thân. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm chúng Tăng”. (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 19).

NIỆM GIỚI

Niệm Giới như thế nào?

Các nhà Đại Thừa dạy niệm Giới bằng cách mỗi nửa tháng một kỳ ngày 14 hoặc ngày 30 họ tập trung nhau lại tụng Giới đó là cách thức của họ niệm Giới, niệm Giới như vậy dù một triệu kiếp tu hành Giới luật cũng không nghiêm trì thanh tịnh được.

Họ đâu biết rằng Giới luật là hành động sống đạo đức của một vị Thánh Tăng, Thánh Ni, nếu họ tụng Giới luật suông như vậy thì không có ý nghĩa và lợi ích gì cả, đó chỉ là hình thức che đậy sự phá giới của họ.

Cho nên hầu hết các Thầy Đại Thừa niệm Giới như vậy đều sống phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới.

Các nhà Đại Thừa hiểu không đúng pháp Tứ Bất Hoại Tịnh nên thực hành sai, do thực hành sai mà thân tâm ô nhiễm không thanh tịnh, cuối cùng tu Tứ Bất Hoại Tịnh mà thành Tứ Hoại Tịnh, không có giải thoát chút nào. Vậy, niệm Giới như thế nào cho đúng ?

Muốn niệm Giới cho đúng thì phải học giới luật cho thông suốt, khi Giới luật đã học thông suốt thì chúng ta quán xét và tư duy những đức hạnh nào của giới dạy về đạo đức làm Người và những giới luật nào dạy về giới đức làm Thánh. Chúng ta đã hiểu rõ các đức hạnh của giới xong, thì từ đó hằng ngày chúng ta quyết tâm phải sống cho đúng những đạo đức làm Người và làm Thánh, nhờ có quán sát và tư duy như vậy nên sống đúng giới luật nghiêm túc, do sống đúng giới luật nghiêm túc nên thân tâm thanh tịnh ly dục ly ác pháp.

Người tư duy quán sát và sống đúng giới luật như vậy nên gọi là niệm Giới Bất Hoại Tịnh, niệm như vậy mới gọi là niệm Giới chứ không phải niệm Giới theo kiểu các nhà Đại Thừa tụng một bài Giới là xong, niệm Giới như vậy, gọi là niệm Giới Đại Thừa, chứ không phải niệm Giới Bất Hoại Tịnh.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy niệm Giới: *“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm các giới của mình: “Giới không bị bẻ vụn, không bị nứt mẻ, không bị vết chấm, không bị uế tạp, đưa đến giải thoát, được người*

trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định”. Nay Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Giới. Và nay Mahànàma, một Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến giới pháp. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.

“Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình thân, vị ấy sống bình thân. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Giới”. (Kinh Tăng Chi tập 3 trang19).

Đây là một trong những bài kinh, để xác chứng lời Đức Phật dạy như vậy mà các Tổ dám cả gan dạy sai, khiến cho người đời sau tu tập sai lạc, đó là các Tổ dạy sai pháp của Đức Phật, còn những pháp các Tổ bịa đặt ra cũng đều gán cho là Đức Phật thuyết. Bởi vậy, từ 25 thế kỷ nay người ta tu theo Đạo Phật chứ kỳ thật là người ta tu theo Đạo của các Tổ, cho nên hằng triệu vạn người tu hành mà chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Các con nên nhớ, nếu các con quyết tâm tu hành tìm cầu sự giải thoát của Đạo Phật, thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh các con cũng đã thành tựu viên mãn con đường tu tập có nghĩa là các con sẽ làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người: Sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, thì cần gì các con phải tu các pháp môn khác.

Còn nói các con tu Tứ Bất Hoại Tịnh câu hữu với Định Vô Lậu là vì các con tư duy, quán xét, suy ngẫm về Phật,

Pháp, Tăng và Giới để các con thực hiện sống cho đúng như Phật như Pháp, như chúng Thánh Tăng và như Giới luật đã dạy, để không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, đó là cách thức quét sạch lậu hoặc trong các con nên mới gọi là câu hữu với Định Vô Lậu, chứ kỳ thực các con không có tu Định Vô Lậu mà tu Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tóm lại một người quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì cũng đủ sự giải thoát rồi đâu cần gì phải tu nhiều thứ cho mệt.

Ví dụ: Mình quyết sống như Phật thì khi gặp chướng ngại pháp trong tâm, chúng ta nhất định không sân, không phiền não, không đau khổ sống và làm y như Phật thì ngay đó thân tâm thanh tịnh hay nói cách khác là tâm bất động trước các ác pháp. Tu hành chỉ có như vậy mà thôi, thế mà chẳng ai làm được cả.

Pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp môn hay tuyệt vời, nếu một người quyết tử tu tập thì sẽ có kết quả ngay liền, không còn phải chờ đợi kéo dài từ năm này đến tháng kia hoặc năm khác.

CÁCH THỨC GOM TÂM

Hỏi: Kính thưa Thầy! Lúc này con gom tâm rất chậm từ 10' đến 15' mới gom được là tại sao?

Đáp: Gom tâm chậm là pháp hướng tâm còn yếu, tình thức chưa cao và chưa biết cách thức gom tâm.

Cách thức gom tâm cũng không khó khăn gì lắm, nhưng phải thường xuyên tu tập những cách sau đây:

1- Phải thường xuyên đi kinh hành, phải biết đi kinh hành đúng pháp môn, đúng cách đi kinh hành, làm mọi việc

phải biết làm mọi việc, hoặc ngồi tại chỗ biết ngồi tại chỗ, trong lúc ấy thường hướng tâm nhắc: *“Tâm phải gom về thân hành, thân làm cái gì thì tâm phải biết làm cái nấy, không được phóng dật ra ngoài, không được đi lang thang, không được nghe ngóng, phải gom về thân hành cho thật chặt”* Con nên tu tập tĩnh thức bằng pháp hướng này thì kết quả con gom tâm rất nhanh.

2- Con nên theo phương pháp thở hơi thở chậm này để gom tâm. Trước khi thở hơi thở chậm con hướng tâm: *“Tâm phải tập trung vào hơi thở tại nhân trung”*, hướng tâm xong con hít vô chậm chậm cho đến khi không còn hít vô được thì con bắt đầu thở ra và thở ra cũng chậm chậm cho đến khi hết thở ra được, thì con thở trở lại hơi thở bình thường, sau khi mười hơi thở bình thường con đã thở xong thì con thở trở lại hơi thở chậm chậm và nhẹ, trước khi thở hơi thở chậm chậm thì con lại hướng tâm một lần. Cứ như thế mà con tu đến 30' thì xả nghỉ.

Tóm lại, khi dùng hơi thở chậm thì con gom tâm rất dễ dàng, không còn khó khăn. Nếu 10 hơi thở con thấy sức gom tâm còn yếu thì con nên tu năm hơi thở bình thường và một hơi thở chậm, khi nào tâm con gom được thì con chỉ thở hơi thở bình thường mà không cần thở hơi thở chậm và nhẹ nữa.

Con nên cố gắng tu tập, rồi báo cáo cho Thầy biết để chỉnh đốn lại cho đúng, khi tu tập đúng là có kết quả ngay liền, còn ngược lại có trạng thái nặng đầu, căng mặt thì con hãy ngưng sự tu tập và hỏi lại Thầy để tu tập cho đúng đặc tướng. Chúc con tu tập tốt và thành công.

TÂM BUNG RA HOẶC RƠI VÀO VÔ KỶ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con gom tâm yên lặng chỉ 15' hoặc 20' thì tâm con lại bung ra hoặc rơi vào vô ký. Thưa Thầy có cách nào an trú trong yên lặng và đừng để rơi vào vô ký không?*

Đáp: Định diệt tầm giữ tứ con tu chưa được thuần thực, phải tu trở lại, luôn luôn phải giữ tứ trong câu pháp hướng: “*Tâm phải gom trong hơi thở, hơi thở chậm và nhẹ*”, trong khi ngồi tu con luôn nhắc câu trên đây, không cần đếm. Tu như vậy tâm sẽ không bung ra và không rơi vào vô ký.

Còn một cách khác nữa là tâm con sẽ không bung ra và không rơi vào vô ký, con hãy đứng dậy ngay liền đi kinh hành 20 bước và ngồi xuống đếm năm hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành 20 bước, cứ thế tiếp tục tu tập mãi cho hết giờ xả nghỉ.

Tu như vậy con nên ghi nhớ trong mọi hành động khi ngồi, khi thở, khi đứng dậy, khi đi kinh hành và khi hướng tâm con không được quên, nếu thấy mệt thì tu ít giờ trở lại, không được tu tập quá sức.

Còn một cách nữa là lúc nào con cũng đẩy lui các ác pháp trên thân thọ, tâm và pháp của con thì tâm con tự gom vào hơi thở nên không có khó khăn, không có mệt nhọc. Đó là tâm không phóng dật.

Có tu như vậy tâm con sẽ không bị bung ra và không rơi vào vô ký; tu như vậy sẽ có một sức tĩnh thức đầy đủ để xả tâm và tâm định tĩnh luôn ở trong chánh niệm tỉnh giác. Vì thế, không có dục và các ác pháp tác động vào thân tâm con được.

HÔN TRÀM VÀ LƯỠI BIẾNG

Hỏi: Kính thưa Thầy! Bị hôn trầm và lười biếng con phải phá như thế nào?

Đáp: Gặp bệnh này con phải hết sức chiến đấu với nó, biết có trạng thái muốn nằm ngủ thì không nên ngồi mà phải đứng dậy đi kinh hành liền không được chậm trễ, vì chậm trễ lười biếng sẽ lôi con nằm xuống và tâm con sẽ có những lý luận rất tinh vi, để lôi con nằm hoặc ngồi tu, rồi ngủ.

Gặp bệnh này:

1- Con phải hướng tâm nơi bước chân đi và tác ý to tiếng: “Tâm phải luôn tập trung vào bước chân đi, không được xao lãng”.

2- Tìm một bài kệ, một câu thơ thường nhắc đến sự chết và tất cả sự vô thường đau khổ của thân người để cảnh giác. Từ đó con quán xét đường tu hành của con hiện giờ tu hành chưa đến đâu mà lỡ vô thường nhân quả đến thì lấy gì tiếp tục tu đây. Mất thân rồi biết còn có được thân sau nữa hay không? Khi tư duy như vậy rồi con lại đem thân ra suy nghĩ kế tiếp về nghĩa lý vô lậu hoặc về thân vô thường, bất tịnh, vô ngã và đau khổ.

Hoặc nhớ lại người cha thân yêu của mình đã mất, mình phải siêng năng tinh tấn tu tập để tìm thấy cha mình sanh về đâu.

Tốt nhất muốn phá tâm hôn trầm thù miên và lười biếng thì con nên đi kinh hành 20 bước rồi lại ngồi tu 5 hơi thở, cứ tu tập như vậy mãi chừng nào hết hôn trầm thù miên và lười biếng thì mới thôi, tu 5 hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành là phương pháp phá và diệt sạch hôn trầm tuyệt vời. Các con nên cố gắng tu tập thì sẽ chiến thắng trong tay. Nếu hôn trầm thù miên quá nặng thì mỗi bước đi thì mỗi tác ý to tiếng kèm theo như truyền lệnh: “Chân

mặt bước! Chân trái bước!!!!” Cứ mỗi lệnh là một hành động làm theo đúng lệnh. Lệnh truyền như tiếng sét. Có tu tập như vậy con mới phá được hôn trầm, vì hôn trầm rất khó phá. Đứng để gục rồi mới đi kinh hành là quá trễ, vừa thấy dạng hôn trầm là đứng dậy ngay liền, chiến đấu liền, không được xem thường nó. Ngay từ lúc đầu phải chiến đấu tận lực thì mới mong thắng được nó. Hôn Trầm thù miên là trạng thái tâm si của con vì vậy nó rất khó trị. Tu hành thường bị nó cản trở nên rất khó đẹp, phải bền chí kiên cường, giờ giấc phải nghiêm chỉnh. Lúc nào cũng đề cao cảnh giác trạng thái lười biếng, hôn trầm, thù miên, vô ký, hôn tịch, ngoan không v.v...

DIỆT TÂM

Hỏi: Kính thưa Thầy! Làm cách nào để diệt được tâm hết hẳn, không còn trở tới trở lui nữa?

Đáp: Muốn diệt được tâm hết hẳn trong thời gian 30' hoặc 1 giờ thì tu “định diệt tâm giữ tứ”. Lâu lâu tâm vẫn còn tái diễn là tu định diệt tâm chưa thuần.

Định diệt tâm chưa thuần mà vội xả tứ nó có hai trường hợp xảy ra:

- 1- Tâm không dứt, thường tái diễn trở lại.
- 2- Tâm chưa dứt sạch mà bỏ tứ thường xảy ra vô ký.

Muốn diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên mà Sơ Thiên chưa nhập được thì làm sao diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên. Bởi vì Nhị Thiên là bắt đầu thân định. Trong pháp tu hành về thiên định, tâm chưa định mà thân định thì không bao giờ có được, họa may có định cũng chỉ là định tưởng mà thôi.

Định ly dục ly ác pháp chưa nhập được mà lo tu tập định diệt tâm tứ thì đó chỉ là mơ mộng mà thôi.

Một người nhập được chánh định thì người ấy phải sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào cả, bởi từ giới luật thanh tịnh nó mới có đủ Tứ Thần Túc. Có đủ Tứ Thần Túc thì mới diệt được tâm tứ nhập Nhị Thiên. Cho nên giới luật không thanh tịnh thì không bao giờ nhập Sơ Thiên được huống là Nhị Thiên.

Tại sao các con không diệt được tâm tứ nhập Nhị Thiên?

Tại vì tâm các con chưa ly dục ly ác pháp, nói cách khác cho dễ hiểu hơn, tại vì các con còn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, tâm chưa thanh tịnh giới.

Lấy giới luật mà xét thì biết người nào nhập định và không nhập định rất rõ ràng và cụ thể, dù cho họ có ngồi thiền một hai ba ngày hoặc bảy tám ngày thì đó là thiền tưởng, tà thiền, chứ không phải là chánh định của Đạo Phật.

Khi tâm thanh tịnh tức là tâm ly dục ly ác pháp xong thì người này tu định diệt tâm giữ tứ, tức là khi tâm họ không còn phóng dật thì họ tìm nơi gốc cây bóng mát nơi vắng vẻ, nơi không có người lai vãng, họ ngồi kiết già lưng thẳng và khi tâm họ bắt đầu an lạc thanh thản và vô sự thì họ dùng pháp hướng tâm: “Tâm phải diệt tâm” đến khi ta thấy tâm không còn nữa, nghĩa là ta còn thấy rõ bốn chi thiền của Sơ Thiên: Tứ hỷ, lạc và nhất tâm thì lúc bấy giờ chúng ta mới tu định diệt tâm tứ...như trên Thầy đã dạy.

Phần đông người tu thiền thời nay, tu chưa xong lớp thiền này thì vội tu lớp thiền khác, tu như vậy là tu sai không có lớp lang, tu lộn xộn, tu theo kiến giải tưởng giải của người xưa, v.v...

Khi tu tập Tứ Niệm Xứ, bốn chỗ: Thân, thọ, tâm, pháp được sung mãn thì Tứ Thần Túc xuất hiện. Tứ Thần Túc xuất hiện thì dùng ngay Định Thần Túc nhập các định

không còn khó khăn, mệt nhọc, không còn phí sức tu tập, nhập định dễ như trở bàn tay, như lấy đồ trong túi.

BUỒN CHÁN

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Làm sao ngăn chặn được tâm buồn chán?*

Đáp: Buồn chán là một trạng thái bi quan. Buồn chán là một trạng thái ngao ngán cho một sự việc mình đang làm mà gặp thất bại. Muốn hết buồn chán con nên tìm hiểu tâm con đang buồn chán cái gì?

Khi đã rõ sự việc buồn chán con đặt niệm đó tư duy quán xét theo như cách tu “**Định Vô Lậu**”.

Nên trao đổi tâm niệm buồn chán với một Thiên hữu tri thức thân thương, người ấy sẽ giúp xả tâm niệm đó.

Buồn chán là một trạng thái khổ đau, nó là ác pháp. Người tu hành theo Đạo Phật nhất định không để tâm buồn chán và tìm mọi cách đẩy lui nó ra khỏi tâm, giúp cho tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Vì lời dạy của Đức Phật là luôn luôn phải: “**Ngăn ác, diệt ác pháp**”. Buồn chán là một ác pháp, ác pháp này rất độc nó có thể khiến con đi đến tự tử. Tự tử để không còn buồn chán, nhưng sự thật nó không phải vậy. Bởi vì tự tử gây ra một tội lỗi rất lớn, tội giết người. **Người chết trong tự tử là người chết trong đau khổ, chết trong đau khổ là chết trong địa ngục** có nghĩa là người này bỏ thân này tiếp nối thân khác ngay liền đều gặp thân đau khổ và còn đau khổ hơn trong kiếp này nữa.

Vì vậy buồn chán là một ác pháp tối độc hại, người tu theo đạo Phật phải đề cao cảnh giác đừng để tâm buồn chán, vừa thấy tâm hơi buồn là chúng ta đã hóa giải nó ngay liền.

Trên đường tu hành theo đạo Phật “*chúng ta nên tu tập để nhằm chán đời sống thế gian, chứ không nên buồn chán*”, vì nhằm chán khác với buồn chán, buồn chán là vì không thỏa mãn được lòng ham muốn, còn nhằm chán có nghĩa là đã từng trải đời, thấy đời là một sự khổ đau chân thật không có gì vui chỉ là một chuỗi dài thời gian toàn là sự vô thường và khổ đau.

Cho nên buồn chán là một ác pháp cần phải diệt, còn nhằm chán là một điều pháp giúp chúng ta thoát ra khỏi cuộc đời đầy sóng gió, ba đào.

Người tu hành theo Phật giáo mà để tâm buồn chán là người ngu si ôm ác pháp trong tâm để rồi tự giết mình trong ác pháp, chết trong ác pháp ấy, người như vậy không xứng đáng là đệ tử của Phật. Người đệ tử của Phật lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm thanh thản, an lạc và vô sự là hạnh phúc nhất trần gian.

MUỐN XẢ NHỮNG LỖI LÀM

Hỏi: Kính thưa Thầy! Người làm lỗi tại đây, hoặc ra đi thì phải chịu nhân quả đó. Nhưng muốn vượt qua, làm chủ được những nhân quả này, thì phải thường xuyên tu tập những pháp môn gì?

Đáp: Nhân quả do tâm tạo ra tội lỗi (nhất thiết do tâm tạo). Muốn chấm dứt nhân quả tội lỗi thì phải diệt ngã xả tâm, muốn diệt ngã xả tâm thì phải tu Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác...

Do diệt ngã xả tâm, nên nhân quả không tác dụng được tâm, vì thế gọi là vượt qua hay làm chủ nhân quả.

Khi đã làm lỗi ở đây, mà quyết tâm ở đây để xả tâm bằng cách tự nhắc tâm mình không làm lỗi nữa hoặc phát lồ

sám hối với một vị Thầy tâm đầy đủ thanh tịnh và hứa khả cố gắng giữ gìn không cho vi phạm những lỗi lầm đó nữa, đó là sự diệt ngã xả tâm. Còn đi nơi khác để tu tập xả tâm thì đó là một sự tránh né và sự tránh né tức là nuôi ngã và các ác pháp. Do đó tội lỗi càng lớn mạnh hơn.

Tóm lại, muốn vượt qua nhân quả tội lỗi này thì điều thứ nhất là phải tự giác sám hối và hứa khả với tâm mình là phải từ bỏ những lỗi lầm mình đã gây ra không còn tái phạm lại nữa.

Điều thứ hai là đến trước một vị Thầy giới đức thanh tịnh, nghĩa là vị Thầy đó không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ nhặt nào cả, phát lồ tất cả những lỗi lầm của mình và nhờ vị ấy chứng minh cho mình sám hối những lỗi lầm và hứa khả từ đây mình không còn tái phạm những lỗi lầm đó nữa.

Có sám hối những lỗi lầm đúng cách như vậy thì những tội lỗi mới được hóa giải, tâm hồn mới thanh thản, an lạc và vô sự.

Pháp Phật vi diệu và đặc biệt dù bất cứ ở nơi đâu mà đã làm tội lỗi thì chỉ có tự mình sám hối ăn năn chừa cải, hoặc bằng cách phải phát lồ với một vị Thầy thanh tịnh giới đức thì tội lỗi mới được hóa giải.

TU ĐỊNH VÔ LẬU TRONG TẤT CẢ HÀNH ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Hỏi: Kính thưa Thầy! Từ nay con tu tập Định Vô Lậu nhiều hơn, có khi ngay cả trong giờ làm việc và cả giờ tối tu Định Niệm Hơi Thở có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, càng tu tập Định Vô Lậu càng xả tâm nhanh chóng, càng thấy kết quả nhanh hơn:

- 1- Thân được an vui, thanh thản.
- 2- Tâm bất động như cục đất trước các đối tượng.
- 3- Tâm được chánh định, không rơi vào tà định (trưởng định).
- 4- Pháp hướng có hiệu quả và hiệu quả mau nhiệm siêu việt lạ lùng.

Nhưng có một điều con cần lưu ý tất cả pháp hành trong Phật Giáo đều nhằm vào một mục đích duy nhất là vô lậu. Vậy lúc nào tu Định Vô Lậu để quán vô lậu; lúc nào tu Định Niệm Hơi Thở để quán vô lậu; lúc nào đi kinh hành để quán vô lậu; lúc nào làm việc để quán vô lậu; lúc nào tu Định Niệm Hơi Thở để tác ý vô lậu; lúc nào đi kinh hành để tác ý vô lậu, lúc nào làm việc để tác ý vô lậu, đó là những điều cần thiết vừa đủ để tu tập tâm vô lậu nhưng phải rất thiện xảo và phải luôn nhớ đừng quên, đây là cốt lõi trên đường tu tập giải thoát của đạo Phật.

Đọc trong thư con, thì sự hiểu biết của con về Phật pháp chỉ mới trang bị cho sự bắt đầu những điều chân chánh để tu tập, nhưng còn áp dụng vào cuộc sống thì lại là một điều khác.

Muốn có kết quả giải thoát thân tâm thì phải:

- 1- Thường xuyên thừa hỏi mọi tâm niệm xảy ra của mình để được thông suốt và hóa giải do người thiện hữu trí thức thân cận.
- 2- Phải siêng năng tu tập chánh niệm tỉnh giác trong tất cả mọi hành động và trong tất cả việc làm, không chỉ riêng tu Định Niệm Hơi Thở, mà còn phải tu luôn cả Định Vô Lậu. Nhưng phải lưu ý tỉnh giác không phải chỉ biết có tỉnh giác trong thân hành niệm nội và ngoại mà còn phải tỉnh giác trong chánh niệm, tức là biết hành động của thân, khẩu, ý của mình đang làm việc gì thiện hay ác. Lại còn phải biết

các pháp bên ngoài thiện hay ác để ngăn chặn và diệt, còn thiện pháp thì tăng trưởng. Có như vậy mới được gọi là tỉnh giác trong chánh niệm của cuộc sống.

3- Siêng năng tu tập Định Vô Lậu, quán xét tư duy về đời sống là khổ, lòng ham muốn là khổ, nhân quả là khổ, ái dục là khổ, sân hận là khổ, nhớ thương là khổ. Thân, thọ, tâm, pháp vô thường bất tịnh là khổ, thực phẩm bất tịnh thường ăn vào sinh ra bệnh tật, ái dục bất tịnh sinh ra dục lạc khiến tâm mê mờ tạo nhiều ác nghiệp là khổ v.v... Quán tưởng nhàm chán cuộc sống thế gian là khổ, vì vui đó rồi lại khổ đó, khổ đó rồi lại vui. Cuộc sống của con người giống như một vở tuồng trên sân khấu, không có gì bảo đảm,

4- Phải dứt khoát xả tâm cho thật sạch (tâm như cục đất) thì mới mong có sự thanh thản, an lạc và vô sự.

Đó chỉ là mới có sự bắt đầu cho một cuộc sống biết tu hành, chứ chưa phải là thâm nhuần sự giải thoát. Cho nên *“hiểu biết chỉ là một sự mới bắt đầu tỉnh thức cho một điều kiện nhân quả thiện để chuyển đổi nhân quả ác”*.

CÓ SỰ ĐIỀU KHIỂN TRONG HƠI THỞ LÀ CHƯA NHẬP ĐỊNH

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Khi hơi thở thật nhẹ, rất thông và dài, nhưng cũng có sự điều khiển phải không thưa Thầy?*

Đáp: Khi hơi thở thông nhẹ và dài mà còn có sự điều khiển bằng pháp hướng hoặc bằng sự vận dụng thì đó là đang tập tu nhiếp tâm, chứ không phải nhập định. Nhất là đang tu định diệt tầm giữ tứ thì mọi sự điều khiển và sự hướng tâm là rất cần thiết cho định này.

Hơi thở nhẹ, dài và thông suốt, phải coi chừng hơi thở này là hơi thở tưởng, tức là tưởng tức, khi có tưởng tức xuất hiện ngay liền thì có trạng thái khinh an. Đó là do công phu ức chế tâm mà rơi vào trạng thái của định tưởng.

Khi gặp hơi thở này thì chúng ta cố nhớ tác ý: “*Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra*” hay “*Quán tâm như đất tôi biết tôi hít vô, quán tâm như đất tôi biết tôi thở ra*” hay “*Tâm hãy ly dục ly ác pháp bất động tâm*”.

Nhờ có tác ý như vậy mà phá được tưởng thức, và đồng thời có lợi lạc rất lớn là xả được tâm ác, lia tham, sân, si là tâm có năng lực không tham, sân, si, năng lực không tham, sân, si là năng lực của tâm thanh tịnh, năng lực tâm thanh tịnh tức là phương tiện điều khiển thân tâm nhập các loại định sau này.

TRẠNG THÁI AN ỔN KHÔNG CÓ LIÊN TỤC

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi hơi thở bắt đầu quá nhẹ, đi vào trạng thái an ổn thì khoảng 5' bung ra, khi bung ra khoảng 5', 10' mới an ổn trở lại. Kính thưa Thầy! Như vậy làm cách nào để nó được an ổn luôn luôn?*

Đáp: Khi đã bắt đầu đi vào trạng thái an ổn, chỉ trong thời gian ngắn, không thể kéo dài ra được có ba trường hợp:

- 1- Xả tứ quá sớm.
- 2- Sức tỉnh thức chưa đủ để xả tâm có nghĩa là sự tỉnh thức chưa đủ để sống trong chánh niệm.
- 3- Lậu hoặc chưa sạch.

Đó là thiếu thiện xảo an trú trong an ổn, có người được 5' hoặc 10'. Có người được 30' lại có người được 1 giờ cho đến 3, 4 giờ lại bùng ra.

Muốn được an trú kéo dài thời gian an ổn đó (yên lặng) thì phải tu tập các định:

- 1- Định diệt tâm giữ tứ.
- 2- Định chánh niệm tỉnh giác.
- 3- Định vô lậu quét sạch lậu hoặc.

Nếu không tu ba loại định này cho thuần thực thì trạng thái an ổn kia chỉ là một xúc tượng hỷ lạc sẽ đưa hành giả vào một loại định tưởng (tà định) hoặc lúc có lúc không và trạng thái đó không được duy trì lâu bền.

Chính người tu thiền định ngày nay đều rơi vào trạng thái an ổn của các loại tà định này, nên sinh ra kiến giải, tưởng giải, từ đó ngã chấp to lớn xem như mình đã chứng đạo (kiến tánh thành Phật, Phật mà chưa hết tâm tham, sân, si còn tham ăn tham ngủ, tham tiền, tham bạc, tham sắc, tham danh, tham lợi, v.v....)

Tóm lại, khi tu thiền mà tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn mà có trạng thái hỷ lạc, khinh an thì nên đề cao cảnh giác coi chừng tu sai pháp rồi đó.

Điều cần thiết khi có cảm giác khinh an hay hỷ lạc thì phải mau mau đến thưa hỏi với một Thiện hữu tri thức có kinh nghiệm trong sự tu tập này, để giải nghi cho, chứ đừng có tự ý tu tập thì không tốt có thể xảy ra bệnh tật hoặc điên khùng như người mất trí.

CÓ TRẠNG THÁI AN ỔN RỒI MỚI NHẬP ĐỊNH

Hỏi: Kính thưa Thầy! Khi ngồi thiền lần lần hơi thở đi đến nhẹ nhàng, vào trạng thái an rồi mới nhập được định. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, nhưng đừng để tâm ở trạng thái “an lạc” mà phải ở trạng thái “yên lặng”.

An có nghĩa là khinh an, nhưng khinh an hiện giờ có là do ức chế tâm mà sinh ra, do ức chế tâm sinh ra thì an đó là khinh an của tướng, chứ không phải khinh an do ly dục ly ác pháp sinh ra, tu đến đây coi chừng nhập vào định tướng, cần cảnh giác.

Khi nào nhập định là lúc bây giờ tâm phải ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì mới nhập đúng chánh định, còn tâm chưa ly dục ly ác pháp mà nhập định thì phải đề cao cảnh giác tránh rơi vào các định tướng như trên đã nói.

Hiện giờ, con nên tu Tứ Niệm Xứ trên Tứ Niệm Xứ để đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm; để khắc phục tâm tham, sân, si của con hơn là thiền định, vì thiền định chân chánh của Phật sẽ không chấp nhận tâm chưa ly dục ly ác pháp.

Tâm còn giận hờn phiền não mà muốn nhập định thì đó là định của ngoại đạo, chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: “*Ta thành Chánh Giác là nhờ tâm không phóng dật, muôn pháp lành đều nhờ đó sinh ra*”. Lời nhắc nhở này làm sao chúng ta quên được, làm sao chúng ta tu lạc vào thiền của ngoại đạo được phải không hỏi các con?

Vậy, tâm con hiện giờ còn như đồng rác bất tịnh, tham, sân, si, mạn, nghi còn đầy đầy ác pháp, thì làm gì con nhập định được, nếu theo sự an ổn của tướng kia mà nhập định thì định ấy là tà định con ạ!

Nhập tà định có ích lợi gì cho bản thân con, có lợi ích gì cho mọi người khác đâu, tà định sẽ đưa con vào con đường tội lỗi, rồi đây tham, sân, si của con còn nhiều hơn.

1- Thứ nhất, con làm tội cho con vì tâm ngã mạn, cống cao, khiến con có nhiều khổ đau và bất toại nguyện.

2- Thứ hai, con đường tu của con sai lạc rơi vào thiền tưởng, đó là bước đường cùng của sự tu tập.

Khi tu hành đúng pháp, tâm ly dục ly ác pháp thì con cảm thấy mình an lạc bất động trước các ác pháp, do đó tâm con giải thoát, dù bất cứ ai làm gì con, con cũng an nhiên không có mống tâm phiền não, sân hận một chút nào cả, còn ngược lại thì con khổ đau vô vàn.

Cho nên sự tu tập có những trạng thái khinh an thì đừng lưu ý đến nó mà hãy lưu ý đến pháp hành con đang tu tập và ôm pháp cho thật chặt như người vượt biển ôm phao, khi gặp sóng gió ba đào. Nếu buông phao là chết chìm dưới biển, mạng sống như chỉ mảnh treo chuông. Người tu hành có khinh an hỷ lạc cũng giống như người ôm phao vậy.

NGÔI THIÊN LƯNG ĐAU, NHỨC VÀ CHÂN TÊ CỨNG

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con tu một thời từ 25' đến 30', lúc gần hết giờ, còn khoảng 5' đến 10' con bị trạo cử ngồi không an, đau buốt cái lưng, nhức và tê cứng đôi bàn chân, chịu không muốn nổi, buộc con phải xả sớm hơn. Có khi con ám thị thì nó hết, có khi lại không hết. Cúi mong Thầy chỉ dẫn cho con.

Đáp: Khi ngồi thiền, gần hết giờ bị đau, nhức, tê chịu không nổi, thì con nên dùng pháp hướng mà nhấn nhủ như thế này: “*Ta quyết định chết bỏ dù cho xương tan thịt*”

nát, máu trong thân này có khô cạn, ta cũng chẳng bao giờ xả ra, ta quyết tu xem mày làm gì?”

Khi ám thị xong câu này, con tiếp tục hướng tâm ra lệnh: *“Sáu thức phải gom chặt vào tụ điểm, tâm phải định tĩnh trong thân cho chặt không được phóng theo thọ”*. Khi hướng tâm xong, bắt đầu con vận dụng hơi thở chậm chậm và nhẹ từng hơi thở một, để cho tâm gom thật kỹ. Khi tâm gom chặt thì con tác ý: *“An tịnh thân hành tôi biết hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”*. Tác ý như vậy được một lúc sau con không thấy đau và tê nữa.

Nhớ đừng động thân, phải giữ thân cho thật chặt dù có đau nhức đến đâu cũng giữ thân bất động và tâm phải bám chặt hơi thở thì sẽ hết đau, đây là phương cách thứ nhất để chiến đấu với cảm thọ, còn phương cách thứ hai con phải thực hiện Tứ Niệm Xứ, trên bốn chỗ Thân, Thọ, Tâm, Pháp để khắc phục tham ưu, đẩy lui các chướng ngại pháp trên đó. Khi con gặp chướng ngại của Thọ thì con không nên ngồi rảnh thêm một phút giây nào cả mà phải đứng dậy đi kinh hành ngay liền, tâm con luôn giữ gìn tĩnh thức khi đứng dậy, khi hướng tâm, khi bước đi giống như con đang ngồi tĩnh thức trong hơi thở vậy. Và như vậy con đã xả Thọ, con sẽ có cảm giác giải thoát ngay liền khi con đứng dậy không còn thấy tê và đau chân nữa, đó là tu theo pháp xả của Tứ Niệm Xứ, cho nên Đức Phật gọi là: *“Trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu là vậy”*.

Dưới đây là hai phương pháp tu hành:

- 1- Úc chế thân tâm để nhập định, phương pháp này rất nguy hiểm, dễ rơi vào tà định, dễ rối loạn thần kinh, dễ sinh ra những bệnh hiểm nghèo như tê, bại, xụi, v.v...
- 2- Xả các chướng ngại pháp để nhập định, phương pháp này bảo đảm hơn vì có xả là có giải thoát, nên thân tâm

nhập vào chánh định dễ dàng, không có khó khăn, không mệt nhọc. Tâm hồn từ bắt đầu tu cho đến khi xả không có một cảm giác khó chịu hay bất toại nguyện, luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự.

Tóm lại, người mới bắt đầu tu tập đều phải tùy theo đặc tướng của cơ thể, chứ không bắt buộc ngồi kiết già để chịu tê, đau nhức, còn bắt buộc ngồi kiết già chịu đau, tê nhức, nóng đó là mục đích rèn luyện nghị lực, can đảm, gan dạ, chịu đựng, bền chí v.v... Và đó cũng là sự rèn luyện để chuẩn bị trên cuộc hành trình đường xa.

LUNG THỤNG

Hỏi: Kính thưa Thầy! Khi con ngồi lúc đầu thì thẳng lưng, nhưng từ từ lại bị thụng xuống. Con sửa lại và ám thị “cái thọ hãy ngồi thẳng lưng, không được thụng xuống” có lúc nó nghe, có lúc nó không nghe, con lại tự nghĩ chắc con bị đau lưng phải không Thầy?

Đáp: Không phải lưng con đau mà là một thói quen hay thụng. Khi ngồi thiền con nên tìm chỗ tựa lưng cho thẳng, nhờ điểm tựa lưng đó, sau này con ngồi không có điểm tựa, lưng vẫn thẳng hết thụng, phải tập ngồi tựa lưng, một thời gian khá lâu rồi mới bỏ được.

Lưng thụng là vì sức con ngồi ít mà ráng ngồi nhiều, ngồi lâu nên dễ bị thụng bị nghiêng, bị ngửa, v.v...

Lưng thụng mà con ám thị thọ là không đúng mà phải ám thị cột sống: “Cột sống phải thẳng đứng không được thụng” hoặc “Lưng phải thẳng đứng không được thụng”.

Nhưng con nên nhớ, khi hướng tâm như vậy thì con phải cố gắng giữ gìn lưng phải thật thẳng, đừng để thụng nữa, vì để lưng thụng sẽ thành thói quen khó sửa.

Thầy chỉ có lời khuyên chân thật con nên ngồi ít lại, đi kinh hành nhiều là tốt, nhất là thiền định ở tâm lia tham, sân, si chứ không phải ở chỗ ngồi, ngồi chỉ là một hình tướng gom tâm dễ dàng, nhưng gom tâm không phải thiền định, gom tâm chỉ là một phương tiện để giữ tâm tỉnh thức mà thôi. Tỉnh thức không phải chỉ để tỉnh thức ở chỗ đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, hơi thở, v.v...mà ở chỗ chánh niệm để luôn luôn lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

NGÔI THIỀN BỊ KIẾN BÒ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Khi ngồi thiền, con thường bị kiến bò ray rút khiến tâm con bất an, con phải làm sao thưa Thầy?

Đáp: Khi tâm chưa đủ định lực, con nên dùng tay phải nhẹ, khi phải xong thì tâm con được an ổn liền.

Từ khinh an, lưng thụng, đến kiến bò v.v...mà con đã trình bày ở trên đều do sự hiểu lầm thiền định của Phật. Tuy rằng Phật có dạy khinh an, ngồi thẳng lưng, trạo cử, trạo hối, hôn trầm, thù miên, vô ký v.v...nhưng những điều này đâu có quan trọng mà quan trọng ở chỗ tâm ly dục ly ác pháp, ở chỗ tâm bất động, ở chỗ tâm không phóng dật.

Thầy xin nhắc lại để con đừng quên khi tu tập thiền định của Phật, không phải chỗ ngồi, nằm, đi, đứng, không phải chỗ hết vọng tưởng mà chỗ ngăn ác diệt ác pháp sanh thiện tăng trưởng thiện pháp hay trên Tứ Niệm Xứ đầy lui các chướng ngại pháp, thì dù đi, dù đứng, ngồi, nằm đều tu hành được cả, đó là những pháp hành để ly dục ly ác pháp; đó là những pháp hành để thực hiện đạo đức giải thoát; đó là những pháp hành để triển khai trí tuệ giới đức làm người làm Thánh; đó là những pháp hành thực hiện

tâm bất động giải thoát. Vì thế khinh an, lưng thung, kiến bò không phải là vấn đề làm tâm mất định.

SỰ TỈNH THỨC TỰ NHIÊN LÀ ĐỊNH

Hỏi: Kính thưa Thầy! Khi ngồi thiền sự tỉnh thức quá cao, cứ chăm chú theo dõi từng hơi thở một, không đi vào trạng thái lặng hoặc mơ mơ, màng màng gì hết. Thưa Thầy, sức tỉnh thức đó có thể đi vào định được không?

Đáp: Sức tỉnh thức đó là định tỉnh chánh niệm, nên không cần phải đi vào định tĩnh nào khác nữa, nhưng con phải hiểu, sức tỉnh thức đó không phải do ức chế tâm mà có được, sức tỉnh thức đó có được là nhờ tâm ly dục, ly ác pháp, nhưng không phải nhìn đăm đăm hơi thở, sức tỉnh thức đó là sức tỉnh thức rất tự nhiên không có sự bắt buộc và gò bó của những loại thiền ức chế tâm, mà do tâm không phóng dật, sức tỉnh thức đó là sự nhận biết nhanh chóng ra các ác pháp trong sát na (nháy mắt).

Muốn tâm không phóng dật thì phải tu tập ngũ căn, tu tập ngũ căn thì phải phòng hộ năm căn, phòng hộ năm căn thì phải sống đúng ba đức ba hạnh của một bậc Thánh.

Ba hạnh gồm có:

- 1- Ăn**
- 2- Ngủ**
- 3- Độc cư.**

Ba đức gồm có:

- 1- Nhẫn nhục**
- 2- Tùy thuận**
- 3- Bằng lòng.**

Nhờ tu tập ba đức, ba hạnh này mà tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm tỉnh thức, tâm tỉnh thức này là một loại tâm tỉnh thức tự nhiên chứ không có ức chế như các loại thiền định khác.

HẠNH ĐỘC CƯ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Giữ hạnh độc cư, chủ yếu là không nói chuyện, để khỏi bị động tâm hay là không thốt ra lời? Hoặc không cho ra hơi nhiều, vì sợ mất đi sức thiền định?

Đáp: Độc cư không có nghĩa là câm, không nói chuyện, không thốt ra lời hay sợ mất hơi mà không nhập được định.

Độc cư có nghĩa là không tụ họp, không nói chuyện tào lao, chuyện phiếm, tập ít nói, lựa lời đáng nói mới nói, lời không đáng nói nhất định không nói.

Độc cư còn có nghĩa là Thọ Bát Quan Trai, Thọ Bát Quan Trai tức là tu tập học sống làm Phật trong một ngày.

Độc cư còn có nghĩa là nhập thất để sống cho mình hay nói cách khác là đề tẩy trừ những chướng ngại pháp trên thân, thọ tâm và các pháp.

Độc cư chính là phòng hộ sáu căn giữ gìn không cho dính mắc sáu trần, đó là pháp đệ nhất tu tập ngũ căn.

Độc cư là Thánh hạnh, phạm phu không thể sống được, nếu phạm phu không tập sống Thánh hạnh thì chẳng bao giờ nhập được Thánh Định, bằng chứng hiện giờ chư Tăng phạm giới, phá giới, vì thế Thánh Định chỉ là những bài thuyết giảng suông.

Độc cư là bí quyết thành tựu Tứ Thánh Định, thế nhưng ai là người sống đúng hạnh độc cư, hơn 200 người về đây

tu tập với Thầy, không có ai là người sống đúng, vì thế chẳng bao giờ ly dục ly ác pháp được, tức là họ sống không phòng hộ sáu căn hay nói cách khác là sống không hàng phục tâm, thường để tâm phóng dật, đó là hành động phá hạnh độc cư tâm mình.

Người tu hành theo Phật giáo mà phá hạnh độc cư thì tu hành phí công vô ích tức là tự phá hoại đời sống tu hành của mình thì đi tu làm chi cho mất công vô ích.

HƠI THỞ THIỀN ĐỊNH

Hỏi: Kính thưa Thầy! Theo con nhận xét riêng, bản thân của con, con thấy hơi thở thiền định nó khác với hơi thở bình thường. Hơi thở thiền định thì có sự điều khiển chậm, nhẹ, dài và có lực. Thưa Thầy có đúng không?

Đáp: Hơi thở chậm, nhẹ, dài, có lực và có sự điều khiển là tu Định Niệm Hơi Thở có kết quả tỉnh thức, chứ không phải hơi thở là thiền định, mà cũng không phải có thiền định mà hơi thở sanh ra chậm, nhẹ, có lực và có sự điều khiển.

Tất cả những sự tưởng ra trạng thái thiền định như thế này, như thế khác đều là sai cả, đều là do tưởng. Có những trạng thái thiền xảy ra trong khi tu tập ức chế tâm không vọng tưởng là tà thiền, tà định của ngoại đạo.

Thiền định của Phật chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp hay nói cách khác là tâm lìa tham, sân, si thì đó mới chính là thiền định của đạo Phật.

Như vậy khi tu thiền có trạng thái này trạng thái nọ, thì phải mau mau xả tất cả những trạng thái đó, chứ đừng có cho nó là định tướng, thì bước đường tu hành sẽ là bước

đường cùng, tu hành chẳng đi đến đâu cả, chỉ uổng cho một đời tu hành mà thôi.

LÀM SAY MÊ QUÊN HƯỚNG TÂM CÓ MẤT TỈNH THỨC KHÔNG ?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con thường có thói quen, làm công việc gì, làm mãi miết cho xong, quên nhắc tâm tỉnh thức, như vậy có mất tỉnh thức không thưa Thầy?

Đáp: Làm mãi miết cho xong mà không có suy tư và cũng không quên mình đang làm là tỉnh thức, không cần hướng tâm.

Làm mãi miết mà có suy tư là thất niệm (bị vọng tưởng).

Làm mãi miết không có suy tư mà cũng không nhớ đang làm (làm theo thói quen) là thất niệm vô ký. Phải dùng pháp hướng nhắc tâm tỉnh thức.

Người ta hiểu lầm tu tập tỉnh thức chỉ biết có tỉnh thức trong hành động của thân hành động nội hay ngoại thì điều đó sai không có ý nghĩa gì cả của sự tu hành.

Người ta tập tỉnh thức để tỉnh thức nhận biết được ác pháp để đẩy lui chúng ra khỏi thân tâm của chúng ta, để đem lại cho thân tâm chúng ta một sự thanh thản, an lạc và vô sự, đó mới chính là sự giải thoát của đạo Phật.

Bởi tỉnh thức không có nghĩa biết tỉnh thức mà tỉnh thức phải biết đâu là chánh niệm và đâu là tà niệm.

Như vậy sự tu tập tỉnh thức mới thực sự có ích lợi lớn cho mình cho người, còn tu tập tỉnh thức mà chỉ biết tỉnh thức thì đó là tu sai không ích lợi, mất thời giờ vô ích và mất công sức mỗi mệ.

MỘT NGƯỜI CHỨNG TỨ THIÊN, ĐẮC TAM MINH CÓ KHI NÀO CHẾT BẤT NGỜ KHÔNG ?

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Một người chứng đến Tứ Thiên, đắc Tam Minh có khi nào vô thường đến dần đi không thưa Thầy? Có nghĩa là cái chết đến bất ngờ họ không kịp làm chủ.*

Đáp: Một người chứng Tứ Thiên, đắc Tam Minh là đã làm chủ sanh tử luân hồi thì không có sự chết bất ngờ, vì họ đã biết trước mọi nhân quả xảy ra, không thể có một vật gì che mắt tuệ Tam Minh họ được.

Khi nhập Tứ Thiên chứng Tam Minh thì dưới đôi mắt tuệ của họ không còn có một điều gì mà họ không hiểu.

Không gian có trải dài, thời gian có chia cắt nhưng không thể vì thế mà che mắt tuệ họ được, thì làm sao có sự vô thường đến với họ thành linh.

Người tu hành đến nơi đến chốn, họ đã làm chủ được sự sống chết, thì không còn có một chướng ngại nào mà họ không thông suốt, chỉ có người tu chưa đến nơi đến chốn thì chịu mờ mịt trước uy lực của nhân quả.

Tóm lại, người tu đến nơi đến chốn thì không có sự thành linh ngẫu nhiên, mà có sự chủ động từ sự sống đến sự chết.

CON CÁI LÀ NHỜ ĐỨC CHA MẸ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Theo tục lệ ông bà nói: “Con cái là nhờ đức cha mẹ”. Như cha mẹ hiền đức thì con cái cũng nhờ đó ăn theo phải không thưa Thầy?*

Đáp: Câu nói này rất đúng: “Con cái nhờ đức của cha mẹ” vì có nhân quả thiện mới sanh vào nhà hiền đức, nhờ gương hạnh hiền đức của ông bà cha mẹ, nên con cái cũng

trở thành hiền đức, nhờ hành động hiền đức của con cái mà nó được hưởng phước, nếu hành động nó làm ác hiện thời, khi nó thọ hết phước của đời trước đã gieo (vào nhà hiền đức) thì nó phải thọ lấy tai ương của hành động hiện tại.

Ví dụ: Những đứa con được sanh vào nhà giàu có nhưng lại thích ăn chơi trác táng, rượu chè, bài bạc, xì ke, ma túy, v.v...không thích học hành, những đứa con này không thể lấy phước đức của ông bà cha mẹ mà che chở chúng được, do đó suy ra chúng ta biết phước báo là phải do chính con cái tạo ra, chứ không phải do phước đức của ông bà cha mẹ mà nó hưởng được,...nó chỉ hưởng được ảnh hưởng tốt của ông bà cha mẹ mà thôi, còn nó được chia gia tài của cải hoặc làm ăn khá giả đều do phước báo đời trước của nó nên mới sanh vào nhà giàu có và hiền đức.

Tóm lại, nếu một người được tái sanh vào nhà hiền đức là do tiền kiếp khéo tu thiện pháp, nếu trong kiếp hiện tại không theo gương đức hạnh của cha mẹ ăn hiền ở lành thì ngay trong kiếp hiện tại đó cũng phải gặt hái những tai ương, họa khổ, vì chính hành động bất thiện của con cái dù cha mẹ có hiền đức nhưng con cái vẫn phải thọ khổ. Vì thế có những gia đình hiền đức mà con cái chẳng hiền đức chút nào, thường nghiện ngập, xì ke, ma túy, rượu chè, bài bạc, v.v...Đây là môi trường tốt nhưng hạt giống xấu.

Ngược lại có những gia đình không hiền đức mà những đứa con ngoan tốt...chăm học, không tham lam trộm cắp, không rượu chè bài bạc, hút xách, không xì ke ma túy...Đây là môi trường xấu mà hạt giống tốt.

Con cái nhờ đức của cha mẹ là nhờ cái gương đức hạnh để làm tốt theo, chứ không phải nhờ vào đức hạnh của cha mẹ mà thọ hưởng sự giàu sang phú quý.

Theo luật nhân quả ai làm thiện thì hưởng phước báo, ai làm ác thì phải chịu quả khổ, không ai giúp cho ai được. Dù là cha mẹ có thương con cách nào cũng không giúp được, nếu chính bản thân nó không ăn hiền ở lành, sống đời sống thiếu đạo đức thì nó phải chịu lấy hậu quả xấu. Dù cha mẹ có ở hiền đức gì cũng không cứu nó được, chỉ trừ cha mẹ thiếu nợ nhân quả của nó, nên nó đến nó đời, bằng cách phá của cải tài sản của cha mẹ tiêu tan.

Cho nên câu nói: “Con cái nhờ đức của cha mẹ”, nếu không khéo hiểu thì câu này trở thành lời nói phi đạo đức nhân quả, khiến cho con cái dựa lưng vào cha mẹ mà không tự lực vươn lên trong nền đạo đức nhân bản nhân quả, thì cuộc đời của nó chỉ là một cuộc đời khổ đau, tiêu cực.

LỖ TAY LÀM CHÚNG SANH CHẾT THÌ PHẢI LÀM SAO?

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Thầy đã dạy chúng con tu tập trau dồi lòng từ, bi, hỷ, xả, trong công việc làm hàng ngày lỡ tay làm chúng sanh đau khổ hoặc chết.*

Trước cảnh đau khổ và chết của chúng sanh, con phải làm như thế nào để tránh sự trạo hối trong tâm con? Nhất là con đã xuất gia, để khỏi bị khuyết giới và nhân quả?

Đáp: Xưa, Đức Thế Tôn là người đi kinh hành nhiều nhất, ngay cả ban đêm, vì thế làm sao không vô tình giẫm đạp lên chúng sanh.

Giới luật dạy không giết hại chúng sanh, tức là dạy không cố tình giết hại chúng sanh, chứ không phải dạy vô tình.

Tứ vô lượng tâm là dạy từ, bi, hỷ, xả là để đối trị tâm tham, sân, si, ngã mạn, nghi, chứ không phải dạy vô tình sát sanh.

Chánh niệm tỉnh giác định là dạy chúng ta tỉnh thức trong mọi hành động để tránh sự vô tình sát sanh. Có tỉnh thức làm sao vô tình sát sanh, chỉ thiếu tỉnh thức say mê công việc, hoặc làm cho rồi việc thì mất tỉnh thức nên mới có trường hợp xảy ra vô tình sát sanh.

Người đi tu có tỉnh thức không bao giờ vô tình sát sanh.

Người làm mọi công việc có tỉnh thức cũng không vô tình sát sanh.

Chỗ nào có chúng sanh nhiều chúng ta nên tránh, dưới cỏ, dưới đất, ta rất ý tứ nhưng không thấy lỗ tay làm cho chúng đau khổ hoặc chết, khi làm lỗ tay như vậy, trước thể xác chúng sanh con hãy chấp tay lên trước ngực và xin ước nguyện cho chúng sanh đang chết được sanh làm người, được gặp Phật pháp, được gặp Minh sư, được tu hành đến nơi đến chốn, đừng sanh làm loài chúng sanh nữa.

Một hạt gạo, một củ khoai, một trái cây, chúng ta ăn để sống hàng ngày, đều có sự gián tiếp giết hại chúng sanh trong đó.

Người nông dân sản xuất gạo và thực phẩm cho sự sống của con người, họ phải giết hại các loài sâu bọ, côn trùng mà còn phải giết các loài chim, chuột và các loài cầm thú khác để bảo vệ thực phẩm mùa màng.

Tuy chúng ta không trực tiếp giết hại, nhưng chúng ta ăn thực phẩm là đã gián tiếp giết hại, bởi vậy có thân này là thân nhân quả nghiệp báo không thể nào thoát khỏi nhân quả, tuy là vô tình nhưng cũng phải đền nợ máu. Đời sống

chúng ta không còn cách nào khác hơn khi ta đã là con người và chúng sanh đã là con vật. Nợ máu xương trong tiền kiếp, kiếp này gặp nhau tuy vô tình cũng phải trả vay, vay trả.

Đạo Phật dạy chúng ta những gì chưa thấu hiểu, phải thấu hiểu. Có thấu hiểu lý của Đạo ta mới vững tâm tu hành, nếu không thấu lý của Đạo, tưởng chừng như không thể nào tu hành nổi.

Mới nghe giới luật đạo đức hiếu sinh của đạo Phật chúng ta chỉ còn có nước nhịn ăn, nhịn uống, treo chân, treo tay, chẳng còn dám làm gì cả. Nhưng, tội do đâu mà có?

- Do tâm mà có tội.
- Tâm do đâu mà có?
- Do dục mà có.
- Dục do đâu mà có?
- Do tham, sân, si mà có.

Mục đích tu tập của đạo Phật là đoạn dứt tham, sân, si, chứ không phải đoạn dứt sự vô tình sát sanh.

Khi nào tâm tham, sân, si hết là tâm đã bất động, mà tâm đã bất động thì còn hoàn cảnh, đối tượng và sự việc nào làm họ đau khổ thì làm sao gọi là có tội.

*“Tánh tội vốn không do tâm tạo
Tâm bất động rồi tội có được không?”*

Ở đây chúng ta đã hiểu được lý của Đạo nhưng còn tu hành phải như thế nào?

Tùy mọi hoàn cảnh, mọi việc làm, mọi đối tượng, cẩn thận, ý tứ, tỉnh thức để tránh vô tình sát sanh được ở mức nào tốt mức nấy. Đừng làm đại, làm đùa cho xong việc, mà hãy lấy việc làm thực hiện Tứ Vô Lượng Tâm, tránh vô

tình giết hại bằng sức tỉnh thức và pháp hướng tâm để quét sạch tâm tham, sân, si (vô lậu).

Người đời không biết tu, dù họ có tránh sát sanh hoặc vô tình sát sanh bằng mọi cách, nhưng tội khổ họ vẫn phải chịu.

Người tu biết cách diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp, dù tội họ có chất ngập cả không gian này, tâm họ bất động vẫn không thấy có tội. Tại sao vậy?

Tại vì có tâm động mới có tội.

Mục đích tu hành là lo diệt ngã, xả tâm, chứ không đoạn dứt sự vô tình sát sanh nhưng phải cẩn thận, ý tứ, từng hành động để tránh sự vô tình sát sanh, đó là một hành động tu tỉnh thức tốt nhất.

Trước sự quần quại đau thương của chúng sanh dưới bàn tay vô tình của mình, chúng ta không thấy thương tâm sao?

Người tu sĩ Phật giáo phải lấy tứ vô lượng tâm thực hiện định chánh niệm tỉnh giác, nhờ đó mới đạt được tâm “vô lậu” và nhập được “Tứ Thánh Hiện Tại An Lạc Trú Định” một cách dễ dàng, không còn khó khăn nữa.

Đừng tu tập theo kiểu Tịnh Độ một cách giả dối gian ác và lừa đảo mọi người. Tay cầm dao cắt cổ gà miêng đọc chú vãng sanh: “*Nam Mô a di đà bà dạ, đà tha dà đà dạ...*” Đọc thần chú này khi con gà bị chết, linh hồn sẽ được về Cực Lạc Tây Phương, để được sanh làm người, thật là lừa đảo, dối người.

Những người tu theo Tịnh Độ với việc làm như vậy được xem là thực hiện Tứ Vô Lượng Tâm “Từ, Bi, Hỷ, Xả” ư! Thời nay, người xuất gia làm nhiều việc không phải việc của người xuất gia, nên thường phạm tội lỗi, nhất là tội sát

sanh, ngày xưa người xuất gia chỉ duy nhất có một nghề khát thực, vì nghề đi khát thực nên ít phạm lỗi lầm, do đó tập tu Tứ Vô Lượng Tâm rất dễ dàng, chỉ cần tỉnh thức trên từng bước đi của mình là đã thực hiện được tâm từ, bi, hỷ, xả.

BẰNG CÁCH NÀO KIẾP SAU GẶP ĐƯỢC CHÁNH PHẬT PHÁP

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nếu kiếp này con không tu giải thoát được, nhưng có hiểu chút ít chánh pháp, làm thế nào để kiếp sau con vẫn nhớ và ngộ đạo được sớm hơn (6,7 tuổi) đi tu?

Đáp: Nếu muốn kiếp sau gặp được chánh pháp tu hành, thì kiếp này mỗi tháng con nên chọn một ngày Thọ Bát Quan Trai.

Thọ Bát Quan Trai là phương pháp học làm Phật một ngày, chỉ một tháng có một ngày làm Phật thì đó là gieo duyên với chánh Phật Pháp để kiếp sau còn có duyên gặp được Chánh Phật Pháp, đức Phật ví dụ như cây cỏ thụ kia, nó nghiêng về hướng nào thì bóng nó nghiêng về hướng nấy.

Thọ Bát Quan Trai là phương pháp tu tập giữ gìn giới đức Thánh Tăng, nếu một ngày tu tập Thọ Bát Quan Trai, chịu khó con tư duy lại xem có phải ngày ấy là một ngày con ly dục ly ác pháp chăng? Có phải ngày ấy là ngày con sống cho con phải không? Nếu ngày ấy con tu hành đúng pháp của Phật thì con tìm thấy được một ngày giải thoát hoàn toàn.

Ngày Thọ Bát Quan Trai mà con biết buông xuống hết những gì đang trói buộc trong con, thì con tìm thấy một chân trời hạnh phúc tại ngay đó.

Ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày con gieo nhân với chánh Pháp của Phật, ngày ấy không bao giờ mất.

Ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày con thắp sáng ngọn đèn trí tuệ giải thoát trong con, và ngọn đèn trí tuệ ấy cháy mãi cho đến khi con hoàn toàn chấm dứt sanh, tử, luân hồi vào Niết Bàn.

Như vậy ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày quan trọng nhất của đời người cư sĩ của các con, nó là một mốc quan trọng quyết định cho cuộc đời tu hành theo Chánh Phật Pháp. Các con hãy ghi nhớ những lời dạy trên đây, nhưng các con cũng phải đề phòng, vì có những loại Thọ Bát Quan Trai giả, lừa đảo mà không đúng chánh pháp của Phật.

Ví dụ: Thọ Bát Quan Trai bằng cách tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền nghe thuyết pháp...đó là Thọ Bát Quan Trai của Bà La Môn.

Thọ Bát Quan Trai đúng cách của Phật giáo thì không được tập trung đông người vào Thiền đường, Tổ đường, Đại hùng bảo điện, mà chỉ mỗi người ở riêng một cái thất, sống độc cư, phòng hộ sáu căn và tu tập Tứ Niệm Xứ đầy lui các chướng ngại pháp trên bốn chỗ: Thân, thọ, tâm, pháp, khiến cho thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự suốt ngày hôm ấy, giống như Phật và chúng Tỳ kheo Tăng và Tỳ kheo Ni ngày xưa trong thời Phật còn tại thế. Có tu tập đúng như vậy mới gieo duyên với Chánh Pháp. Nhờ đó muôn đời ngàn kiếp không sợ mất chánh pháp.

SAU KHI NHẬP DIỆT CHƯ PHẬT CÒN TRỞ LẠI THẾ GIAN NỮA KHÔNG ?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni và các vị Phật xưa kia, sau khi nhập diệt từ bỏ xác thân có trở lại thế gian nữa không?

Đáp: Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni sau khi nhập diệt từ bỏ sắc thân không còn trở lại thế gian nữa.

Trong kinh Nguyên Thủy thuộc tạng kinh A Hàm, Đức Phật Thích Ca đã xác định điều này rất rõ ràng. *“Ta chỉ còn một kiếp này nữa thôi”*. Tại sao Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa?

Chư Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa, vì cõi thế gian đầy dẫy các ác pháp, con người trên thế gian này có việc gì thì ăn thua đủ, không biết nhẫn nhịn, hung dữ, chửi mắng, mạt sát lẫn nhau, gian xảo, lừa đảo, điêu ngoa, xảo quyệt, giả dối, nhiều chuyện, gian ác, hiểm độc, v.v...

Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa, là vì khí hậu thời tiết khắc nghiệt, lúc nắng, lúc mưa, gió bão bất thường, lại thêm bão lụt, động đất, thủy tai, hỏa hoạn, giặc giã, trộm cướp, giết người chẳng chút lòng xót thương, v.v...

Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này giống như ở tù chung thân đi đâu cũng không được tự tại, tự do rất là khổ sở.

Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa là vì tâm Phật hết tham, sân, si. Tâm Phật hết tham, sân, si thì không còn tương ưng với chúng sanh thì không thể nào tái sinh lại được, dù Phật muốn sinh làm người lại nhưng không làm sao được nữa.

Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này như ở trong ổ bệnh, nóng nực quá chịu không nổi, lạnh quá chịu cũng không xong, mỗi mỗi đều có thể xảy ra gây thương tích làm đau nhức không xiết kể. Thân tứ đại lại vô thường nên thường xảy ra bệnh tật, khi bệnh tật thì khổ đau vô cùng, vô tận. Vì thân tứ đại vô thường, nên không tránh khỏi sự già nua, mà hễ già nua

thì tay chân run rẩy, đi đứng không vững vàng, thì thật là khổ sở vô cùng. Vì thân tứ đại vô thường nên sự hoại diệt chắc chắn phải đến, đến trong sự đau khổ tử biệt sanh ly.

Cho nên khi một đức Phật nhập diệt không tránh khỏi cả một trời đau thương phải không hỏi các con?

Khi còn là một học Tăng, Thầy đọc kinh Niết Bàn, trước giờ phút đức Phật nhập diệt cả Trời Người đều khóc thương thảm thiết, khiến Thầy cũng xúc động khóc theo. Đây không phải là sự đau khổ tận cùng của sự chia ly hay sao?

Cho nên đức Phật ra đi, bỏ báo thân này thì không bao giờ trở lại làm thân người nữa, không phải chư Phật sợ khổ đau làm thân chúng sanh, mà chính duyên chúng sanh đã hết. Nếu còn duyên với chúng sanh thì đức Phật không bao giờ nhập Niết Bàn, Ngài sẽ phục hồi sự sống rất dễ dàng, muốn sống bao lâu cũng được. Trong kinh Niết Bàn đã nói điều này rất rõ ràng.

Hết duyên với chúng sanh, có nghĩa là duyên nhân quả đã hết. Mục đích của một người tu theo đạo Phật là phải trả sạch nhân quả, có nghĩa là không còn nợ nhân quả; không còn nợ nhân quả tức là một người sống toàn thiện, vì sống toàn thiện là thoát khổ, cho nên không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh; không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh, thì lấy cái gì để đi tái sanh, cái đi tái sanh đã bị diệt rồi và nợ nhân quả cũng hết rồi thì còn duyên nghiệp gì, để Phật đi tái sanh nữa.

Mục đích phải đạt của một vị tu sĩ là tu thành Phật, thành Phật để chấm dứt duyên nghiệp tái sanh luân hồi. Khi chấm dứt rồi thì còn lấy cái gì đi tái sanh. Mầm tái sanh đã bị diệt ngay từ lúc hướng tâm đến Lộ Tận Minh.

Mầm tái sanh làm người đã dứt thì nợ nhân quả đã hết, nợ nhân quả đã hết thì duyên chúng sanh đã hết, duyên chúng sanh đã hết, thì dù có muốn tái sanh cũng không làm ích lợi cho con người. Vì hết duyên, có thuyết giảng, có dạy đạo chúng sanh cũng chẳng nghe.

Ví dụ: Hiện giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tái sanh trở lại dạy người tu hành thì người ta vẫn phỉ báng rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy pháp điên, dạy lỗi thời, dạy không đúng giáo pháp Đại Thừa và Thiên Đông Độ, dạy cho những người sơ cơ còn có chứng, có đắc, còn pháp môn hiện giờ vô chứng, vô đắc, tự tại, vô ngại đói ăn, khát uống, không chấp giới luật.

Do những điều trên đây mà chư Phật nhập diệt rồi thì không bao giờ trở lại cảnh giới thế gian này nữa.

KHI NHẬP DIỆT ĐỨC PHẬT ĐÃ TRỞ THÀNH SÓNG ÁNH SÁNG ?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có phải các vị Phật nhập diệt đã trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng). Ánh sáng này mang năng lượng tỉnh giác, trí tuệ, không phải ánh sáng do mặt trời chiếu?

Đáp: Khi nhập diệt, bỏ sắc thân này tức là chấm dứt tái sanh luân hồi, chấm dứt tái sanh luân hồi tức là chấm dứt sự đau khổ của muôn vạn kiếp làm chúng sanh.

Khi chấm dứt tái sanh luân hồi, thì không trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng), mang năng lượng tỉnh giác trí tuệ.

Khi vào Niết Bàn bỏ xác thân này, thì chư Phật luôn luôn lúc nào cũng ở trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự, chỗ tâm không còn ái dục. Lúc còn sống khi tu xong chư Phật đều ở trong Niết Bàn này, cho đến khi chết thì

trạng thái này vĩnh viễn không bao giờ mất. Chứ không trở thành sóng ánh sáng như người khác tưởng mà là một từ trường trong muôn vạn từ trường khác nhưng nó lại thanh thản, an lạc và vô sự.

Trong không gian có một từ trường thanh thản, an lạc và vô sự, vì thế người tu hành giữ gìn tâm không phóng dật là ở trạng thái từ trường đó, nên tâm chúng ta và từ trường đó là một. Nếu trong không gian mà không có từ trường đó, thì chúng ta không tu tập có được tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Cũng như có tứ đại bên ngoài, thì thân tứ đại của chúng ta mới tồn tại, hay nói cách khác cho hiểu rõ ràng hơn. Có tứ đại bên ngoài thì mới nuôi sống thân tứ đại của chúng ta. Nếu bên ngoài không có tứ đại, thì thân tứ đại của chúng ta cũng không có.

Cho nên trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự bên ngoài không có thì tâm chúng ta cũng không giữ gìn được thanh thản, an lạc và vô sự.

Vì thế khi một đức Phật đã nhập Niết Bàn thì không bao giờ trở lại tái sinh đời này nữa, chỉ có những người tu chưa xong nên còn mầm tái sinh và nợ nhân quả chưa dứt, tức là còn duyên với chúng sanh. Còn duyên với chúng sanh tức là còn tâm tham, sân, si. Còn tâm tham, sân, si tức là còn tương ưng với chúng sanh, vì chúng sanh còn tâm tham, sân, si. Do đó còn đi tái sinh luân hồi, làm con của những người khác. Thật là khổ đau vô cùng, vô tận từ kiếp này đến kiếp khác.

**CÓ PHẢI PHẬT LÀ TRÍ TUỆ
CỦA MỘT VỊ MINH SƯ KHÔNG ?**

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có phải Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế không?

Đáp: Đúng vậy, Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế.

Nhưng phải biết phân biệt vị Minh sư và vị A La Hán là bậc sông đúng giới hạnh (Phạm hạnh), không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Chính những bậc này là trí tuệ của Phật, của bậc A La Hán. Vì thế Phật là trí tuệ của họ.

Vì đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là trí tuệ ở đó. Cho nên Phật là trí tuệ của vị Minh sư, nhưng vị Minh sư sống phạm giới, phá giới thì vị Minh sư ấy không phải là trí tuệ của Phật, họ chỉ là một học giả mà thôi.

Phật tử chỉ cần xét vị Minh sư của mình qua giới luật của Phật, thì sẽ rõ thấu vị Minh sư hay là vị manh sư hay ám sư, nếu là Minh sư thì giới luật nghiêm chỉnh, còn ám sư thì phạm giới, phá giới, thường sống trong chùa to Phật lớn; sống theo dục lạc thế gian; sống như người giàu sang thế tục; sống ăn uống phi thời; sống cất giữ tiền bạc, châu báu, ngọc ngà; sống xem tivi, ca hát, nhạc kịch, phim ảnh, v.v...Đó là những vị ám sư chứ không phải Minh sư.

Vị Minh sư luôn luôn lúc nào cũng lấy giới luật làm hạnh sống của mình, lấy giới luật làm thước đo tâm lý dục lý ác pháp của mình, lấy giới luật làm tiêu chuẩn xét lại tâm mình có định hay chưa có định, lấy giới luật làm bản đồ, để chỉ hướng đến con đường giải thoát, mà không sợ lạc lối, không sợ lầm đường; lấy giới luật để làm ngọn đuốc sáng cho mọi người soi. Vì thế mỗi ngày tu là nghiệm thấy kết quả giải thoát ngay liền.

ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Vị Minh sư tỏa ánh sáng đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh nào có tâm ly dục trở nên trong sáng sẽ được hưởng ánh sáng nhiều và ngược lại.*

Đáp: Vị Minh sư luôn tỏa ánh sáng trí tuệ đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh nào có đủ duyên với Phật pháp, nên khi gặp được ánh sáng trí tuệ đó, liền đặt trọn lòng tin kiên cố ở vị Minh sư, nhiệt tâm thực hiện lời dạy của Người, sống đúng, tu tập đúng, nhờ đó tâm ly dục ly ác pháp. Ngày ngày tâm trở nên trong sáng hơn và thụ hưởng ánh sáng trí tuệ đó nhiều hơn.

Ánh sáng trí tuệ Phật luôn luôn tỏa khắp trong không gian, như không khí mà quý vị đang hít thở, nếu quý vị khởi một niệm thiện pháp thì ánh sáng đó trở thành trí tuệ của quý vị, tức là quý vị đang hành động một đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người.

Vì thế kẻ nào sống trong thiện pháp biết ngăn ngừa ác pháp, là đang sống trong trí tuệ của Phật, trí tuệ của vị Minh sư, ngược lại sống không biết ngăn ác, diệt ác pháp, sống phạm giới, phá giới là sống xa lìa trí tuệ Phật, không hưởng được ánh sáng của vị Minh sư, tức là sống xa lìa sự giải thoát của đạo Phật.

Phật lúc nào cũng sống bên chúng sanh, còn chúng sanh thì lúc nào cũng sống xa Phật. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh thường sống trong ác pháp, còn Phật thì sống trong thiện pháp. Nếu chúng sanh biết sống trong thiện pháp thì đó là trở về với Phật, còn chúng sanh sống trong ác pháp, là xa lìa Phật, dù muốn gần Phật cũng không được, dù hết lòng cầu khẩn cũng không được.

Cho nên đạo Phật rất đơn giản nhưng người không biết tu tập sai pháp như: Ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, đọc thần chú, bái sám, lạy hồng danh chư Phật, cầu an, cầu siêu, v.v... đều là những việc làm đi ngược lại với Phật giáo. Gây tạo ra nhiều màu sắc mê tín, dị đoan, ảo giác, trừu tượng...Phần nhiều sống trong ảo mộng. Xét lại, tất cả các tôn giáo hiện có mặt trên hành tinh này đều có sự giống nhau, không rơi vào hình thức mê tín này, thì lại rơi vào hình thức mê tín khác. Đó là vì chịu ảnh hưởng chung trong một bối cảnh siêu hình của tưởng tri.

Vì thế, khi đức Phật nhập diệt các tu sĩ ngoại đạo cố gắng lồng thế giới siêu hình vào đạo Phật, để biến Phật giáo giống như các tôn giáo khác, để dễ bề chúng phát triển thế giới siêu hình.

Nếu đạo Phật giẫm lại lối mòn của các tôn giáo khác, thì đạo Phật không còn ý nghĩa tự lực của đạo giải thoát nữa.

Nhìn chung toàn bộ kinh sách Đại Thừa đều là một kho giáo lý góp nhặt những tưởng tri của các nhà triết học tôn giáo và thế tục.

Lý luận, nghe rất siêu, nhưng áp dụng vào đời sống con người thì ích lợi không bao nhiêu mà tai hại thì rất nhiều.

DIỆT NGÃ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thầy dạy: “Đạo Phật là Đạo diệt ngã”. Con hiểu rằng muốn diệt ngã là phải tu đức nhân nhục, tùy thuận, bằng lòng là để không gặp đối kháng trong đời, để khỏi hao phí lực.

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu đúng ý Thầy dạy phần thứ nhất (không hao phí lực).

Phần thứ hai: nhẫn nhục là tu tâm từ bi; tùy thuận là tu tâm xả; bằng lòng là tu tâm hỷ. Do thế tâm hồn con mới được an lạc thanh thản và giải thoát.

Phần thứ ba: nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là giúp con tu tập ly dục, ly các ác pháp; ly dục ly các ác pháp, tức là diệt ngã. Cho nên người tu sĩ không ly dục ly ác pháp, thì không bao giờ diệt ngã được, nhưng ly dục ly ác pháp phải có những pháp hành đúng đắn, nếu không có pháp hành đúng đắn thì sẽ bị phí sức, đôi khi còn lạc vào thiền ức chế tâm, đã không có được giải thoát mà còn sanh bệnh tật rất nguy hại và hiểm nghèo.

Sự tu tập theo Phật giáo phải có thiện hữu tri thức (người đã tu xong), hướng dẫn thì sự tu tập diệt ngã xả tâm không có phí sức.

Bởi vì, tu theo giáo pháp của đức Phật, rất nhẹ nhàng, không có khó khăn không có mệt nhọc, không có phí sức.

Còn tu sai không đúng pháp thì phí sức nên sanh ra lười biếng, hôn trầm, thù miên, trạo cử, mệt nhọc, tinh thần thiếu sáng suốt, lơ đãng, không tỉnh giác, hay quên trước, quên sau, lẫn lộn, v.v...

Còn tu đúng pháp thì thân tâm nhẹ nhàng, an lạc, thoải mái, dễ chịu, thích tu, siêng năng tinh tấn, không lười biếng, nhất là lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc, hân hoan và vô sự.

Tu đúng pháp thì sức khỏe dồi dào, ít bệnh tật. Tuy rằng, ngày ăn một bữa cơm, không ăn uống lặt vặt, phi thời nhưng sức khỏe không bị tổn giảm.

Cho nên tu theo pháp của đức Phật liền có sự giải thoát nơi thân tâm, nếu không có giải thoát ngay liền, thì đó là chúng ta đã tu sai, cần nên tu sửa trở lại cho đúng cách.

Người tu theo đạo Phật không sợ lạc lối, không sợ tu sai pháp. Vì đạo Phật xây dựng giáo lý của mình trên nền tảng đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người. Vì thế mỗi hành động thân, khẩu, ý đều xuất phát đầy đủ trọn vẹn thiện pháp.

Người sống trọn vẹn đầy đủ thiện pháp, là người hạnh phúc nhất thế gian, do đó không còn sự khổ đau nào xâm chiếm tâm hồn họ được.

Vì vậy khi bắt đầu tu, là phải sống trong thiện pháp, một thiện pháp được sống và tăng trưởng thì một ác pháp được đẩy lui và diệt trừ. Một ác pháp được đẩy lui và diệt trừ, thì ngay đó chúng ta có tìm thấy sự giải thoát không? Chắc chắn là có, như vậy chúng ta tu tập theo Phật giáo làm sao sợ sai pháp được? Làm sao đi lạc lối được? Có tu là có giải thoát, có sống là có đạo đức làm người, không làm khổ mình khổ người. Phải không hỏi các con?

THIỆU DỤC TRI TỨC

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thiệu dục, tri túc như con hiểu là để bớt công sức tạo ra vật chất bồi đắp cho mình và bớt công sức tiêu hao vật chất mà mình thu nhận vào thân.

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu được phần thứ nhất thuộc về phần tiết kiệm công sức của thân và tâm. Còn phần thứ hai, thứ ba và thứ tư thuộc về tâm khiến cho tâm con buông xả mọi vật chất (các pháp trần), dù trong hoàn cảnh nào, tâm vẫn thấy đủ, đó là cách thức xả tâm, diệt ngã.

1- Phần thứ nhất là tiết kiệm công sức, để vun đắp năng lực cho sự xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

2- Phần thứ hai cũng thuộc về tâm, nhờ sống ít muốn biết đủ nên tâm dần dần ly dục, ly ác pháp, không còn ham muốn vật chất thế gian (các pháp), nên lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

3- Phần thứ ba thiếu dục tri túc là một Thánh hạnh, một đức hạnh buông xả giải thoát mà người phàm phu không thể sống nổi, không thể làm được. Nhất là hạnh thiếu dục tri túc, ba y một bát của một vị Tỳ Kheo đệ tử của đức Phật thì ít có ai sống và làm được.

Nói đến hạnh thiếu dục tri túc là nói đến một tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Trên đời này, không còn có một vật gì ràng buộc tâm hồn của họ được. Đi hay ở tùy thích, không có chùa to, Phật lớn, không có nhà cao cửa rộng. Nhất là họ đã thoát ra khỏi kiếp nô lệ tiền bạc, vì họ không cất giữ tiền bạc. Trên đời này khó mà có ai sống như họ được. Có như vậy mới gọi là hạnh thiếu dục tri túc, ba y một bát.

Nếu một người tu theo Đạo Phật mà không sống hạnh thiếu dục tri túc, không ba y một bát thì cuộc đời tu hành của những người này không bao giờ tìm thấy sự giải thoát chân thật, dù trong một phút, một giây cũng không có. Tâm hồn họ còn nặng nề và đang bị trói buộc bởi các pháp thế gian (dục và ác pháp).

HƯƠNG ĐẠO ĐỨC

LỜI PHÁT DẠY

*“Ít giá trị hương này.
Hương già la, chiêm đàn.
Chỉ hương người đức hạnh.
Xông ngát mấy trời xa”.* (Kinh Pháp Cú.)

CHÚ GIẢI:

Người tu hành theo Phật Giáo phải lấy giới luật (đức hạnh) làm cuộc sống. Vì chính giới luật đức hạnh mới xác định giá trị của một người tu giải thoát. Người tu hành phạm giới, phá giới như đa số các tu sĩ và cư sĩ hiện giờ bên Đại Thừa, Nam Tông, Thiên Tông, Tịnh Độ Tông thì không xứng đáng là đệ tử Phật, không xứng đáng là tín đồ Phật Giáo. Họ chỉ là những tu sĩ và cư sĩ của Bà La Môn Giáo mang danh Phật Giáo, chứ chẳng có chút gì là Phật Giáo cả.

Cho nên trong kinh Pháp Cú dạy không mùi hương nào bay ngược chiều gió mà chỉ có hương đạo đức (Giới luật):

*“Không một hương hoa nào
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược gió bốn phương”.*

Người giữ gìn giới luật nghiêm túc là người giữ gìn thanh danh và uy tín của Phật Giáo. Trước lúc nhập Niết Bàn Đức Phật đã di chúc: *“Giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất”*. Nếu tu sĩ và cư sĩ cố gắng giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh không hề vi phạm thì ngày hôm nay Phật Giáo đâu có ra nông nổi như thế này.

Hương giới luật không có một mùi hương hoa nào sánh bằng. Vì thế kinh Pháp Cú dạy:

*“Chỉ hương người đức hạnh
Xông ngát mấy trời xa”.*

Đúng vậy, người giữ gìn giới luật nghiêm túc, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, thì cả thế giới đều biết họ. Đó là hương giới luật xông khắp mấy trời xa.

Giữ giới luật mà không bị ức chế tâm, không bị gò bó trói buộc mình thì nhất định phải có giới hành. Giới hành tức là ba mươi bảy pháp hành (37 phẩm trợ đạo) để tu tập ly dục ly ác pháp.

Cho nên, trên đường tu tập cầu giải thoát thì giới luật là hành động đạo đức đời sống của người tu sĩ Phật Giáo. Nếu ai không chấp nhận giới luật, thì xin các bạn vui lòng đừng theo Phật Giáo. Vì có theo nó thì chẳng có ích lợi gì cho bạn mà chính bạn đã làm cho Phật Giáo băng hoại; làm cho Phật Giáo mất gốc; làm cho Phật Giáo suy đồi. Đó là mùi thối bay khắp muôn phương. Các bạn hãy suy nghĩ lại đi! Có đúng không hỏi các bạn?

SÁU ĐIỀU CUNG KÍNH PHÁP

LỜI PHẬT DẠY

- 1) *“Này các Hiền Giả, ở đây vị Tỳ Kheo sống cung kính tùy thuận bậc Đạo Sư.*
- 2) *Sống cung kính tùy thuận pháp.*
- 3) *Sống cung kính tùy thuận chúng Tăng.*
- 4) *Sống cung kính tùy thuận học pháp.*
- 5) *Sống cung kính tùy thuận không phóng dật.*
- 6) *Sống cung kính tùy thuận lễ phép xã giao.”* (Tức là khéo léo thiện xảo thích ứng trong mọi hoàn cảnh về oai nghi tế hạnh của một người tu tập, theo chánh pháp Nguyên Thủy).

CHÚ GIẢI:

Đức Phật dạy chúng ta có sáu điều phải cung kính, phải tùy thuận. Vậy, cung kính và tùy thuận nghĩa là gì?

Cung kính là tỏ lòng tôn trọng, kính mến, không có chút lòng khinh bỉ xem thường luôn luôn ngưỡng mộ mến yêu.

Tùy thuận là bằng lòng sống và làm theo đúng không sai một li hào nào, làm y như...làm giống như...không sai khác.

1- “Sống cung kính tùy thuận bậc Đạo Sư”. Người tu sĩ và người cư sĩ khi chọn một vị Thầy xứng đáng làm Thầy của mình thì phải hết lòng cung kính tôn trọng là phải sống như Thầy của mình.

Ví dụ: Chúng ta cung kính và tôn trọng Đức Phật, không có nghĩa là đèn chùa cúng bái, tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, hoặc chiêm ngưỡng dung nhan Phật hoặc quỳ lạy. Sự cung kính như vậy là hình thức bên ngoài không nói lên được lòng cung kính ở nội tâm. Theo nghĩa Đức Phật dạy tùy thuận tức là sống như Phật, Phật sống như thế nào mình sẽ sống như vậy, sống giống như Phật thì mới gọi là cung kính, tôn trọng Phật.

Nếu ai chấp hành nghiêm chỉnh sống như Phật, làm như Phật thì người ấy hoàn toàn giải thoát không còn khổ đau.

Ví dụ: Phật sống 10 phần, chúng ta mới bắt đầu tập sống như Phật một phần, rồi cố gắng lên 2 phần, 3 phần, 4 phần, 5, 6, 7, 8, 9, 10 phần. Khi sống đúng 10 phần là sống y như Phật.

Trước khi muốn sống như Phật chúng ta nên xem xét Đức Phật sống như thế nào? Khi ăn, khi ngủ, khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi nói chuyện, khi làm thình, khi quét sân, khi nhổ cỏ, khi đi khát thực, v.v...

Có quan sát như vậy, chúng ta mới cố gắng bắt chước sống như Phật, làm như Phật. Sống như Phật, làm như Phật không phải dễ, phải cố gắng rèn luyện tập sống hằng ngày từng hành động thì có thể sống như Phật mới được.

Tóm lại sống như Phật, làm như Phật là tôn trọng, cung kính, thương mến tùy thuận Phật.

2- *“Sống cung kính tùy thuận Pháp”*. Cung kính tùy thuận các bạn đã hiểu nghĩa, còn pháp thì phải hiểu cho rõ ràng, bởi vì trên đời này có rất nhiều pháp, nhưng toàn là pháp ảo tưởng trừu tượng mê tín, tu tập không đến đâu cả.

Muốn sống tu hành để thoát ra lưới nhân quả thì duy nhất chỉ có Pháp Thiện, nhưng Thiện là một danh từ chỉ chung chung, vì thế phải từ trên pháp Tứ Niệm Xứ. Trên pháp Tứ Niệm Xứ ta phải tu tập từ pháp dễ đến pháp khó hơn. Bắt đầu là phải tu pháp Tứ Chánh Cần, trên Tứ Chánh cần ta phải tu Tứ Bất Hoại Tịnh. Tu Tứ Bất Hoại Tịnh là phải sống như Phật, như Pháp, như Tăng, như Giới. Muốn sống như Phật, như Pháp, như Tăng, như Giới thì phải tu tập Tứ Vô Lượng Tâm. Muốn tu tập Tứ Vô Lượng Tâm ta phải tu tập Định Niệm Hơi Thở, Định Sáng Suốt, Định Vô Lậu, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Khi chọn pháp xong mỗi khi muốn tu tập một pháp nào ta hãy ăn mặc tề chỉnh hướng về pháp mà đánh lễ ba lạy rồi bắt đầu sống như pháp, sống như pháp mà chúng ta gọi là tu tập.

Đây là điều cung kính thứ hai mà Đức Phật đã dạy: *“Sống cung kính tùy thuận Pháp”*. Ngoài những pháp đã học ở trên (37 phẩm trợ đạo), còn những pháp khác thì chúng ta không cung kính và tùy thuận.

Một người tu theo Đạo Phật cần nên lưu ý để thực hiện cho đúng lời dạy trên đây để khỏi phụ lòng một bậc Thầy vĩ đại.

3- *“Sống cung kính tùy thuận chúng Tăng”*. Tăng là một bậc Đạo Sư của chúng ta, vì thế chúng ta phải chọn lựa

cho kỹ lưỡng. Bởi vì Tăng có rất nhiều hạng nhưng gồm chung lại chia làm hai dạng:

1/ Tăng phạm giới pháp, giới hạnh, bẻ vụn giới, chà đạp giới, xem thường giới, khéo che đậy giới.

2/ Tăng thanh tịnh giới, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào.

Trong hai hạng Tăng này chúng ta hãy chọn Tăng thanh tịnh giới làm Thầy, làm Đạo Sư. Khi chọn đúng bậc Đạo Sư thì ta nên y chỉ sống như bậc Đạo Sư của mình không hề sai khác của Người, lúc nào cũng gần gũi thân cận Người để thừa hỏi những điều cần biết, cần tu tập. Có sống như bậc Đạo Sư và thừa hỏi cận kề tất cả những thiện pháp để tránh những ác pháp có sống đúng như vậy thì mới xứng đáng lời dạy của Phật “*Sống cung kính tùy thuận chúng Tăng*”.

Sống cung kính tùy thuận chúng Tăng là sống như trên đã dạy, chứ không phải cúng dường trai tăng như trong các chùa Đại Thừa hoặc chúng Tăng phạm giới phá giới cũng không dám nói, không dám chỉ thẳng những sự sai phạm đó là cung kính tùy thuận. Cung kính tùy thuận như vậy là sai không đúng pháp.

Bởi, cung kính Tăng là phải cung kính cho đúng pháp. Thấy Tăng sai thì nên nói thẳng để chúng Tăng sửa sai lại. Dám nói thẳng như vậy là cung kính Tăng, không dám nói thẳng là không cung kính Tăng.

Vấn đề sống cung kính tùy thuận chúng Tăng là vấn đề hết sức tế nhị, các bạn muốn sống được như vậy khi thấy một vị Tăng phạm giới thì mau mau thẳng thắn nói rõ ra. Đó là cung kính tùy thuận chúng Tăng. Xin các bạn nên lưu ý.

4- “Sống cung kính tùy thuận học Pháp (Giới Luật).”
Trước khi sống tùy thuận giới luật chúng ta phải nghiên cứu tất cả hạnh Phạm Thiên. Hạnh Phạm Thiên tức là giới luật của Phật, Giới luật Phật có trước Phật là vì Phạm Thiên có trước. Trong kinh thường nhắc đến hạnh Phạm Thiên. Hạnh Phạm Thiên gồm có giới đức, giới hạnh và giới hành.

Tất cả các tôn giáo giáo khác đều có giới luật, nhưng giới luật của họ là giáo điều chứ không phải là đức hạnh nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình khổ người như Đạo Phật.

Khi chúng ta đã chọn giới làm cuộc sống cho mình thì lúc nào cũng phải sống như giới, giới luật dạy sao ta làm đúng và sống đúng như vậy, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, thì đó là ta đã sống cung kính tùy thuận giới. Sống cung kính tùy thuận giới mang đến cho chúng ta có một tâm hồn cao thượng tuyệt vời luôn sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Sống đúng giới là mang đến hạnh phúc an vui cho muôn loài mà chính giới luật mang lại sự giải thoát sinh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Hạnh phúc vui thay cho những ai biết sống đúng giới. Sống đúng giới, tức là sống đúng lời dạy của Đức Phật: “Sống cung kính tùy thuận Giới”.

Chúng tôi ước mong sao trên cuộc đời này mọi người đều sống đúng như Giới thì cuộc đời này là Thiên Đàng, Cực Lạc.

5- “Sống cung kính tùy thuận không phóng dật”. Sống cung kính tùy thuận không phóng dật là sống độc cư. Sống độc cư là sống phòng hộ sáu căn. Sống phòng hộ sáu căn là giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Nói độc cư thì dễ nhưng sống đúng độc cư không phải dễ. Không sống đúng độc cư thì không bao giờ có giải thoát.

Ở đây Phật dạy: “*Sống cung kính tùy thuận không phóng dật*”, có nghĩa là phải cung kính tôn trọng hạnh độc cư, vì có cung kính tôn trọng hạnh độc cư thì tâm mới không phóng dật. Chúng ta hãy nghe Đức Phật nói: “*Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật*”. Vậy, tâm còn phóng dật là tâm chưa giải thoát.

Thưa các bạn! Các bạn đã về tu viện Chơn Như tu tập. Các bạn có thấy chẳng? Tất cả tu sĩ và cư sĩ về đây tu tập họ không sống đúng giới luật ba đức ba hạnh, nhất là không cung kính tôn trọng hạnh độc cư nên sự tu tập không có kết quả. Sự tu tập không có kết quả nên họ bị thôi chuyển, bỏ cuộc tu hành.

Thưa các bạn! Các bạn có nhân với tu viện nhưng các bạn không có duyên vì vậy các bạn phải biết tiếp tục tạo duyên mới. Tạo duyên mới như thế nào?

Tạo duyên mới là các bạn phải tu tập đúng giới luật và pháp do lời dạy của Thầy Chơn Như thì đó là tạo duyên mới, còn các bạn sống và tu tập không đúng lời dạy này là các bạn tạo hết duyên. Khi hết duyên thì không bao lâu các bạn sẽ rời khỏi tu viện.

Có nhân là các bạn có gặp nhau với Thầy, nhưng duyên không có nên các bạn không sống đúng lời dạy của Thầy, vì thế chúng ta không được ở gần nhau và do đó các bạn biết rằng các bạn có duyên với ngoại đạo vì các bạn đã gieo duyên quá sâu dày, mặc dù pháp tu không giải thoát nhưng các bạn vẫn phải bám trụ với nó, do bám trụ mãi mãi để rồi các bạn tiếp tục với cái duyên của ngoại đạo từ kiếp này đến kiếp khác trong vô lượng kiếp luân hồi, lên xuống trong khổ đau triền miên bất tận.

Pháp mà Đức Phật đã dạy là pháp rất lợi ích cho bản thân của các bạn, nhưng các bạn không gieo duyên thì làm sao các bạn tu tập được, thường các bạn bỏ pháp chánh tìm pháp tà. Vì tà pháp còn mang đầy ắp tâm dục, nên chi nó cùng đi với con đường dục của thế gian. Cho nên thuận đường dục, tuy không giải thoát nhưng các bạn vẫn thích, vì tà pháp danh lợi thực thụ đầy đủ. Ngược lại chánh pháp thì ly dục ly ác pháp, sống trầm lặng độc cư một mình, hằng ngày ngồi quét tâm tham, sân, si không để một bóng dáng dục còn sót lại trong tâm. Con đường đi ngược chiều danh lợi thực thụ không khó nhưng lại khó là vì đi theo nghiệp lực nhân quả.

Tất cả mọi người về tu viện chỉ có “*Sống cung kính, tùy thuận không phóng dật*”, thế mà ai nấy cũng đều bỏ cuộc. Cho nên Phật Giáo mất là đi ngược lại dòng đời.

Do không sống đúng lời dạy của Đức Phật “*Sống cung kính, tùy thuận không phóng dật*”. Đó là vì các bạn có nhân mà không có duyên, nhưng các bạn không tạo duyên mới, do đó các bạn đi vào ngõ cụt của đường tu.

6- “*Sống cung kính tùy thuận lễ phép xã giao*”. (Tức là khéo léo thiện xảo thích ứng trong mọi hoàn cảnh về oai nghi tế hạnh của một người tu tập, theo chánh pháp Nguyên Thủy). Đây là điều cung kính cuối cùng trong Phật pháp, chúng ta hãy đọc và xem xét kỹ lời dạy và hãy lặp lại những chữ cần thiết trong lời dạy này: “*Cung kính, tùy thuận lễ phép xã giao*”. Cung kính tùy thuận các bạn đã hiểu nghĩa, nhưng còn bốn chữ lễ phép xã giao. Vậy “*lễ phép xã giao*” nghĩa là gì?

Đối với Đạo Phật lễ phép xã giao không phải là theo lễ phép xã giao thường như ngoài đời mà lễ phép xã giao là sống đối xử với nhau không làm khổ mình khổ người, tức là biết nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Lễ phép xã giao là cách đối xử với mọi người luôn luôn phải thấy mọi người đều là người tốt, người thiện, như Đức Phật đã dạy: *“Thấy lỗi mình đừng thấy lỗi người”*. Nhờ thấy như vậy, nên đó là cách thức cung kính, tùy thuận lễ phép xã giao của Đạo Phật, khiến cho sự sống tràn đầy hạnh phúc an vui cho mình và cho người. Cách thức lễ phép xã giao của Đạo Phật là các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện.

Cho nên cuộc sống chung đụng đối xử với nhau là phải lấy lễ phép xã giao tức là ngăn ác diệt ác pháp luôn luôn sanh thiện tăng trưởng thiện. Muốn được vậy thì hằng ngày phải tâm niệm: *“Biết chuyện mình không nên biết chuyện người, người làm hay không làm là điều của họ, còn ta thì nên sửa mình từng phút từng giây không nên biếng trễ”*. Xin các bạn lưu ý có biếng trễ là có khổ đau.

Tóm lại, *“Sống cung kính, tùy thuận lễ phép xã giao”* của Phật Giáo bằng câu Kinh Pháp Cú:

*“Không nên nhìn lỗi người
Người làm hay không làm
Nên tự nhìn thân ta
Có làm hay không làm”*.

TU ĐỊNH HIỆN TẠI AN LẠC TRÚ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Định Hiện Tại An Lạc Trú, con chỉ tu 30' thường hướng tâm: *“Sáu căn phải tập trung tại tụ điểm nghe hơi thở và nhìn hơi thở”*. Rồi con lại tiếp tục hướng tâm nữa: *“Hơi thở phải chậm và nhẹ”* Con thấy hơi thở con càng lúc càng chậm, càng nhẹ dần. Nhờ con tu ít lại nên hôn trầm cũng bớt nhiều, tu như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Đúng, Định Niệm Hơi Thở con tu như vậy rất tốt. Khi hơi thở nhẹ và chậm, tâm yên lặng và bám chặt vào hơi thở thì con hãy tiếp tục hướng tâm vắng lặng. Thỉnh thoảng và nhẹ nhàng thoáng hướng tâm như lý tác ý: *“Nhĩ thức hãy nghe vào trong và nằm yên như ngủ, không được nghe ra ngoài”*.

Nếu khoảng thời gian này con chỉ cần kéo dài 30’ là cao nhất, không nên kéo dài thêm nữa, vì kéo dài thêm nữa con sẽ rơi vào trạng thái tĩnh lặng và khi rơi vào trạng thái tĩnh lặng thì rất là nguy hiểm, vì từ trạng thái tĩnh lặng sẽ phát sinh sáu loại tướng đầu tiên:

- Xúc tướng hỷ lạc, là một cảm giác an lạc thích thú của xúc tướng.

- Sắc tướng là thấy ánh sáng hào quang hoặc thấy hình ảnh chư Phật chư Tổ, ma quỷ v.v...

- Thính tướng là nghe âm thanh hoặc tiếng nói trong tai v.v..

- Hương tướng là cảm giác mùi thơm bay phảng phất.

- Vị tướng là cảm giác nước miếng ngọt và đang tiết ra trong miệng.

- Pháp tướng là hiểu thông suốt 1700 công án Thiền Tông và các loại kinh tướng Đại Thừa.

Khi hành giả tu hành, gặp sáu loại tướng này thì bản ngã to lớn vĩ đại, kiến chấp sâu dày rất khó bỏ.

Định Hiện Tại An Lạc Trú là một tên gọi chung cho bốn loại Thiền Định Vô Thượng Tâm của Phật Giáo là:

- 1- Sơ Thiền.
- 2- Nhị Thiền.

3- Tam Thiên.

4- Tứ Thiên.

Khi nhập vào bốn loại thiên định này trong hiện tại có sự an lạc, cho nên gọi là Hiện Tại An Lạc Trú Định. Nhập vào bốn loại thiên định này là phải tu hai loại định Thân Hành Niệm nội (hơi thở) và Thân Hành Niệm ngoại (hành động bên ngoài của thân).

Trong bốn loại thiên định này, có một loại định rất khó tu tập nhất, đó là Sơ Thiên, Sơ Thiên là một loại thiên xả tâm, nếu hành giả tu hành không biết chỉ cần sơ sót là rơi vào thiên ức chế tâm, thì chẳng bao giờ nhập Sơ Thiên được.

Người muốn nhập Định Hiện Tại An Lạc Trú này thì phải nghiêm trì và sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt, luôn luôn lúc nào cũng phải phòng hộ sáu căn giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý của mình không cho dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Và lại, còn phải chấp nhận hạnh thiếu dục tri túc, sống đúng đời sống phạm hạnh của một vị Thánh Tăng thì mới thực hiện được Hiện Tại An Lạc Trú Định.

Nếu không sống đúng một đời sống Phạm hạnh thì khó mà nhập được các loại định này, vì cánh cửa Sơ Thiên đóng rất kín nếu kẻ nào phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới thì chỉ còn đứng ngoài cửa chứ không được vào. Tại sao vậy ?

Tại vì Giới luật còn vi phạm thì thân tâm không thanh tịnh, thân tâm chưa thanh tịnh thì tâm chưa ly dục ly ác pháp, tâm chưa ly dục ly ác pháp thì không thể nào vào cửa Sơ Thiên được, không vào cửa Sơ Thiên được thì khó mà nhập Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên. Như vậy Hiện Tại An Lạc Trú Định khó mà bước vào được.

Theo sự trình bày tu tập của con là Định Niệm Hơi Thở, chứ không phải Định Hiện Tại An Lạc Trú đó là giai đoạn thứ nhất trong sự tu tập tỉnh thức của Định Niệm Hơi Thở để tỉnh thức xả tâm ly dục ly ác pháp, khi xả tâm ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì đó mới bắt đầu nhập vào Định Hiện Tại An Lạc Trú. Ở đây, con chỉ tu mới được phân nửa thuộc về tỉnh thức, còn phân nửa thuộc về xả tâm thì hiện giờ con phải áp dụng vào phương pháp quán xét Tứ Niệm Xứ tức là tư duy suy ngẫm bốn chỗ: Thân, thọ, tâm và các pháp, xem trên bốn chỗ này có chứng ngại pháp hay không, nếu không chứng ngại pháp thì con nên để tâm tự nhiên biết hơi thở ra vào chứ đừng bắt buộc hay ức chế tập trung tâm vào hơi thở.

Định Hiện Tại An Lạc Trú không khó nhập, nếu một người ngộ lý mười hai nhân duyên thông suốt thế giới các pháp đều do duyên hợp mà thành, do đó trên thế gian này không có một pháp nào thường hằng vĩnh viễn, dù cho ai muốn giữ gìn cũng không được. Có vật chất càng nhiều thì càng khổ, cho nên càng xả bỏ ra thì càng giải thoát, xả nhiều giải thoát nhiều, xả ít giải thoát ít, xả hết thì hoàn toàn giải thoát. Vì thế, đời sống phạm hạnh của một vị Thánh Tăng chỉ còn ba y một bát, sống không nhà cửa không gia đình, đó là giải thoát hết, nên đời sống của một vị Thánh Tăng là đời sống buông xả, đời sống giải thoát.

Phần nhiều tu sĩ và cư sĩ thời nay sống Phạm hạnh bằng hình thức bên ngoài mà trong tâm thật sự chưa xả, có nghĩa là trong tâm chưa nhàm chán thế gian, chưa thấy mười hai duyên hợp thật sự nên còn ham thích cái này, cái nọ.

Tâm chưa nhàm chán các pháp thế gian thì khó mà nhập được Hiện Tại An Lạc Trú Định. Tuy rằng theo đường dây hơi thở mà nhập các loại định này, nhưng không

nhằm chán các pháp thế gian thì không bao giờ nhập được.

Định Hiện Tại An Lạc Trú phải theo đường dây hơi thở mà vào, chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy trong kinh Nikaya: *“Này các Thầy Tỳ Kheo! Ta trước khi chưa giác ngộ, chưa chứng chánh đẳng giác, còn là Bồ Tát”.*

“Này các Thầy Tỳ Kheo! Do Ta tu tập nhiều với pháp môn này thân ta và con mắt không có mệt nhọc và tâm Ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.”

Đoạn kinh trên, Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, do khéo tu Hiện tại An Lạc Trú Định, thân và con mắt không có mệt, tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc và không có còn chấp thủ, nhưng phải do đường dây hơi thở mà tu tập, đường dây hơi thở mà Đức Phật còn gọi là Định Niệm Hơi Thở và pháp hướng tâm. *“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn rằng: “Thân và con mắt khỏi bị mệt nhọc và tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ” thì Định Niệm Hơi thở vô, hơi thở ra cần phải khéo tác ý”.*

Cần phải khéo tác ý hơi thở vô hơi thở ra như thế nào và thân và con mắt không có mệt nhọc còn tâm thì được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ, chấp thủ ở đây có nghĩa là ức chế vọng tưởng. Hầu hết mọi người tu về Định Niệm Hơi Thở đều không hiểu chỗ này, cho nên tu tập hơi thở thành ức chế tâm như pháp Sổ Tức Quán của Đại Thừa và Lục Diệu Pháp Môn của Thiên Đông Độ.

Chúng ta hãy trở về Định Niệm Hơi Thở trong bài kinh Xuất Tức Nhập Tức thuộc kinh Nikaya Trung Bộ: *“Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”*, đó là câu hướng tâm theo hơi thở để tâm không bị ức chế vọng tưởng mà được nhẹ nhàng tự nhiên hơn, cho nên thân và con mắt

không có mỗi một, tâm thì được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không bị ức chế. Đây, chúng ta nghe tiếp bài kinh Xuất Tức Nhập Tức: *“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”* Do sự tu tập khéo tác ý như vậy nên sự tu tập đạt được theo ý muốn của mình.

Nếu chúng ta muốn cho tâm được thanh thản, an lạc và vô sự tức là đoạn tận vọng tưởng không còn xen vào trong tâm mà thân tâm không bị ức chế thì chúng ta cũng nương theo hơi thở và tác ý như vậy: *“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn rằng các niệm các tư duy được đoạn tận” thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra này cần phải khéo tác ý”*.

Nếu trong đời tu hành của chúng ta còn dính mắc một điều gì không buông xả được cũng như không nhàm chán các pháp thế gian tâm vẫn còn ham thích thì chúng ta cũng nên dùng Hiện Tại An Lạc Trú Định mà tu tập theo pháp hướng tâm như lời Đức Phật dạy: *“Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn tu tập với tưởng nhàm chán đối với các pháp không nhàm chán” thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra này cần phải được tác ý”*.

Nếu muốn tâm giữ gìn giới luật nghiêm túc, tâm không phóng dật, tâm ly dục ly ác pháp thì cũng phải tu Định Niệm Hơi Thở như Đức Phật đã dạy: *“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy mong rằng ly dục ly ác pháp, các Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền Thứ Nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm có tứ” thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra cần phải được khéo tác ý”*.

Nếu quý vị muốn nhập Nhị Thiền thì quý vị cũng phải nương vào hơi thở của Định Hiện Tại An Lạc Trú và khéo tác ý như lời Đức Phật đã dạy: *“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu Tỳ Kheo muốn rằng: “Mong rằng làm cho tịnh chỉ tâm tứ, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiền Thứ hai, một*

trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ nội tĩnh nhất tâm, thời Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra này cần phải tác ý”.

Nếu quý vị muốn nhập Tam Thiên thì cũng phải theo đường dây hơi thở và hướng tâm như lý của Tam Thiên tác ý thì sẽ nhập Tam Thiên không mấy khó khăn như lời Đức Phật đã dạy: *“Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu các Thầy ước muốn rằng: “Mong rằng ly hỷ trú xả, Chánh Niệm Tĩnh Giác cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi chứng đạt và sẽ an trú Thiền Thứ Ba, thì Định Niệm Hơi Thở vô và hơi thở ra này cần phải tác ý”.*

Nếu quý vị muốn nhập Tứ Thiên thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra cần phải được khéo tác ý như Đức Phật đã dạy: *“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo, nếu các Thầy ước muốn rằng: “Mong rằng đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền Thứ Tư không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh” thì Định Niệm Hơi Thở vô và hơi thở ra này cần phải được tác ý”.*

Định Hiện Tại An Lạc Trú tức là Bốn Thiên Hữu Sắc, nhưng muốn tu Bốn Thiên Hữu Sắc thì phải dùng Định Niệm Hơi Thở nhưng phải luôn luôn khéo tác ý đúng bốn trạng thái ly, từ, diệt, xả của Bốn loại thiên này.

Ví dụ: Sơ Thiên muốn đạt được thì phải ly dục ly ác pháp. Nhị Thiên thì phải tịnh chỉ tâm tứ hay nói cách khác là diệt tâm tứ. Tam Thiên thì phải ly các loại hỷ tưởng hay nói cách khác là ly hỷ trú xả. Tứ Thiên thì phải tịnh chỉ hơi thở hay nói cách khác là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh.

Những điều con đã trình bày ở trên là tu tập tĩnh thức trong Thân Hành Niệm nội và đã được kết quả như ý, nhưng con phải dùng sự tĩnh thức này tu Tứ Niệm Xứ tức

là con quán sát bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp nếu có niệm xảy ra trên bốn chỗ này thì con dùng Định Vô Lậu quán xét đẩy lui các chướng ngại pháp đó, nên trong Tứ Niệm Xứ Đức Phật dạy:

- 1- Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu.
- 2- Trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu.
- 3- Trên tâm quán tâm để khắc phục tham ưu.
- 4- Trên pháp quán pháp để khắc phục tham ưu.

Thầy xin nhắc lại, muốn tu tập Tứ Niệm Xứ thì trước tiên phải tu tập Định Niệm Hơi Thở như con đã trình bày ở trên, sau khi tu tập Định Niệm Hơi Thở đã có sức tĩnh thức thì lấy sức tĩnh thức đó áp dụng vào Tứ Niệm Xứ để khắc phục tham ưu tức là ly dục ly ác pháp.

Bây giờ con quán sát lại lộ trình tu tập có ba giai đoạn đi vào Định Hiện Tại An Lạc Trú:

- Giai đoạn thứ nhất, con tu Định Niệm Hơi Thở để có tĩnh thức.
- Giai đoạn thứ hai, con dùng sức tĩnh thức của Định Niệm Hơi Thở tu Tứ Niệm Xứ để ly dục ly ác pháp, tức là con hoàn chỉnh giới luật thanh tịnh.
- Giai đoạn thứ ba, con dùng tâm ly dục ly ác pháp để nhập bốn loại thiền định hữu sắc đó là Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền tức là con đã hoàn chỉnh bốn thiền định Hữu Sắc.

Như vậy, ba giai đoạn này con đã tu được hai phần ba đường của Đạo Phật còn một phần nữa là xong nốt quãng đường giải thoát đó là Tam Minh.

Tóm lại con đã tu từ 5’- 30’ tĩnh thức trong Định Niệm Hơi Thở, kết quả ấy con đem áp dụng vào Tứ Niệm Xứ để quán sát thân, thọ, tâm, pháp có chướng ngại pháp thì con

nên đẩy lui. Con nên hiểu giai đoạn này là giai đoạn tu tập ly dục ly ác pháp, giai đoạn cam go nhất của người tu hành theo Đạo Phật và nó cũng là giai đoạn khó khăn nhất. Cho nên phải tu tập nhiếp tâm cho được trong thân hành nội hay ngoại. Khi nhiếp tâm được chỉ trong khoảng thời gian 30' thì phải tập an trú cho được trong thân hành, còn nếu tập an trú chưa được thì phải trở lại tu tập Định Vô Lộ xả tâm cho thật sạch, có như vậy mới an trú được.

Sự tỉnh thức của con tu đúng pháp khi áp dụng vào Tứ Niệm Xứ thì rất dễ đẩy lui các chướng ngại pháp, đẩy lui các chướng ngại pháp tức là con đã ly dục ly ác pháp dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc, còn sự tỉnh thức chưa đúng pháp thì tu tập hay quên; còn đẩy lui chướng ngại pháp khó khăn là pháp hướng chưa có đủ lực, sự an trú chưa vững chắc, nhưng con hãy bền chí hướng tâm và tu tập an trú cho được thì con sẽ đạt được kết quả như ý muốn.

ĐỊNH SÁNG SUỐT

Hỏi: Kính thưa Thầy, những lúc nào con tu Định Sáng Suốt. Khi ngồi trên xe buồn ngủ, hoặc đang may vá buồn ngủ, con tu Định Sáng Suốt có được không?

Đáp: Được, khi buồn ngủ con nên tu Định Sáng Suốt, tu Định Sáng Suốt là con phải đi kinh hành hoặc ngồi ám thị hướng tâm mạnh, phải gằn giọng như ra lệnh: “*Phải tỉnh thức sáng suốt như ban ngày, không được buồn ngủ nữa như ban đêm!*”. Tốt hơn hết khi buồn ngủ thì con nên đứng dậy đi kinh hành, nhưng con ngồi trên xe hoặc đang may vá buồn ngủ thì không thể đi kinh hành được vậy chỉ còn có cách dùng pháp hướng tâm đuổi ma hôn trầm mà thôi.

Định Sáng Suốt là một loại thiền định để thư giãn khi làm việc cũng như tu tập quá sức nên sanh ra mỗi một lười biếng hôn trầm thùy miên, v.v..

Sau mỗi thời gian tu tập các loại định khác thì lại xen kẽ Định Sáng Suốt vào để thư giãn thân tâm trở về trạng thái bình thường, khiến cho thân tâm bớt căng thẳng bớt mệt mỏi và thoải mái dễ chịu hơn. Người tu tập thiền định mà không biết dùng Định Sáng Suốt thư giãn thì càng tu tâm trí càng u tối, dần dần ai bảo sao nghe vậy chẳng biết phân biệt thiền nào của Phật và thiền nào của ngoại đạo.

Phần đông hiện giờ tu sĩ cũng như cư sĩ đều chịu ảnh hưởng của kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ, ngồi tu thì ức chế tâm cho hết vọng tưởng họ nghĩ rằng hết vọng tưởng là thành Phật hay là chứng ngộ hoặc triệt ngộ, do đó có nhiều trường hợp xảy ra:

1/ Nếu người tu tập có hệ thống thần kinh tốt thì không bị rối loạn, còn người tu tập có thần kinh yếu thì bị rối loạn và điên khùng.

2/ Nếu người tu tập có hệ thần kinh tốt không bị rối loạn không điên khùng, nhưng vì quá tập trung ức chế tâm không vọng tưởng nên nặng đầu, các cơ mặt bị căng khiến cho đau nhức khó chịu hoặc các cơ hoành hoặc ngực tức lồi làm cho sự tu tập có lùi chứ không có tiến.

3/ Nếu người tu tập hệ thần kinh tốt và các cơ mặt, cơ hoành đều tốt thì không bị rối loạn, không bị căng đau nên ức chế ý thức ngưng hoạt động, ý thức ngưng hoạt động thì tưởng thức thay vào hoạt động, giống như người ngủ có chiêm bao, nhưng ở đây vì tu tập ức chế nên con người vẫn hoạt động bình thường nhưng lại ý thức không hoạt động nên tưởng thức hoạt động với mức độ bình thường thì đương nhiên người này có nhiều lý luận mơ hồ trừu

tượng siêu hình vô vi mà Đức Phật gọi những hạng người này là những hạng người sống trong tướng tri như các nhà học giả, các nhà thần học, các nhà Đại Thừa như Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh, v.v.. và các Thiền Sư Đông Độ.

Còn tướng thức hoạt động ở mức độ cao thì họ sống hoang tưởng, nhưng họ chưa hẳn điên thật gần giống như người điên.

Đó là những trường hợp xảy ra cho những người tu thiền ức chế tâm mà không có phương pháp thư giãn còn ngược lại thiền xả tâm của Đức Phật tu hành không ức chế tâm mà còn có một loại định thư giãn như quý vị đã biết, đó là Định Sáng Suốt.

Cách thức tu tập Định Sáng Suốt có hai giai đoạn:

- Giai đoạn một:

Ví dụ, lúc 7 giờ sáng bắt đầu chúng ta tu Định Niệm Hơi Thở đến 7g 30' chúng ta xả ra nghỉ, xả nghỉ tức là thư giãn, thư giãn tức là tu Định Sáng Suốt. Muốn tu Định Sáng Suốt thì chúng ta phải ngồi tựa lưng, buông thõng hai tay hai chân, các cơ trong thân cũng phải đều buông thõng xuống hết rồi chúng ta hướng tâm nhắc: *“Các cơ trong thân buông xuống hết, thần kinh trong thân đều thư giãn hết, thân tâm phải thoải mái, nhẹ nhàng, thanh thản, an lạc và vô sự”*, khi nhắc như vậy xong thì ta buông thõng các cơ xuống không được gồng một cơ bắp nào cả và tâm thì không được tập trung vào một đối tượng nào, để tự nhiên cho thân tâm tự do một cách dễ chịu.

- Giai đoạn hai:

Ví dụ: khi thân tâm thoải mái dễ chịu thì chúng ta hướng tâm nhắc: *“Thân tâm phải thanh thản, an lạc và vô sự, tâm phải sáng suốt như ban ngày, như ánh sáng mặt trời”*.

Trong thời gian thư giãn, thỉnh thoảng chúng ta lại nhắc câu pháp hướng như trên, cứ như vậy để giúp cho thân tâm nhẹ nhàng thoái mái cho đến hết giờ thư giãn.

Trong lúc tu Định Sáng Suốt thư giãn như vậy và thân tâm cảm giác tỉnh táo nhẹ nhàng thanh thản an lạc và vô sự thì đó là tu đúng bằng ngược lại là tu sai.

Khi thư giãn xong cơ thể phục hồi lại sức khỏe cảm giác tỉnh thức và siêng năng ham tu, còn ngược lại thì tu sai bây giờ tiếp tục tu Định Chánh Niệm Tỉnh Giác vừa đi kinh hành vừa hướng tâm tỉnh thức theo bước đi mà cũng vừa hướng tâm ly tham đoạn ác pháp.

Khi đi kinh hành xong khoảng độ 30' chúng ta ngồi lại xả nghỉ và thư giãn như trước, cứ như vậy chúng ta tiếp tục tu tập suốt ngày đêm không biết mệt mỏi và càng tu càng thấy tiến bộ rõ rệt tức là thấy thân tâm an lạc, thanh thản, vô sự giải thoát rõ ràng. Riêng về phần pháp hướng thì thấy hiệu quả, cụ thể rõ ràng hơn, cứ ra lệnh là thân tâm làm theo như ý muốn của mình.

NHIỆT TÂM

Hỏi: Kính bạch Thầy, nếu không có nghị lực, dứt khoát, từ bỏ thì tu Định Vô Lậu và tu tập Pháp Hướng Tâm, theo sự nhận xét của con trong sự tu tập thì con thấy cũng không có hiệu quả, có phải vậy không thưa Thầy ?

Đáp: Con đường tu theo Đạo Phật nếu không có quyết tâm dứt khoát từ bỏ, nhất là thiếu nghị lực thì không thể nào tu Định Vô Lậu và dùng pháp Hướng Tâm có hiệu quả được. Người ta biết thuốc lá, thuốc phiện và rượu gây bệnh tật, tai hại cho cơ thể, nhưng không quyết tâm dứt khoát từ bỏ thì vẫn phải chịu bệnh nghiện và con người luôn luôn uong gàn như một con thú vật, họ không biết đạo đức là gì.

Nhiệt tâm, là một điều quan trọng hết sức cho bước đường tu tập xả tâm, nếu không có nhiệt tâm thì nhất định không bao giờ có xả tâm được.

Định Vô lậu, là một danh từ nếu chúng ta chỉ dùng danh từ để quán xét và nói suông thì chẳng có nghĩa gì là vô lậu. Nói vô lậu tức là nói không còn đau khổ, nói không còn đau khổ tức là nói không còn chướng ngại pháp trong tâm, nói chướng ngại pháp trong tâm tức là nói ác pháp.

Do đó, Đức Phật dạy: “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp” là để thoát khổ, nếu người không có nhiệt tâm ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp thì khó mà giải thoát được.

Bởi, nhiệt tâm là một việc làm tích cực hết sức của một người quyết chí đi tìm đường giải thoát, nếu người quyết chí đi tìm đường giải thoát mà không có nhiệt tâm thì sự tu hành cũng chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Muốn bỏ một điều ác nào, thì chúng ta phải thông suốt điều ác ấy. Vậy, phải thông suốt như thế nào?.

- Thứ nhất, là phải thông suốt lý nhân quả thiện và ác.
- Thứ hai, là phải thông suốt lý duyên hợp.
- Thứ ba, là phải thông suốt lý các pháp vô thường, khổ, vô ngã.
- Thứ tư, phải thông suốt Bát Chánh Đạo, tức là tám lớp tu tập để được giải thoát như:

Lớp 1 Chánh Kiến.

Lớp 2 Chánh Tư Duy.

Lớp 3 Chánh Ngữ.

Lớp 4 Chánh Nghiệp.

Lớp 5 Chánh Mạng.

Lớp 6 Chánh Tinh Tấn.

Lớp 7 Chánh Niệm.

Lớp 8 Chánh Định.

- Thứ năm, phải thông suốt ba lậu như: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
- Thứ sáu, phải thông suốt Ngũ triền cái và Thất kiết sử.
- Thứ bảy, phải thông suốt Năm hạ phần kiết sử và Năm thượng phần kiết sử.
- Thứ tám, phải thông suốt Thập thiện và Thập ác.
- Thứ chín, phải thông suốt bốn loại định: Định Sáng Suốt, Định Niệm Hơi Thở, Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.
- Thứ mười, phải thông suốt Tứ Thánh Định.
- Thứ mười một, phải thông suốt pháp Như lý tác ý và pháp Tác ý.
- Thứ mười hai, phải thông suốt phóng tâm và phóng dật.

Trong khi đã thông suốt 12 pháp môn này, mà thiếu nhiệt tâm dứt bỏ tu hành thì trở thành một vị giảng sư, vị giảng sư là người nói được, chứ không làm được, người nói được mà chưa làm được là người nói láo. Người nói láo bằng thuyết giảng là người lừa đảo người khác bằng kinh sách.

Vốn Đạo Phật không phải là một tôn giáo nói láo, nên khi đã thông suốt các pháp thì phải nỗ lực xả bỏ, ly tham đoạn diệt ác pháp cho chính mình, để được ra khỏi cuộc đời đầy khổ đau, chứ không phải thông suốt lý đạo để đem ra dạy đời bằng những lý thuyết suông trong khi mình tu tập chẳng ra gì mà lại dạy người tu thì hóa ra lừa đảo người. Đừng dùng những ngôn từ trong kinh Đại Thừa để che mắt thiên hạ “Y pháp bất y nhân” có nghĩa là y nơi pháp mà tu hành, còn đừng y vào các Thầy, vì các Thầy tuy dạy như vậy mà chưa có tu hành được như trong kinh đã dạy.

Đối với con đường tu hành theo Đạo Phật, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy quyết dứt bỏ những chướng ngại

pháp trong tâm, như những lời dạy của Đức Phật trong thời khóa tu tập lúc Đức Phật còn tại thế thì không bao giờ làm chủ được sanh, già, bệnh, chết, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy sửa đổi những lỗi lầm của mình trong những thói hư tật xấu thì chẳng bao giờ trở thành những con người tốt trong xã hội được. Những người có đạo đức, nếu không có nhiệt tâm nồng cháy ly dục ly ác sửa đổi tánh hư tật xấu thì không bao giờ có ly dục ly ác pháp được. Không ly dục ly ác pháp, thì không bao giờ nhập được Thiên định, nếu không nhập được Thiên định thì không bao giờ thực hiện được Tam Minh, nếu không thực hiện được Tam Minh thì không bao giờ chấm dứt tái sanh luân hồi.

Xem thế, chúng ta mới thấy nhiệt tâm là một điều quan trọng hết sức trong việc tu hành theo Đạo Phật, vì có nhiệt tâm mới có giải thoát.

Chúng ta biết, có nhiệt tâm mới có nghị lực để chiến đấu với nội tâm của mình, không nhiệt tâm thì không nghị lực, người không có nghị lực làm việc gì, người ấy đều gặp thất bại, huống là công việc tu hành thì lại còn thất bại nặng nề hơn.

Cho nên, người tu Định Vô Lậu cũng như sử dụng pháp Hướng Tâm mà không có nhiệt tâm dứt khoát từ bỏ, thì sự tu tập chỉ có hoài công vô ích và uổng phí một đời tu hành, chẳng bao giờ có giải thoát đối với những người này.

Theo sự nhận xét của con, trong sự tu tập của chính mình, thì con đã rút ra được những kinh nghiệm bản thân, nếu không có nhiệt tâm xả bỏ thì sự tu tập cũng chỉ hoài công vô ích và uổng phí một đời tu hành chẳng bao giờ có giải thoát. Với những ai tu chơi thì chẳng bao giờ có nhiệt tâm, không có nhiệt tâm thì đừng nên tu theo Đạo Phật đã

chẳng ích lợi cho mình mà còn hại Đạo Phật thêm, khiến cho người đời khinh chê và phỉ báng vì phạm giới cấm của Đức Phật.

Theo sự nhận xét của con trong sự tu tập của chính mình, thì con đã hiểu biết được những kinh nghiệm bản thân, “nếu không có nhiệt tâm xả bỏ thì sự tu tập không có hiệu quả”.

Đúng vậy! Đúng vậy! Lời nói này là cả một kinh nghiệm bản thân. Nếu trên đường tu tập mà ai không có nhiệt tâm xả bỏ xa lìa ác pháp và lòng ham muốn của mình, thì kết quả chẳng ra gì như trên đã dạy.

Nếu một người tu hành theo Đạo Phật mà sống không đúng Phạm hạnh của Đạo Phật, thì người ấy không bao giờ có nhiệt tâm với sự tu tập của mình. Người có nhiệt tâm, là người sống đúng giới luật Phạm hạnh.

Nếu tu tập mà không có kết quả, thì sự nhiệt tâm sẽ mất dần và cuối cùng, lòng tha thiết nhiệt tâm tu hành giải thoát không còn nữa.

Bởi vậy, kẻ nào tu sai, nhiệt tâm sẽ bị mất, nhiệt tâm mất thì nghị lực cũng không còn, tu như vậy chỉ mang tiếng tu mà thôi.

Đây là, một vấn đề quan trọng trong sự tu hành, quý Thầy và quý Phật tử phải bảo vệ và giữ gìn nhiệt tâm của mình, đừng nên để nó mất, nó mất đi cuộc đời tu hành của quý vị sẽ trở thành đen tối và âm u.

Người tu hành theo Đạo Phật nhiệt tâm là hàng đầu của người xuất gia, nó sẽ giúp cho quý vị tu tập đến nơi đến chốn, quý vị nên nhớ kỹ và khắc ghi mãi trong lòng hai chữ “NHIỆT TÂM”. Nhiệt tâm còn là còn sự tích cực, nhiệt tâm mất là tiêu cực đến.

PHÁP MÔN DẪN TÂM

Hỏi: *Kính bạch Thầy, Pháp Hướng Tâm- Như Lý Tác Ý có lợi ích như thế nào? Xin Thầy giảng rõ cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Pháp Hướng Tâm có hai phần lợi ích và hiệu quả rất lớn cho những người tu tập theo Đạo Phật:

1- Giúp cho trí tuệ bén nhạy nhanh chóng trước các pháp ác.

2- Giúp cho tâm tạo ra một năng lực siêu việt không thể nghĩ lường.

3- Pháp hướng tâm là phương cách dẫn thân tâm vào chỗ giải thoát, ví như: *“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra, hoặc an tịnh tâm hành tôi biết tôi đưa tay ra, hoặc an tịnh tâm hành tôi biết tôi đưa tay vô”*.

4- Pháp hướng tâm còn gọi là pháp huấn luyện tâm.

Như lời Đức Phật đã dạy trong Kinh và đã xác quyết pháp môn dẫn tâm là một bí quyết giúp chúng ta ly tham đoạn ác mà không có pháp nào khác hơn: *“Ta không thấy pháp nào khác”* có nghĩa không còn pháp nào khác hơn là pháp “Như Lý Tác Ý” .

Để minh chứng lời dạy này, chúng tôi xin trích ra một vài đoạn kinh, trong kinh Tăng Chi Bộ: *“Ta không thấy một pháp nào, này các Thầy Tỳ Kheo, đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi và sân đã sanh được tăng trưởng rộng lớn, này các Tỳ Kheo, đó là đối ngại tướng trong tâm. Này các Thầy Tỳ Kheo, đối ngại tướng trong tâm, nếu không như lý tác ý sẽ đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi và sân đã sanh được tăng trưởng rộng lớn”*.

Ở đây, Đức Phật đã xác định có tính cách quả quyết và nhất định một cách hùng hồn chỉ có pháp Như Lý Tác Ý làm sân đoạn diệt, nếu không có pháp Như Lý Tác Ý, thì không có pháp nào đoạn diệt được tâm sân.

Nếu muốn trừ tâm nghi, mà ta không dùng pháp Như Lý Tác Ý, thì sẽ không còn pháp nào diệt trừ tâm nghi được, nên Đức Phật dạy: *“Ta không thấy pháp nào khác, này các Thầy Tỳ Kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi và nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng rộng lớn, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Thầy Tỳ Kheo, nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi và nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng rộng lớn”*.

Tâm tham dục cũng vậy, nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà ly tham đoạn dục; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thành tựu được Đạo giải thoát; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thành tựu Thiền định; nếu không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì khó mà thực hiện được Tam Minh.

Bởi, thấy người tu Thiền định hiện giờ mà không có pháp dẫn tâm vào Đạo thì biết họ tu tà Thiền, tà định không thể có quả giải thoát được. Do thế, ta mới biết được pháp môn Như Lý Tác Ý là một pháp môn có lợi ích rất lớn trên bước đường tu tập, nếu không có pháp môn này, con đường tu tập chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Đối với những người muốn thực hiện lòng từ, bi, hỷ, xả mà không có pháp Như Lý Tác Ý, thì lòng từ, bi, hỷ, xả cũng không bao giờ có được, để minh chứng điều này Đức Phật đã dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ: *“Này các Thầy Tỳ Kheo, như từ tâm giải thoát chưa sanh không sanh khởi và từ tâm không đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ Kheo, không như*

lý tác ý. Nếu như lý tác ý, thời từ tâm chưa sanh được sanh khởi, và từ tâm sẽ được tu tập viên mãn”.

Để minh chứng một đoạn kinh Đức Phật đã dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ trang 31: *“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Thầy Tỳ Kheo, do pháp ấy các giác chi chưa sanh không sanh khởi, và các giác chi chưa sanh không đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ Kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Thầy Tỳ Kheo, các giác chi chưa sanh không được sanh khởi, và các giác chi không đi đến tu tập viên mãn”.*

Qua những lời dạy của Đức Phật trên đây, quý Thầy và quý Phật tử đã thấy rõ giá trị của pháp Như Lý Tác Ý, là một pháp môn có tầm cỡ vĩ đại cho đường tu tập của quý vị. Nếu không có pháp môn này, thì không bao giờ quý vị ly tham đoạn diệt được tâm tham ưu của quý vị; nếu không có pháp môn này thì giới luật của quý vị không thể sống nghiêm chỉnh được; nếu không có pháp môn này thì Thiên định quý vị không thể nhập được và nếu không có pháp môn này thì Tam Minh chỉ là một danh từ suông, một ảo mộng thần thông của loài người.

Tóm lại, không có pháp Như Lý Tác Ý thì con đường tu tập của Đạo Phật, chỉ là một giấc mộng mà thôi.

ĐẮM NHIỄM, KHÓ TIÊU, TÁN LOẠN.

Hỏi: Kính thưa Thầy, xin Thầy giảng rõ cho con hiểu: *“Đắm nhiễm, khó tiêu, tâm thường sanh tán loạn”* như thế nào?

Đáp: Đắm nhiễm, khó tiêu, tán loạn là những động từ kép:

- **Đắm nhiễm:** Có nghĩa là dính mãi, không bỏ được, thành thói quen, nghiện ngập, nghiệp lực.

- **Khó tiêu:** có nghĩa là không dứt bỏ được, không xa lìa được, không tiêu hóa được.
- **Tán loạn:** có nghĩa là tâm thường khởi niệm tưởng chuyện này đến chuyện khác không dứt, gọi là vọng tưởng lăng xăng.

"Đắm nhiễm khó tiêu tâm thường sanh tán loạn" nghĩa là, tâm dính mắc thành thói quen không bỏ được nên sinh ra nghĩ ngợi lung tung chuyện này đến chuyện khác, tùy miên trong mỗi niệm tâm khởi ham thích chạy theo vật chất thế gian như: Tiền tài, danh lợi, sắc đẹp, ăn, ngủ phi thời, khiến cho người tu sĩ ham mê chùa to Phật lớn trở thành những người phóng dật, chứ không còn là người tu sĩ giải thoát. Bởi, trước khi đắm nhiễm thì phải có phóng tâm, phóng tâm mà không kịp thời xả bỏ, đoạn diệt tâm niệm ấy, thì bắt đầu tâm phóng dật, tâm phóng dật mà không đoạn dứt thì tâm đắm nhiễm.

Đức Phật dạy: *"Đứng về phương diện nội phần, này các Tỳ Kheo, Ta không thấy một phần nào khác bất lợi như vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, như phóng dật. Phóng dật đưa đến bất lợi lớn"* (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 36).

Khởi sự bằng sự phóng tâm, nếu chúng ta thiếu sự phòng hộ và bảo vệ sáu căn thì không có người nào là không có sự phóng tâm, cho nên người mới bắt đầu tu hành là phải lấy giới luật phòng hộ sáu căn tức là phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình, nhất là pháp "Độc Cư" dùng để phòng hộ sáu căn không cho tiếp xúc sáu trần thì ít phóng tâm và dần dần sẽ không còn phóng tâm nữa, không còn phóng tâm nữa, thì đó là tâm đã ly dục ly ác pháp, nếu không phòng hộ sáu căn thì tâm thường phóng tâm, tâm thường phóng tâm mà không ngăn ngừa thì tâm phóng dật, tâm phóng dật mà không đoạn diệt thì tâm đắm nhiễm, tâm đã đắm nhiễm thì khó mà đoạn trừ, nếu

đoạn trừ không được thì tâm sanh ra tán loạn, tâm sanh ra tán loạn là tâm bất an, tâm bất an thì tham, sân, si, mạn, nghi, đầy đủ và thất kiết sử khó dứt được, giống như con cá đã mắc lưới, mắc câu thì chỉ còn chờ chết mà thôi.

Người tu hành mà còn đắm nhiễm, khó tiêu và tán loạn là người không thể nào sống độc cư được, họ thích nói chuyện, họ thích tranh luận, họ thích đi chơi, không bao giờ ở yên một chỗ.

Chúng ta không tu theo Đạo Phật thì thôi, mà đã tu theo Đạo Phật thì phải tu cho đúng pháp của Phật. Trước tiên, chúng ta phải lấy giới luật để phòng hộ giữ tâm mình, tức là chúng ta phải sống cho đúng Phạm hạnh, sống không đúng Phạm hạnh thì tâm hay khởi niệm tức là phóng tâm, nếu không có pháp ngăn giữ phóng tâm, mà lấy giới luật ngăn ngừa và phòng hộ tâm sẽ trở thành pháp môn ức chế tâm. Do đó, người tu sĩ chỉ biết có giới luật mà tu tập theo Đạo Phật, thì người tu sĩ ấy chấp giới, tức là lấy giới ức chế tâm và như vậy vô tình, người tu sĩ lấy giới ức chế tâm sẽ biến dạng giới luật, từ đó lý luận thêm thất trong giới luật, để tránh né phạm giới do đó, kinh sách hiện giờ lệch lạc ý giới luật và ý kinh của Phật. Kinh sách Đại Thừa và Nguyên Thủy có nhiều điểm rất sai khác nhau mà các Tổ đã làm lệch lạc, cũng như các nhà sư Nam Tông hiện giờ, họ soạn viết ra một tập sách lấy tên là “Vấn Đề Âm Thực Trong Phật Giáo”. Của Jan Sanjivaputta viết, dịch ra Việt ngữ do Tỳ Kheo Thiện Minh. Theo lý luận của họ giống như con còp lý luận ăn thịt người để nuốt cho trôi, còn lý luận theo các nhà Đại Thừa thì cũng giống như con bò lý luận để ăn cỏ cho đỡ ghen do đó, khiến cho người sau tu hành phá giới, bẻ vụn giới và còn tạo thêm tội lỗi lên lút phá giới và chính như vậy là người tu sĩ chỉ còn có hình tướng tu hành, ngoài khéo che, khéo dầy trong sự đắm

niêm của mình. Và đã bị đắm nhiễm như vậy thì xả bỏ rất khó như đã nói ở trên.

Một tu sĩ mà phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới là tu sĩ đã sống tà mạng, không còn là một tu sĩ chân chánh, những tu sĩ này là “những con sâu làm rầu nồi canh”.

Bởi, những tu sĩ này đã làm cho những tu sĩ chân chánh xấu hổ.

Hiện giờ, có nhiều người muốn theo Đạo Phật tìm tu giải thoát, nhưng nhìn vào giới tu sĩ phá giới, phạm giới đang đắm nhiễm vật chất thế gian, đang sống trong chùa to Phật lớn có đầy đủ tiện nghi như những người giàu sang thì họ chẳng dám bước chân vào cổng chùa. Nếu có người đã mạnh dạn bước vào chùa thì lại càng thấy rõ ràng hơn và cuối cùng, tâm dù muốn tu hành mà chẳng biết nơi đâu để mình tìm tu giải thoát.

Nhìn chung, các tôn giáo không riêng gì Phật Giáo, phần đông mọi tu sĩ đều đắm nhiễm.

Sự làm thiện của những tu sĩ này đối với những người khác, là sự cảm dỗ người khác để theo tôn giáo mình, hoặc gây ảnh hưởng chánh trị với các nhà lãnh đạo quốc gia, chứ không phải với tâm thiện thật lòng. Họ làm thiện để được sanh lên Cực Lạc, Thiên Đường, chứ không phải làm thiện vì thương người bất hạnh; họ làm thiện để dành hạnh phúc về sau cho họ; họ làm thiện để được sự khen tặng là nhà từ thiện.

Bởi, làm thiện như vậy là làm thiện đắm nhiễm. Có nhiều nhà từ thiện mà tai nạn xảy đến, họ bảo rằng chúng tôi làm thiện mà sao không được phước.

Làm thiện để cầu danh, cầu lợi; làm thiện để được tiếng khen; làm thiện để móc nối làm ăn bất lương; làm thiện

như vậy thì làm sao có phước được; làm thiện đó là làm thiện đấm nhើm.

Chúng ta là những tu sĩ Phật Giáo phải cố gắng tránh sự đấm nhើm. Một người nghiện thuốc lá, rượu, cà-phê, thuốc phiện v.v... là những người đấm nhើm.

Một tu sĩ Phật Giáo, mà cầm một điếu thuốc lá, uống một ly bia hay uống một tách cà-phê, chén trà đậm đặc là những tu sĩ đấm nhើm. Những người tu sĩ đấm nhើm này là những loài trùng bọ trong lòng sư tử, họ chỉ còn biết lý luận để che đậy sự đấm nhើm của mình bằng những danh từ rất tuyệt mỹ: “Trà Đạo, rượu nghĩa”.

Một người bài bạc, dĩ thỏa điểm đàng là những người đấm nhើm, những người này được xem là những người đòi truy xấu xa của xã hội.

Vì đấm nhើm những người này sanh ra trộm cắp, giết người, cướp của, làm cho cuộc sống của mọi người bất an, xã hội rối trật tự.

Người ta nói đến tình dục, tức là nói đến sự đấm nhើm của nhục dục.

Một người nam và một người nữ gần nhau sanh ra tình dục, tình dục là sự đấm nhើm rất khó bỏ cũng ví như thuốc lá, cà phê, rượu, thuốc phiện v.v...

Tình dục là một sự khổ tuyệt cùng theo sau đó, nhất là người phụ nữ phải chịu bao nhiêu nỗi cay đắng, đau khổ của tình dục, gần như suốt đời của họ. Tục ngữ có câu: “Đàn ông đi biển có đôi, đàn bà đi biển mồ côi một mình”.

Đúng vậy, sau khi tình dục, bao nhiêu sự khổ đau đều đổ lên đầu của người đàn bà. Người ta bảo rằng không có sự đau khổ nào bằng sự đau bụng đẻ, thế mà người ta đấm nhើm tình dục, người ta không thể bỏ được, dù biết sự

khổ như cắt da cắt thịt, gần như chết đi sống lại nhưng người ta vẫn không bỏ được tình dục, đó là sự đau khổ về thể xác, chứ không phải hạnh phúc gì cả.

Khi sanh con ra họ còn tiếp tục chịu nhiều lao khổ; phải nuôi con cho lớn khôn; phải chịu hôi, chịu thối sự bài tiết của con; phải chịu cực nhọc khi con đau ốm; phải chịu nhọc nhằn nuôi con cho nên người, và còn biết bao nhiêu sự khổ khác nữa, cho đến khi họ đi vào lòng đất.

Tình dục là khổ như vậy, nhưng khi đã đắm nhiễm nó thì hầu hết không có ai bỏ được. Nam nữ gặp nhau là ham thích liền. Biết tình dục là khổ mà vẫn chịu đi vào chỗ khổ đó, thật là điên đảo, ngu si.

Bởi vậy, người ta ca ngợi con người là một động vật thông minh, nhưng sự thật con người không thông minh mà con người là một động vật điên đảo, vô minh tự tạo ra cho mình biết bao nhiêu sự đau khổ để rồi phải gánh chịu sự khổ đau ấy từ kiếp này đến kiếp khác cũng chỉ vì sự đắm nhiễm. Cho nên, lời Phật dạy: “Đắm nhiễm, khó tiêu, tán loạn” là vậy.

Bởi thế, người tu sĩ cũng như mọi người ở đời cần phải cảnh giác, đừng để thân tâm đắm nhiễm dù bất cứ một vật chất gì, nhỏ mọn đến đâu trong thế gian này, thì chúng ta nên xem nó là một đối tượng khổ, do cảnh giác như vậy thì thân tâm mới được an lạc và hạnh phúc.

TÂM BẤT AN

Hỏi: Kính thưa Thầy, khi làm xong việc, con vào cốc tu tập, tâm con cũng chưa được an ?

Đáp: Khi vào cốc tu tập tâm chưa được an, tức là xả tâm chưa được sạch. Nếu tâm xả chưa được sạch thì không

nên tu Định Niệm Hơi Thở, mà phải tu Định Vô Lậu, quán triệt cho thông suốt lý chân thật của các pháp.

Ở đây, con làm xong việc, rồi mới vào thất tu, như vậy làm việc và tu là hai việc khác nhau, do hiểu như vậy và tu như vậy nên tâm con bất an là phải.

Thầy thường dạy: “*Tu là sống, sống là tu*” nghĩa là tu tập trong mỗi hành động, việc làm chứ không phải đợi vào cốc ngòi tu, thế mới là tu. Con không nhớ lời Đức Phật dạy sao? Phải tu ngay trong thân hành niệm con ạ! Lúc nào thân có động dụng thì phải tu ngay trong hành động ấy, đó là tu tỉnh thức chánh niệm.

Ở đời, người ta thường hiểu tu là vào chùa cạo đầu, mặc áo tu sĩ là tu, hiểu như vậy là sai hoặc người ta thấy ai gõ mõ tụng kinh, niệm chú, lạy chuỗi niệm Phật, ngòi Thiên họ cho đó là tu thì còn sai hơn nữa; đó là những hình thức của tôn giáo, chứ đâu phải tu hành là vậy.

Tu ở đây theo Đạo Phật, có nghĩa là sửa đổi những thói hư tật xấu; sửa đổi những hành động ác, không làm ác nữa tức là không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người tức là tu, nhưng không muốn làm khổ mình khổ người thì phải tu tập tỉnh thức trong mỗi hành động việc làm mà Đức Phật gọi là “thân hành niệm”.

Tâm bất an, tức là tâm vẫn còn trong chướng ngại pháp, tâm chưa xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp; tâm chưa xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp mà vào thất ngòi tu, đó là cách thức ức chế tâm, nén tâm. Tu như vậy làm sao có giải thoát được con phải tu trở lại cho đúng pháp.

Muốn tu cho tâm được an, thì phải theo lời Đức Phật đã dạy: “*Tỉnh thức trong thân hành niệm ngoại*”, tức là đi, đứng, nằm, ngồi, làm tất cả mọi việc đều phải tỉnh thức trong mọi hành động, việc làm của mình. Tỉnh thức trong

hành động ngoại để làm gì? Để khắc phục tham ưu tức là lia các chướng ngại pháp trong tâm. Lia chướng ngại pháp trong tâm thì tâm được an ổn. Muốn được như vậy, thì tâm luôn luôn phải tỉnh thức trên thân hành, và luôn luôn phải tác ý ly tham, đoạn ác pháp.

Cho nên, tu trong thân hành niệm tức là lấy hành động của thân để tỉnh thức mà xả các niệm ác, xả các chướng ngại pháp để tâm không còn bất an.

Tâm con bất an thì Tổ Sư Thiên Đông Độ sẽ bảo: “*Lấy tâm ra đây ta an cho*” thì tâm con sẽ an liền, như Huệ Khả đã được Bồ Đề Đạt Ma an tâm cho, đó là một lối nói để người nghe dùng tưởng mà nhận ra tâm đã an, nhưng kỳ thật, không bao giờ có tâm an. Bởi vì, tâm đã huân thành nghiệp bất an lâu đời, nên hớ ra một pháp nào va chạm vào tâm là tâm chướng ngại bất an liền, cho nên cần phải siêng năng tu tập xả tâm, chứ không phải nhìn lại chỗ bất an mà tâm an.

Ví dụ: khi chúng ta bị nhức đầu, tâm chúng ta bất an, bấy giờ chúng ta tìm chỗ tâm bất an, thì tâm chúng ta có hết bất an không? Khi mà đầu chúng ta còn đau nhức.

Bởi, người ta hiểu tâm và nghiệp là hai, nhưng kỳ thực tâm là nghiệp một, nghiệp là tâm, tâm là nghiệp. Các nhà học giả hiểu tâm và nghiệp là hai nên bảo rằng: “*Nghiệp dẫn tâm đi tái sanh luân hồi*”. Không có dẫn tâm đi luân hồi, mà nghiệp luân hồi, tức là nghiệp tạo duyên. Nghiệp tạo duyên vô minh.

Ví dụ: Như một người nam và một người nữ do đắm nhiễm tình dục, nên tạo thành nghiệp ái dục, nghiệp ái dục tức là sự ưa thích tình dục cho nên họ hành động gần gũi nhau để rồi tạo ra thức .

Họ không biết tình dục sau đó, là một sự khổ đau, sự khổ đau tức là ác pháp. Họ không biết ác pháp khổ đau nên họ lấy nhau, đó là vô minh của nghiệp ái dục tạo nên duyên hành “lấy nhau”. Do hành động lấy nhau, tạo duyên thức, thức này là thức nghiệp ái dục. Nên loài động vật sinh ra, không ai dạy dâm dục cho nó, nhưng con vật nào cũng dâm dục, con người cũng vậy. Dâm dục tức là nghiệp. Cho nên, người tu hành mà không đoạn dâm dục thì chẳng bao giờ có giải thoát.

Vì thế, tâm là nghiệp, nghiệp là tâm, nó không phải là hai. Nên Đức Phật dạy: “liã nghiệp ác, đoạn diệt nghiệp ác vì nghiệp ác tạo ra muôn thứ khổ đau, còn nghiệp thiện, không làm khổ mình khổ người thì nên giữ và tăng trưởng nó”.

Ví dụ: Chúng ta tu pháp Như Lý Tác Ý như câu: “Tâm như cục đất” tức là tạo nghiệp thiện, mà nghiệp thiện đã có thì nghiệp ác không có. Nghiệp ác không có thì không có sự khổ đau tức là giải thoát (Niết Bàn) .

Con người khổ vì nghiệp ác, nghiệp ác là những hành động ác đã lập đi lập lại nhiều lần và đã đắm nhiễm hay nói cách khác là đã thành thói quen khó bỏ, các nhà Đại Thừa gọi là “tập khí”.

Khi tu tập tâm bất an, là tu sai không đúng pháp. Pháp của Đức Phật dạy, là pháp ngăn ác diệt ác pháp, cho nên tâm lúc nào cũng được an ổn, vì tâm không an ổn là tại không biết sử dụng pháp đúng cách.

Do chỗ đẩy lùi các ác pháp trong tâm nên Đức Phật dạy: “Pháp Ta tu là có kết quả ngay liền không có thời gian, có khả năng hưởng thượng”. Kết quả ngay liền là tâm không còn bất an.

Tâm con bất an là con không xả tâm, muốn xả tâm thì tu tập phải có đối tượng. Nhờ có đối tượng mà biết tâm xả hay chưa xả.

Người tu hành theo Đạo Phật, mà tránh né đối tượng, thì tu chẳng bao giờ có giải thoát. Cho nên, muốn tu tập giải thoát thì ngay nơi ác pháp ngăn và diệt, ngăn và diệt là dùng pháp như lý tác ý, nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Giải thoát của Đạo Phật không phải chỗ có thần thông phép tắc, chỗ thấy Tánh, chỗ ngồi Thiền năm, bảy ngày, một đôi tháng mà chỗ đẩy lui chướng ngại pháp trong thân và tâm.

Hằng ngày, từng phút, từng giây siêng năng chuyên cần đẩy lui các chướng ngại pháp thì làm sao tâm con bất an được. Tâm không còn bất an tức là giải thoát của Đạo Phật hay gọi là tâm bất động.

THIỆU NGHỊ LỰC NHIỆT TÂM VÀ ÁM THỊ

Hỏi: *Kính thưa Thầy, tại sao con buông xả quá chậm, nay được mai mất, con chưa làm chủ được gì? Con không biết tìm biện pháp nào mạnh hơn? Dùng Định Vô Lậu, tu pháp Hướng Tâm sao chưa được thấy kết quả hay con đã quán xét, tư duy chưa thấu triệt, tu tập pháp hướng chưa đúng mức?*

Đáp: Đúng vậy, tất cả sự tu tập của con chưa chuyên nhất. Dùng pháp Hướng Tâm còn yếu, chưa nhạy bén.

- 1- Định Vô Lậu quán triệt chưa thông suốt lý các pháp, lý nhân quả.
- 2- Mức tỉnh thức chưa đủ sức.

- 3- Chánh niệm còn kém (thiện pháp).
- 4- Nghị lực và nhiệt tâm còn yếu kém chưa vững mạnh.
- 5- Chưa quán triệt thấu suốt kiếp sống của con người : “khổ như thật – thật khổ”.
- 6- Không có sự quyết định dứt khoát mạnh mẽ.
- 7- Không có sự tích cực trong sự dứt khoát xả bỏ thói quen.

Nói xả bỏ hay nói ly dục ly ác pháp là nói chứ chưa phải xả, đến khi xả là chúng ta mới thấy khó vô cùng.

Buông xả là một danh từ suông, thật sự xả bỏ một điều gì không đơn giản như chúng ta nói, nếu một người không quyết tử thì khó mà xả bỏ được.

Ví dụ, như ăn ngày một bữa để xả bỏ hai bữa ăn kia, nếu một người không quyết tử thì cũng khó mà ăn một bữa được, đó là cái ăn nó dễ dàng như vậy mà nó còn khó xả huông là xả dục và các ác pháp.

Ví dụ, như một người ăn thịt cá quen, bây giờ bắt đầu ăn chay, nếu không quyết tử thì việc ăn chay cũng không dễ dàng.

Ví dụ, như một người nghiện thuốc lá nếu anh ta không quyết tử thì cũng không bao giờ bỏ được thuốc lá. Đó là, những sự buông xả tầm thường mà còn phải quyết tử huông là con quyết bỏ tâm tham, sân, si thì đâu phải là một việc dễ làm. Mỗi lần vấp ngã là mỗi lần đứng lên, dũng mãnh hơn, liều chết, cắn chặt răng, đưa lưỡi lên nóc họng quyết tử với tâm tham, sân, si của mình thì mới mong chiến thắng nó được. Đức Phật dạy: *“Thắng trăm trận không bằng thắng mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt”.* Có nghĩa lời xác định này, xả tâm rất khó, khó vô cùng, khó chứ không phải dễ, nếu không xem mình là một tử thi, thì không thể nào xả bỏ được tham, sân, si.

Nhất là tâm si, trạng thái tâm si là hôn trầm, thùy miên, hôn tịch, vô ký, ngoan không, khi các hiện tượng này xảy ra nếu không có một nghị lực kiên cường một ý chí dũng mãnh thì không bao giờ thắng chúng được. Hầu hết, các tu sĩ về đây tu tập, đều đầu hàng giấc si này mọi người đều cuốn cờ rút chạy dài, đầu hàng vô điều kiện.

Người ta đọc câu Kinh Pháp Cú ai cũng thấy kinh này quá hay, nhưng cái hay của nó ở danh từ chứ việc làm của nó thì gần hết như con người trên hành tinh này, mấy ai là người đã làm được.

Con hãy quán xét thử khắp trong thế gian này, người ta có thể tu tập có thần thông, có sự linh thiêng huyền diệu, màu nhiệm, có sự đình chỉ hơi thở thật sự, nhưng ít ai hoặc không có người đình chỉ tâm tham, sân, si.

Đình chỉ lòng tham, sân, si tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là một đạo đức tuyệt vời của con người. Đạo đức không làm khổ mình khổ người, khổ cả hai.

Thế mà, một việc làm có lợi ích lớn như vậy, tại sao người ta không làm được?.

Người ta nói tu, nhưng người ta không hiểu tu là làm gì?

Phần đông người ta hiểu tu là tụng kinh, trì chú, ngồi Thiền, niệm Phật hoặc làm những việc lành từ thiện, bố thí cúng dường hoặc luyện bùa, niệm chú hoặc tập luyện Yoga hơi thở bằng cách này hoặc bằng cách khác để có thần thông, những việc làm như vậy họ gọi là tu.

Đối với Đạo Phật sự tu không phải như vậy, mà là một cuộc sống, một hành động sống không làm khổ mình khổ người.

Chúng ta sống như thế nào mà không làm khổ mình, khổ người, thì đó là một sự tu của Đạo Phật. Sự tu ấy trong

Đạo Phật gọi là tịnh chỉ lòng tham, sân, si; còn gọi là xả bỏ ly tham đoạn diệt ác pháp.

Muốn đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp đang làm cho đời sống của chúng ta đau khổ, nay chuyện này mai xảy ra chuyện khác thì phải có đầy đủ nghị lực và nhiệt tâm.

Nếu chúng ta biết đời là khổ mà không quyết tâm buông bỏ những sự đau khổ đó. Cũng như người ăn trộm cắp, biết trộm cắp là sẽ bị tù tội và sẽ bị người ta bắt được đánh đập mình và có khi còn giết mình, thế mà người ăn trộm cắp không bỏ được, không ly được thì quý vị nghĩ sao?.

Biết ác pháp và lòng ham muốn là khổ, mà không chịu bỏ thì có ai bỏ dùm mình được không?.

Ví dụ: Biết nói chuyện là tâm không ly dục ly ác pháp, tâm không bao giờ hết phóng dật, thế mà không bỏ được sự nói chuyện thì có ly dục ly ác pháp được không? Nếu không ly dục ly ác pháp thì làm sao hết tham, sân, si. Vậy mà, ngay bây giờ không chịu bỏ nói chuyện, thì tu làm gì, cho mất công và cũng chẳng có ích lợi gì.

Cho nên, tu là buông xả chứ không phải ngồi Thiền, niệm Phật, tụng kinh mà buông xả được. Chúng ta thử xem lại thời gian đã qua, các bậc Thầy Tổ của chúng ta từ xưa đến giờ, họ đã từng tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi Thiền, mà có người nào xả bỏ tham, sân, si được chưa? Ngoài hình thức bệ vệ trong chiếc áo cà sa, Thầy Tổ của chúng ta vẫn còn tham danh đắm lợi. Không tham danh đắm lợi sao họ lại xây cất chùa to Phật lớn như vậy? Không tham danh đắm lợi sao họ lại ăn uống phi thời, sống một đời vật chất quá đầy đủ như một nhà giàu có.

Phật dạy: “Ba y, một bát, sống không nhà cửa, không gia đình”. Thế mà, Thầy Tổ có sống được như vậy không?

Thưa các bậc tôn túc Tăng và Ni cũng như quý vị cư sĩ hãy thành thật với mình, với những tín đồ Phật Giáo, có phải chúng ta đã ly tham ly ác pháp? Có phải chúng ta sống đúng Phạm hạnh của những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni hay cuộc sống của chúng ta không khác gì với những người phàm phu, cũng danh, cũng lợi, cũng tham, cũng sân, cũng si mê dính mắc: Sắc, tài, danh, lợi, thực, thù?.

Có nghị lực, có nhiệt tâm xả bỏ, có chấp nhận một cuộc sống buông xả giải thoát; có chấp nhận Phạm hạnh giới đức của Phật Giáo; có biết rõ đời sống thiếu dục tri túc là đời sống đạo của Đạo Phật là đời sống giải thoát không?.

Hỡi các vị tôn túc! Xin quý vị hãy nhìn lại đời sống của mình có xứng đáng là người tu sĩ Đạo Phật hay không; có đầy đủ nghị lực; có nhiệt tâm xả bỏ ly tham ly ác pháp chưa?.

Phải thành thật với mình với tín đồ Phật Giáo, để làm sáng tỏ lại Phật Giáo. Đừng vì danh, vì lợi, vì cuộc sống thế tục mà dựa theo kinh sách Đại Thừa bùng bít những lỗi lầm đáng sợ, tai hại cho mình và cho Phật Giáo.

Trước khi làm những gì, chúng ta hãy suy nghĩ đến hậu quả của nó.

Hậu quả của những người tu, chúng ta trực tiếp đã thấy quá rõ ràng. Thầy Tổ của chúng ta trước khi chết phải thọ lấy sự đau khổ vô cùng, chỉ vì sống không đúng Phạm hạnh của Đạo Phật nên phải gánh chịu sự đau khổ vô vàn. Đó là vì, chúng ta không nhìn thấy sự tu hành giả dối của chúng ta, nhân giả dối lừa đảo thì quả phải khổ đau.

Thưa quý vị, quý vị nói chứ quý vị có xả đâu, quý vị đừng ôm thêm, ôm thêm để mà khổ quý vị ạ !

Hãy buông xả! Buông xả với một nhiệt tâm nồng cháy; với một nghị lực kiên cường; với một sự hiểu thông suốt: “Dục và ác pháp là khổ”, thì quý vị mới xả bỏ được, mới tìm thấy sự giải thoát chân thật của Đạo Phật.

*“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!
Chớ giữ làm chi có ích gì
Thở ra chẳng lại còn chi nữa
Vạn pháp vô thường buông xuống đi”*

*“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!
Tâm hồn thanh thản chẳng sầu bi
Cuộc đời ngắn ngủi trong chớp mắt
Còn có vui gì chẳng bỏ đi ?”*

*“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!
Trò đời như mộng có còn chi
Tứ đại trả về cho tứ đại
Thanh nhàn an lạc lúc phân ly”.*

Muốn cho có một nội lực sung mãn, để khắc phục tâm tham ưu của mình; để có kết quả tâm bất động trước các pháp; để ly được dục ly được ác pháp; để tâm không phóng dật và cuối cùng tâm định trên thân, thì thường xuyên con nên dùng pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý, ám thị tâm con khi con muốn tâm con phải làm một điều gì như con muốn.

Ví dụ, như con muốn tâm con không còn giận hờn, thương ghét, hay không cho nó nói chuyện, để sống trầm lặng một mình, thì con nên trạch pháp một câu: “Tâm như cục đất, không nên nói chuyện với ai cả để sống đúng chánh hạnh, để được an vui, thanh thản và vô sự”.

Câu hướng tâm này, con phải sống với nó như bóng với hình, lúc nào, giờ nào con cũng phải nhớ ám thị, đừng nên quên thì sẽ có hiệu quả xả tâm rất tốt. Nhớ kỹ, ám thị cho đến chừng nào có hiệu quả mới thôi.

TU NHƯ THỂ NÀO ĐỂ TÂM KHÔNG PHI PHẠM HẠNH ?

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con xin sám hối về cái tội ăn thêm, đã ăn rồi mà còn ăn thêm nữa. Như vậy con phải tu Định Vô Lậu đặt niệm trước mặt quán xét tư duy như thế nào? Dùng pháp hướng như thế nào? Để quét sạch tội phi Phạm hạnh này?*

Đáp: Muốn sống đúng Phạm hạnh, không ăn uống phi thời, con nên đặt niệm thực phẩm rồi quán xét sự bất tịnh của thực phẩm.

Quán xét thực phẩm bất tịnh trong lúc đi cầu.

Dùng pháp hướng tâm: “Thực phẩm là một thứ thuốc trị bệnh đói của cơ thể, ta không nên ưa thích”. “Thực phẩm là những thứ bất tịnh ứ trước, để lâu mùi hôi khó chịu ta nên chừa bỏ tánh ưa thích ham ăn.”

Xét ra, từ cái ăn mà người ta nhận thấy và đánh giá trị được con Người, Thánh Nhân hay loài thú vật.

Một con thú vật, lúc nào gặp món ăn là nó ăn ngay, không phân biệt giờ ăn, giờ nghỉ là tại vì, con thú vật không trí tuệ, chỉ biết sống ăn và tranh đấu cho miếng ăn.

Con người thì có trí tuệ, có đạo lý hơn ăn uống biết chia ra giờ giấc, không ăn uống phi thời, ngược lại con người mà ăn uống lặt vặt phi thời không giờ, không bữa là con người đó còn mang bản chất của loài cầm thú thích ăn,

chúng ta là con người phải có trí tuệ, nhất định ăn uống phải có giờ giấc.

Còn bậc Thánh Nhân thì khác, biết rằng ăn uống là sự sống của các loài động vật, nhưng bậc Thánh Nhân không xem ăn uống là một thứ dục lạc, gây sự ưa thích ham mê như người thế gian và loài thú vật, mà khi sống thì phải ăn để sống, cho nên ăn để sống, chứ không phải sống để ăn. Người thế gian và loài thú vật sống để ăn chứ không phải ăn để sống. Vì thế, trong sự ăn uống của họ, chỉ cần ngon và bổ dưỡng nên họ sát hại sanh linh để họ ăn thịt chúng sinh như loài cạp beo, ăn bằng thích, ăn bằng ưa, đó là sống để ăn, nhưng họ không biết đó là họ đã đem sự đau khổ vào thân tâm của họ.

Bậc Thánh Nhân đã hiểu điều này, nên họ ăn để sống, vì thế họ không ăn thịt chúng sanh và ăn ngày một bữa, không ăn uống phi thời, là vì những bậc Thánh muốn thoát ra khỏi bản chất của loài cầm thú sống để ăn uống; để nô lệ cho sự ăn uống.

Người ta không muốn mình làm con người, mà muốn sống như loài cầm thú, chỉ biết có ăn, ăn để ngon, để mập, để béo, ăn uống của họ không còn có đạo lý làm người gì cả.

Người ta sống để ăn, cho nên con người trở thành một con thú vật, đó là cách sống để ăn, nên người ta mới giày đạp lên sự sống của nhau, giết nhau. Bằng chứng, về chủ nghĩa cá nhân thì họ cướp giựt, giết người không gớm tay; về tập thể thì nước này đánh chiếm nước kia, lịch sử loài người đã chứng minh điều này, đến ngày nay, không lúc nào thế giới chấm dứt chiến tranh, không nước này đánh nhau thì nước kia đánh nhau, giết nhau bằng những vũ khí tối tân và hiện đại.

Đó là, bản chất của loài cầm thú còn tồn động trong loài người. Họ chỉ là một con thú vật sống chỉ biết tranh giành để ăn, chứ không phải sống có đạo lý làm người, làm Thánh.

Bởi, con người là phải khác với con thú vật, vì con người phải sống có đạo lý, có đức hạnh, phải sống không vì ăn uống, không vì vật chất của cải tài sản. Sống, phải biết thương mình thương người, thương mọi sự sống trên hành tinh này, tức là sống không làm khổ mình, khổ người, khổ mọi loài, đó mới chính là con người, còn làm khổ cho nhau là những loài thú vật chỉ biết có ăn là trên hết, chứ không biết đạo lý.

Chúng ta muốn làm Người, muốn làm Thánh chứ không ai muốn làm loài thú vật. Phải không các bạn? Muốn vậy, thì chúng ta ăn để sống, ăn không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh thì phải ăn có giờ, có bữa, không được ăn uống lật vật phi thời và không được ăn thịt chúng sanh. Bởi muốn làm Thánh thì ăn ngày một bữa, như Đức Phật ngày xưa và chúng Thánh Tăng.

Cho nên, sự ăn uống trong Đạo Phật là sự ăn uống trong thiện pháp để không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh. Vì thế Đức Phật đã dạy: “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”. Do thế, coi chừng trong ăn uống sẽ rơi vào ác pháp, ăn uống theo phạm phu thì sự ăn uống ấy không đúng Thánh Hạnh. Ăn uống lật vật, ăn uống phi thời, cơ thể dễ sanh ra nhiều bệnh tật, đó là ác pháp là khổ đau cho mình, khi mình đau khổ, còn làm khổ cho người khác nữa.

Vì thế, ăn uống rất quan trọng cho đời sống của con người. Càng ăn uống đơn giản thì đời sống càng thanh thoi, an lạc cơ thể nhẹ nhàng ít bệnh tật, ít tai nạn.

Trong cuộc đời làm người, chúng ta cũng nhận thấy những pháp môn của Đức Phật dạy đạo đức về ăn uống rất thực tế và cụ thể để con người sống trong đạo đức về ăn uống:

- Thứ nhất, là không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh.
- Thứ hai, là sống đúng đạo đức làm Người, làm Thánh không còn phạm ăn uống như loài thú vật.
- Thứ ba, là ăn uống đúng Phạm hạnh, không ăn uống phi thời, không ăn uống lật vật.
- Thứ tư, là ăn uống trong sự biết tôn kính và quý trọng của mồ hôi nước mắt làm ra bằng sức lao động của mình, của người khác.
- Thứ năm, là ăn uống để sách tấn trên đường tu tập, để được giải thoát sanh tử luân hồi, để được chấm dứt mọi sự khổ đau, chứ không phải ăn uống vì tham ăn, thích ăn v.v...
- Thứ sáu, là ăn uống phải thực hiện lòng từ bi, thương xót tất cả loài chúng sanh và thương xót người làm ra thực phẩm cực nhọc.

Khi chúng ta tu hành theo Đạo Phật, mà còn thích ăn uống phi thời, thì đó là, chúng ta chạy theo tâm dục lạc thế gian, còn tâm dục lạc thế gian đó là huân ác pháp vào thân, vì thế chúng ta phải hiểu cho thấu suốt lý của đạo đức làm người, làm Thánh là không nên vì ăn mà làm khổ mình, khổ người. Luôn luôn nhớ đến bốn trọng ân, thì bấy giờ chúng ta sẽ nhiệt tâm dứt khoát, dù có chết như đinh không còn phạm phải lỗi ăn uống phi thời, chừng đó chúng ta mới thấy có sự an vui của người sống đúng Phạm hạnh.

Các con phải cố gắng đừng để vi phạm những lỗi lầm này, những lỗi lầm này sẽ đưa con trở về đời sống loài thú vật.

Các con nên nhớ kỹ đừng quên lời Thầy dạy con nhé! Dù cho thân con có tan nát, nhưng đừng phạm phải lỗi ăn uống phi thời. Đó là con đường tiến đạo.

TRÍ TUỆ

Hỏi: Kính thưa Thầy, khi tu Định Vô Lậu tri kiến giải thoát phóng ra đó có phải là trí tuệ không?

Đáp: Tu tập Định Vô Lậu giúp cho sự hiểu biết thông suốt bản chất thực của các pháp thế gian và xuất thế gian, để không hiểu sai lệch, không đúng lý, không bị lầm chấp. Do sự hiểu biết các pháp không lệch lạc thấy đúng, biết đúng như thật, để tâm không bị lầm chấp dính mắc nên gọi là trí tuệ tri kiến giải thoát. Hiểu biết đúng các pháp như thật, tâm không dính mắc, lầm chấp nên không còn phiền não đau khổ, giận hờn, bất toại nguyện gọi là giải thoát.

Người chưa tu Định Vô Lậu là chưa có trí tuệ giải thoát, trí tuệ giải thoát gọi đúng nghĩa của nó là tri kiến giải thoát.

Vô lậu là không còn đau khổ, trí tuệ hiểu biết không còn đau khổ là trí tuệ vô lậu, trí tuệ vô lậu mới bắt đầu tu tập là tri kiến giải thoát, gọi trí tuệ ở đây không đúng nghĩa lắm. Vì theo Đạo Phật xác định Giới sanh Định; Định sanh Tuệ nhưng chúng ta mới tu tập giới chưa thanh tịnh thì làm sao có định mà định chưa có thì làm sao có tuệ mà gọi là tuệ được. Phải không con?.

Người tu hành muốn có được tri kiến giải thoát này, thì không phải tự trên trời rơi xuống mà chính mình phải biết ngăn ác diệt ác pháp, phải biết lia lòng ham muốn.

Biết ngăn ác diệt ác pháp chia ra làm tám phần:

- Phòng ngừa các ác pháp bên ngoài tức là tránh duyên cảnh bên ngoài (độc cư).
- Phòng hộ sáu căn tức là giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.(độc cư)
- Ngăn ngừa không cho việc ác sanh khởi trong tâm như thường tu các định thực hiện về thân hành niệm.
- Dùng pháp Hương Tâm - Như Lý Tác Ý để tạo thành nội lực tĩnh thức, buông xả.
- Diệt các pháp ác đã sanh bằng Định Vô Lậu.
- Diệt các pháp ác bằng quán xét nhân quả.
- Diệt các ác pháp bằng tâm từ, bi, hỷ, xả.
- Diệt các ác pháp bằng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng hoặc trầm lặng, từ khước.

Trong tám pháp tu tập này, thì bốn pháp ngăn ngừa là trên hết. Người ta bảo: “Ngừa bịnh hơn trị bịnh”.

Cho nên, tri kiến giải thoát là tri kiến phòng hộ, tri kiến phòng hộ là đệ nhất, tri kiến phòng hộ tức là giới luật. Phật dạy: *“Tri kiến ở đâu là giới luật ở đó. Giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”* Đoạn kinh này, tức là Đức Phật nói pháp ngăn ác, nói pháp ngăn ác tức là nói pháp độc cư, pháp độc cư là bí quyết thành công thiền định của Đạo Phật vì nó là pháp ngăn ác tuyệt vời.

Tóm lại, muốn có tri kiến giải thoát thì phải tu tập “Bát Chánh Đạo”: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Đó là con đường dẫn đến tri kiến và trí tuệ giải thoát.

PHIỀN NÃO TỨC BỒ ĐỀ

Hỏi: Kính Thưa Thầy, người tu có đối tượng và người tu không đối tượng, vậy người nào tu mau kết quả hơn?

Đáp: Người tu có đối tượng kết quả xả tâm nhanh hơn, còn người tu không có đối tượng kết quả chậm hơn, nhưng phải biết nhiều khi có đối tượng tức là có chướng ngại pháp trong tâm mà không xả, chỉ có kham nhẫn chịu đựng, cho nên trong lòng rất buồn phiền và đau khổ, đó là tu có đối tượng lại ức chế tâm thành ra tạo khổ thêm cho mình chứ không có giải thoát. Tu có đối tượng dễ nhận xét được tâm mình xả hay là ức chế rất rõ ràng, còn tu không có đối tượng, nên không biết mình có xả được chướng ngại pháp trong tâm không, lúc nào cũng thấy tâm hồn mình yên tịnh nhưng sự yên tịnh đó là sự yên tịnh không có đối tượng.

Trong Đạo Phật lấy hạnh đi xin từng miếng, từng nhà để sống tức là tạo đối tượng diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, nhờ đi xin ăn nên va chạm với mọi giới trong xã hội, do đó mới rõ thấu được tâm mình có xả hay không xả, bất động hay bị động, vì thế sự tu tập có đối tượng để tu tập hơn là không có đối tượng. Hạnh đi xin ăn là một pháp môn tu xả tâm có đối tượng rất tốt; hạnh đi xin ăn được mọi người cung kính khen tặng cũng nhiều, nhưng chê bai khinh bỉ cũng không ít.

Cho nên tu sĩ Đạo Phật không thể sống một mình mà sống chung trong tập thể, sống chung trong tập thể nhưng lại sống một mình vì phòng hộ sáu căn nên ít tiếp duyên với mọi người để không tạo chướng ngại pháp trong tâm của người khác còn những người khác thường hay tạo chướng ngại pháp trong tâm của mình thì mình phải quán xét tu

duy quét sạch những chướng ngại pháp đó ra khỏi tâm mình, hằng ngày nên nhớ tu Tứ Niệm Xứ để khắc phục tham ưu, đó là tu trên bốn chỗ:

- 1/ Nơi thân.
- 2/ Nơi thọ.
- 3/ Nơi tâm.
- 4/ Nơi các pháp.

Hiện giờ các con tu tập quán xét về nơi các pháp nhiều nhất, pháp thiện và pháp ác, pháp ác luôn luôn dồn dập tới tấp nếu các con không đủ sức kham nhẫn, không đủ nghị lực chịu đựng, không đủ trí kiến giải thoát và không đủ trí tuệ nhân quả, thì các con phải bỏ cuộc tu hành như các bạn của các con, trong bốn nơi tu tập này các con chỉ cần tu xả được một nơi là các con đã xả được tâm tham, sân, si của mình chứ không phải các con tu hết bốn chỗ, hoàn cảnh của các con là tu nơi các pháp. Đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm của các con là các con đã chiến thắng các ác pháp bên ngoài. Khi các con chiến thắng các ác pháp bên ngoài là tâm các con bất động, đó là một loại thiên định mà Đức Phật gọi là Bất Động Tâm Định nó còn có một cái tên nữa là Vô Tướng Tâm Định.

Muốn chiến thắng nơi các pháp thuộc về Tứ Niệm Xứ như ở trên Thầy đã dạy:

- 1/ Phải đầy đủ sức kham nhẫn.
- 2/ Phải có nghị lực dũng mãnh.
- 3/ Phải đầy đủ trí kiến giải thoát.
- 4/ Phải có trí tuệ nhân quả.

Khi các pháp ác dồn dập tới tấp như bão tố, sóng thần nếu chúng ta không đủ sức kham nhẫn thì chúng ta sẽ bị bão tố và sóng thần cuốn trôi đi. Muốn có đủ sức kham nhẫn để không bị bão tố và sóng thần thổi cuốn trôi, thì hằng

ngày chúng ta nên tu tập pháp hướng tâm: *“Tâm bất động như núi đá, khen không mừng, chê không buồn, chửi mắng, mạ nhục không giận phải trơ trơ như tường đồng vách sắt”*, với những câu hướng tâm này các con cần phải thuộc lòng và phải luyện tập cho có lực, khi gặp các pháp ác đến tới tấp thì các con mới đủ sức kham nhẫn vượt qua và cuối cùng các con mới xả được.

Nếu là tu pháp xả tâm mà tu không đúng cách thức xả tâm khi ở một mình thì lại bị ức chế tâm mà không biết, trường hợp như quý Thầy và quý Cô và quý cư sĩ thích sống độc cư mà độc cư không trọn vẹn, độc cư không đúng cách, khi độc cư không trọn vẹn, không đúng cách trở thành ích kỉ, lười biếng ăn không ngồi rồi, tưởng là mình tu tập xả tâm, nhưng không ngờ lại ức chế tâm.

Các con nên lưu ý điều này trên bước đường tu tập, khi tâm còn phóng dật mà vội khép mình độc cư một trăm phần trăm thì đó là ức chế tâm. Cho nên có nhiều người nhập thất chuyên ngồi thiền, hoặc niệm Phật, niệm chú, tưởng thực hành như vậy là sẽ nhập định và khi có thiền định thì sẽ có trí tuệ, nhưng không ngờ sống một mình tu như vậy là ức chế tâm, ức chế tâm là rơi vào tướng tuệ, do tướng tuệ phát sanh nên bản ngã càng lớn, bản ngã càng lớn thì tâm tham, sân, si càng nhiều, như vậy là tu sai pháp của Đức Phật lọt vào tà pháp của ngoại đạo.

Khi tâm hết phóng dật là tâm đã ly dục ly ác pháp, tâm đã ly dục ly ác pháp nên lúc nào tâm cũng dính vào thân, nếu thân bất động thì nó dính vào sự bất động của thân, nếu thân còn động thì nó sẽ dính vào sự động của thân, do đó khi nó dính vào thân, thân đi thì nó biết thân đi, thân làm thì nó biết thân làm, thân ngồi thì nó biết thân ngồi, thân thở thì nó biết thân thở, nó biết hơi thở ra và hơi thở vô, thân nằm thì nó cũng biết thân nằm.

Chỗ này các con nên lưu ý phân biệt cho rõ ràng, khi tâm không phóng dật thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì tâm định trên ba nơi:

- 1/ Nếu thân đi hay làm việc gì thì tâm định nơi hành động đi hoặc nơi hành động việc làm.**
- 2/ Nếu thân ngồi hay nằm thì tâm định nơi hơi thở vô, hơi thở ra.**
- 3/ Nếu thân không hoạt động, không thở vô thở ra thì tâm định trên thân bất động của nó chứ nó không có phóng tâm chạy theo các pháp bên ngoài.**

Cho nên người tu có đối tượng cũng như người tu không có đối tượng đều do sự tu tập đúng hay sai, có đối tượng mà nén tâm chịu đựng, ôm ấp đau khổ trong lòng mà không nói ra được tức là ức chế tâm, có đối tượng mà tu như vậy cũng không có kết quả chỉ là làm khổ thân tâm của mình mà thôi, tu có đối tượng mà quyết tâm tìm đường giải thoát, nhất định xả bỏ các ác pháp gây chướng ngại cho tâm thì người ấy tu mau, vì tâm như cục đất họ đã giải thoát trong mọi ác pháp, họ còn mang thân người nhưng tâm họ là tâm của bậc Thánh (bất động).

Tu có đối tượng dễ nhận được tâm mình phạm hay Thánh rất dễ dàng và cũng dễ nhận ra mình có ức chế tâm hay không rất cụ thể.

Tu không có đối tượng rất khó nhận ra tâm mình phạm hay Thánh và cũng rất khó nhận ra tu có ức chế tâm hay không, khi mà nhận ra được thì thân tâm đã thành bệnh và phí uổng một cuộc đời tu hành. Hầu như những người tu không có đối tượng phần nhiều là tu sai đều bị ức chế tâm như kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy .

Tóm lại tu có đối tượng, mà có nhiệt tâm, quyết xả bỏ các chướng ngại pháp, thường dẫn tâm vào chỗ thanh thản, an lạc và vô sự thì tu rất nhanh, cho nên kinh dạy: *“Phiền não tức bờ đề”*, nơi đâu có chướng ngại pháp thì nơi đó có giải thoát, nơi đâu có phiền não, có đau khổ thì nơi đó có giải thoát, có giải thoát tức là có tu, còn nơi đâu không có chướng ngại pháp thì nơi đó không có giải thoát, coi chừng bị ức chế tâm, tu mà muốn sung sướng nuông chiều, yên tĩnh an ổn thì nơi đó chỉ là tránh né trốn chạy chướng ngại pháp, người tu mà cầu mong như vậy thì đi tu chỉ uống công mà thôi, phí một đời chẳng ích gì cho mình cho người mà còn ăn bám vào người khác.

PHẬT VÀ A LA HÁN

LỜI PHẬT DẠY

“N hư Lai, này các Tỳ kheo, là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác, làm cho khởi lên con đường trước kia chưa ai làm cho khởi, là bậc đem lại con đường trước kia chưa ai đem lại, là bậc tuyên thuyết con đường trước kia chưa được ai tuyên thuyết, bậc trí đạo, bậc ngộ đạo, bậc thuần thực về đạo”.

“Còn nay này các Tỳ Kheo, các vị đệ tử là những vị sống theo đạo, tiếp tục thành tựu đạo”.

“Này các Tỳ Kheo! Đây là sự sai biệt, sự đặc thù, sự sai khác giữa N hư Lai, bậc A La Hán, bậc Chánh Đẳng Giác và bậc Tỳ Kheo được giải thoát nhờ trí tuệ”. (Kinh Tương Ưng tập 3 trang 120 Đại Tạng kinh Việt Nam).

CHÚ GIẢI:

Qua lời dạy trong kinh Tương Ưng trên đây Đức Phật đã xác định rất rõ ràng: *“Phật và A La Hán sự tu chứng đạo*

thì không khác nhau, nhưng Đức Phật khác với những bậc A La Hán là vì Đức Phật là người đầu tiên khởi lên, đem lại và tuyên thuyết bốn chân lý của loài người”.

Cũng qua bài kinh trên đây chúng ta có thể xác định rằng: Sáu Vị Phật quá khứ không có, chỉ có là sáu vị thần của Bà La Môn thì đúng hơn. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người đầu tiên khởi xướng con đường giải thoát này. Đây chính do lời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Như vậy kinh sách Đại Thừa đã dựng lên 6 vị Phật quá khứ là sai không đúng xin các bạn cứ suy ngẫm lời dạy này thì sẽ thấu rõ như thấy chỉ trong lòng bàn tay của quý bạn. (Kinh Thành Ấp Tương Ưng tập 2, trang 188 cũng nói như vậy).

Đọc đoạn kinh này, chúng ta thấy rõ kinh sách Đại Thừa không phải là kinh sách của Phật, kinh sách Đại Thừa là những kinh sách bịa đặt, để đưa sáu vị thần của Bà La Môn vào làm vị Phật quá khứ của Phật Giáo. Nhờ bài kinh này chúng ta thấy được âm mưu của Bà La Môn thật là gian xảo.

Một bài kinh này cũng đủ vạch mặt Đại thừa là thứ giả hiệu và như vậy Phật Giáo mà chúng ta đang có, là không phải Phật Giáo. Phải không các bạn?

Trong kinh sách Nguyên Thủy còn nhiều bài kinh để xác định, chỉ thẳng kinh sách Đại Thừa là thứ kinh giả hiệu.

KINH SÁCH ĐẠI THỪA KHÔNG PHẢI PHẬT THUYẾT

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Tỳ kheo! Có thể có Tỳ kheo nói: “Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như

vậy là pháp, như vậy là luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư”. Nay các Tỳ kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỳ kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với kinh, đối chiếu với luật. Khi đem so sánh với kinh đối chiếu với luật, nếu chúng không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật thì các ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo sai lầm”. Và nay các Tỳ kheo, các ngươi hãy từ bỏ chúng; khi đem so sánh với kinh, đem đối chiếu với luật và nếu chúng phù hợp với kinh, tương ứng với luật, thì các Ngươi có thể kết luận: “Chắc chắn những lời dạy này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỳ kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh”.

“Nay các Tỳ kheo như vậy là đại giáo pháp thứ nhất, các ngươi hãy thọ trì”. (Kinh Trường Bộ tập 1 trang 618 kinh Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Trước khi vào Niết Bàn đức Phật đã biết chắc người đời sau sẽ kiến giải, tưởng giải làm sai lệch giáo pháp của mình, nên Ngài đã di chúc lại những lời sau cùng này để chúng ta cẩn thận đối chiếu với kinh sách Nguyên Thủy và kinh sách Đại Thừa, Khi đối chiếu chúng ta mới nhận xét kinh sách Nguyên Thủy dạy đạo đức làm Người làm Thánh, đó là “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” hoặc “*Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng thiện pháp*” còn kinh sách Đại Thừa dạy: “*Cúng bái cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, ngồi thiền ức chế tâm, lay hồng danh sám hối cho tiêu tội v.v...*” Như vậy kinh sách Đại Thừa dạy mê tín, sống trong thế giới ảo tưởng (Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương).

Đem giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ ra đối chiếu với giới kinh của Phật, thì chúng ta thấy giới bốn không phù hợp, không tương ứng với giới kinh một bên thì ngăn cấm như pháp luật, không đúng với tinh thần tự giác, tự nguyện của đạo Phật. Còn giới kinh dạy đạo đức làm Người làm Thánh để tâm hoàn toàn vô lậu và đúng theo tinh thần tự giác tự nguyện không có bắt buộc, không có khuyến dụ, không có mua chuộc. Cho nên giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề và kinh sách Đại Thừa chắc chắn không phải Phật thuyết, do các Tổ chịu ảnh hưởng kinh Vệ Đà của Bà La Môn biên soạn ra, nên không phù hợp và không tương ứng với những lời Phật dạy. Đúng vậy khi đem ra so sánh chúng ta thấy rằng kinh sách Đại Thừa không phải Phật thuyết 100%. Cho nên những lời di chúc cuối cùng của đức Phật đã dạy chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng để không bị những kiến giải, tưởng giải của các Tổ lường gạt. Như vậy, rõ ràng đức Phật đã biết trước, sau này các Tổ sẽ làm sai lệch kinh sách Phật, cho nên Ngài đã chuẩn bị cho người đời sau còn có chỗ dựa vững chắc để loại trừ những tà pháp của ngoại đạo đang pha trộn trong giáo pháp Nguyên Thủy của Phật .

Đọc đoạn kinh này các bạn còn nghi ngờ chúng tôi nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai nữa không? Đúng là kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông không phải Phật thuyết .

Giáo pháp Đại Thừa là một giáo pháp mê tín, trùu tượng, mơ hồ thường sống trong ảo tưởng, không thực tế, không thiết thực, nó được truyền thừa từ nước này sang nước khác, trong một thời gian khá dài hơn 2000 năm. Cho nên những kinh sách này được kết tập của những người tu hành chưa chứng đạo, thành một tạng kinh xô bồ không biết bài kinh nào tu trước, bài kinh nào tu sau. Trong khi giáo lý của Phật giáo được chia ra làm 8 lớp học và ba cấp

rõ ràng, nó là một chương trình giáo dục đào tạo con người có đầy đủ đạo đức nhân bản - nhân quả, xây dựng lại cuộc sống của con người mà mọi người không còn làm khổ cho nhau nữa, biến thế gian này thành cảnh giới Thiên Đàng, Cực Lạc.

Kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc Trường Bộ Kinh. Bốn lần đức Phật xác định và nhắc nhở chúng ta phải cảnh giác kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông, phải đem so sánh kinh Nguyên Thủy, phải đối chiếu với luật và nếu không phù hợp với kinh, không tương ứng với luật của Phật thì chắc chắn kinh sách này không phải của Phật thuyết và những Tỳ kheo ấy đã tu tập giáo pháp sai lầm.

Do sự so sánh này chúng ta biết chắc quý thầy tu theo Đại Thừa và Thiên Tông là tu sai pháp tức là không tu tập đúng pháp của Phật thuyết .

Từ xưa đến nay các Tổ trước tu sai, các Tổ sau thừa kế và cho đến Thầy Tổ ngày nay cũng đều tu tập sai lầm cả. Các Thầy Tổ xa xưa cho đến các Thầy Tổ ngày hôm nay đều giẫm theo lối mòn của nhau, nên người trước sai, người sau sai và người ngày nay cũng đều tu tập sai hết. Tu sai mà không biết mình sai. Thật là đáng thương!

Ngày nay chúng tôi may mắn hơn đã tu tập từ con đường giới luật, xây dựng mình một nền đạo đức sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai. Nhờ thế chúng tôi ly dục ly ác pháp hoàn toàn và đã thành tựu con đường giải thoát của Phật giáo chân thật.

Sau khi tu hành xong, nhờ có kinh nghiệm trong tu hành. Chúng tôi căn cứ vào những lời của Phật dạy vạch trần bộ mặt thật của Đại Thừa và Thiên Tông đã mạo danh kinh sách Đại Thừa là Phật thuyết để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Do tu hành sai pháp các Thầy Tổ Đại Thừa tu mãi mà

chẳng có Thầy Tổ nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Vì thế, khi tu hành chưa chứng đạo các Tổ kết tập kinh sách Phật không đủ khả năng soạn thảo chương trình giáo dục theo tám lớp (Bát Chánh Đạo) ba cấp (Giới, Định, Tuệ) nên kết tập kinh sách xô bồ không thứ lớp. Bài kinh trước bài kinh sau không rõ ràng và không triển khai nổi giới đức, giới hạnh, giới hành cũng ba mươi bảy pháp hành không cụ thể, thực tế và rõ ràng như trên đã nói.

Đến ngày nay chúng tôi quyết định chấn chỉnh lại bộ giới luật đức hạnh Thánh Tỳ kheo Tăng, Thánh Tỳ kheo Ni và Thánh cư sĩ. Sau cùng, nếu có đủ thời gian chúng tôi biên soạn giáo trình tu tập cho tám lớp (Bát Chánh Đạo) để thành lập chương trình giáo dục đào tạo bậc A La Hán (vô lậu).

Nhờ những bài kinh Nguyên Thủy này chúng tôi chỉ thẳng cho các bạn biết kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông sai, từ chỗ sai đó chúng tôi mới dựng lại những gì của Phật giáo đã bị Thầy Tổ Đại Thừa ném bỏ; nhờ những bài kinh này chúng tôi quyết định vạch trần những kiến chấp sai lầm của các bạn, để may ra các bạn giác ngộ được những lời dạy chân thật của Phật và xả bỏ những kiến chấp sai lầm của Đại Thừa; nhờ những bài kinh này giúp các bạn sáng suốt để thấy những tướng giải của các Tổ đã làm hư hoại biết bao nhiêu thế hệ con người tu theo Phật giáo hiện nay; nhờ những bài kinh này chúng tôi chú giải các bạn mới thấy những lời chúng tôi là chân thật không dối người, không phỉ báng các Tổ, mà chỉ nói lên một sự thật cách đây trên 2000 năm chưa bao giờ có một người nào dám nói thẳng nói thật. Phải không các bạn?

Đây cũng là một nhân duyên, là một phước báo lớn của chúng sanh, cho các thế hệ mai sau. Vì vậy, hôm nay mới

có một cuộc chấn chỉnh giáo pháp của Phật giáo vĩ đại như thế này.

Vì Phật pháp là một lợi ích rất lớn cho chúng sanh, nên chúng tôi không ngại gian khổ, quyết tâm làm cho bằng được. Nhưng sự thành công ấy đều phải nhờ sự đoàn kết của Tăng, Ni và cư sĩ bốn phương. *“Một cây làm chẳng nên non, ba cây đùm lại nên hòn núi cao”*, chắc chắn cái đúng sẽ thắng cái sai, và cũng đến lúc cái sai phải được bỏ xuống. Phải không các bạn?

Tóm lại cái đúng không ai diệt nó được, nó sẽ được trường tồn với loài người mãi mãi.

TẠI SAO ĐỨC PHẬT BIẾT NẤM ĐỘC MÀ LẠI ĂN

LỜI PHẬT DẠY

“Này Cunda ăn mộc nhĩ còn lại Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi Trời cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới không một người nào trong chúng Sa Môn và chúng Bà La Môn giữa những Thiên Nhân, món ăn mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai. (kinh Trường Bộ tập 1 trang 624 kinh Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Độc đoạn kinh này chúng ta xét thấy có hai điều vô lý:

1- Người thợ rèn Cunda nấu món ăn mộc nhĩ chưa bao giờ ăn mà lại dám đem dâng cúng Phật và chúng Thánh Tăng. Đó là vô lý thứ nhất. Ai đã soạn câu này và viết vào kinh sách Nguyên Thủy để hủy báng Phật, Pháp, Tăng, để làm kinh sách Phật mất hết ý nghĩa chân thật của nó. Một sự giả dối không thể nào tha thứ được. Một món ăn chưa

từng ăn mà dám cho người khác ăn, chỉ đó là món thuốc độc mà thôi.

2- Đạo Phật là đạo trí tuệ, chuyển nhân quả khi biết nắm độc mà ăn là không trí tuệ, nhất là đức Phật biết là nắm độc không cho chúng Tỳ kheo ăn mà mình lại ăn là điều vô lý thứ hai. Nhất là đức Phật là người đã thông suốt luật nhân quả. Luật nhân quả là một đạo luật được chuyển hóa bằng thiên pháp. Cuộc đời tu hành của Phật đã chứng đạo tức là Ngài đã sống toàn thiện. Người sống toàn thiện là người đã chuyển hoá được nhân quả. Cho nên đối với thân nhân quả của đức Phật Ngài làm chủ hoàn toàn, muốn sống chết đều theo ý muốn của Ngài. Cho nên Ngài dạy: *“Này A nanda, những ai đã tu Bốn Thần Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu Bốn Thần Túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, nay Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại”*. (Kinh Trường Bộ tập I trang 586 kinh Đại Bát Niết Bàn).

Đức Phật có đủ khả năng làm chủ nhân quả như vậy mà lại ăn nắm độc để chịu bệnh kiết lỵ ra máu mà chết, thì thật là một điều vô lý hết sức. Làm chủ nhân quả mà để cho nhân quả làm chủ mình thì thật là vô lý. Đoạn kinh này là do người sau không biết luật nhân quả chuyển hóa; không thông năng lực của Tứ Thần Túc của Phật giáo, nên xen đoạn kinh này để che đậy sự tu hành không làm chủ sanh, già, bệnh, chết của mình đối với tín đồ ‘*Chẳng muội nhân quả*’ chứ không làm chủ nhân quả được.

Theo chúng tôi biết chắc chắn đoạn kinh này là do các Tổ thêm vào để dựng lên thuyết nhân quả định mệnh, tức là

nhân quả cố định không thay đổi được, đó là để chỉ rõ pháp môn Đại Thừa và Thiền Tông không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nó là một loại thiên ức chế tâm, chứ không phải là thiên xả tâm, vì thế càng tu càng chạy theo danh lợi và đục lạt thế gian.

Nếu đúng nhân quả là định mệnh thì đạo Phật không bao giờ tuyên bố làm chủ sanh, già, bệnh, chết, và không dạy người tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện. Vì không chuyển hóa được nhân quả nên đạo Phật không ra đời, vì ra đời có làm lợi ích gì cho ai.

Nếu đúng nhân quả định mệnh thì đạo Phật không bao giờ có pháp môn Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định.

Đối với đạo Phật do vô minh mà có nhân quả, thiện ác, khổ đau; do vô minh mà con người mới chạy theo dục mới tạo ra muôn vàn sự khổ đau. Vì thế đạo Phật ra đời dạy người giới luật và trí tuệ: *“Giới luật ở đâu thì trí tuệ ở đó, trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó. Giới luật làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ làm thanh tịnh giới luật”*. Đó là những đức hạnh bằng giới luật và tri kiến của con người làm chủ nhân quả theo đúng những pháp hành Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định. Đại thừa đã phỉ báng Phật trong đoạn kinh này và còn phỉ báng đệ tử của Ngài là ngài Mục Kiền Liên, một vị đệ tử đã tu chứng quả A La Hán có đầy đủ thần thông mà đức Phật thường ca ngợi ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông thế mà bị ngoại đạo đánh chết thì không còn chỗ nào phỉ báng Phật, Pháp, Tăng hơn là kinh sách Đại Thừa và các Tổ khéo léo xen vào từng đoạn kinh xuyên tạc phá hoại kinh sách Nguyên Thủy.

Ở đây chúng tôi xin nhắc lại để thấy một sự vô lý hết sức: Người thợ rèn Cunda chưa bao giờ ăn nấm này, nếu đã ăn thì ông đã chết, vì là nấm độc như đức Phật đã nói: *“Ngày Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma*

giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa Môn và Bà La Môn giữa những Thiên Nhân, món ăn mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được”.

Khi một món ăn chưa bao giờ mọi người ăn mà đức Phật dạy: *“Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta, còn các món ăn khác đã soạn sẵn loại cứng loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỳ kheo”.*

Nếu người thợ rèn Cunda nghe lời dạy này thì phải nghi ngờ và tự hỏi: *“Tại sao Phật không cho chúng Tỳ kheo ăn thứ mộc nhĩ này?”.* Khi đã có câu hỏi như vậy thì Cunda liền đem món đồ ăn này xem lại.

Khi nghe đức Phật nói như vậy, Ông ta lại dọn món ăn mộc nhĩ này chỉ có đức Phật ăn mà thôi, thì thật là vô lý. Đây là sự vô lý không thể tha thứ được. Có đúng như vậy không các bạn?

Về phần đức Phật là một người tượng trưng cho trí tuệ, Ngài dựng lên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai mà lại ăn nắm độc để làm khổ mình và gây hoang mang dao động cho chúng Tỳ kheo, nhất là làm cho người thợ rèn Cunda sẽ ăn năn hối hận suốt đời, nếu biết đức Phật vì thợ thực nắm của ông cúng dường mà chết.

Trong khi đức Phật có đủ khả năng tự tại trong sanh tử, muốn chết hời nào là chết được ngay liền, chết trong khi thân không có một chút bệnh khổ. Chính đức Phật là người chết không vì bệnh đau mới đúng nghĩa của đạo giải thoát. Cho nên ở đây người đời sau đã thêm vào những đoạn kinh làm mất ý nghĩa giải thoát của Tứ Niệm Xứ.

Điều vô lý nhất là đức Phật biết nắm độc mà lại ăn vào chết trong đau bệnh kiết lỵ ra máu. Bệnh kiết lỵ ra máu trong tuổi già như Phật thì khổ sở biết là dường bao.

Cho nên, thật vô lý đạo Phật là đạo tự tại trong sanh tử, có sao đức Phật lại phải ăn nắm độc để bệnh rồi chết, chết một cách đau khổ như vậy? Mục đích đạo Phật ra đời là giúp cho con người sống chết tự tại an vui, chết không phải vì bệnh. Vậy ai là người đã viết đoạn kinh này, người ấy phải chịu những tội lỗi rất lớn đối với Phật giáo.

Đạo Phật vốn không làm khổ mình, khổ người, sao Phật lại làm khổ Phật, làm khổ người như vậy? Thì nên đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người của Phật giáo đâu còn có nghĩa gì đối với người đời sau nữa. Đây là một đoạn kinh mà các Tổ dùng để diệt Phật giáo. Các bạn có biết không?

Các bạn hãy nghe đức Phật dạy: *“Này Pessa, có bốn hạng người này có mặt ở trên đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Pessa, có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình. Ở đây này Pessa, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này Pessa, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây này Pessa, lại có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người”*. (Kinh Trung Bộ tập II trang 13 kinh Kandaraka).

Như vậy đức Phật đã dạy có bốn hạng người và chấp nhận hạng người thứ tư nên đức Phật nói: *“Người ấy không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh cảm thấy mát lạnh, cảm giác thọ lạc, tự ngã trú vào Phạm thể, hạng người này tâm còn thích ý.”* Đức Phật đã dạy như vậy có sao Ngài lại ăn nắm độc để tự làm khổ mình và làm khổ người cúng dường?

Cho nên đoạn kinh này không phải Phật thuyết mà các Tổ biên soạn và xen vào kinh Đại Bát Niết Bàn để diệt Phật giáo.

Điều vô lý thứ hai là đức Phật, một người có đại trí tuệ, đại giác ngộ. Đại trí tuệ, đại giác ngộ sao lại ăn nắm độc để bệnh mà chết, thì trí tuệ đó đâu còn là trí tuệ nữa, nó là vô minh. Phải không các bạn?

Các bạn bảo rằng đó là nghiệp nhân quả đời trước của đức Phật ngày nay đức Phật phải trả. Các bạn đừng nói vậy, nói như vậy là các bạn không hiểu đạo Phật. Đạo Phật là đạo chuyển nhân quả như trên đã nói. Do chuyển nhân quả mới làm chủ được sanh, già bệnh, chết.

Chuyển nhân quả nên đức Phật mới có đầy đủ trí tuệ thấy biết loại mọt nhĩ ăn vào sẽ chết, cho nên mới cảnh ngăn không cho chúng Tăng ăn.

Tại sao đức Phật không bảo Cunda bỏ những thực phẩm có nắm độc này đừng cho mọi người ăn trong đó có cả đức Phật. Chỉ cần bảo như vậy thì đức Phật mới là người trí tuệ và thể hiện đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Tu như Phật đã làm chủ được nhân quả, làm chủ được đau bệnh. Như đoạn kinh trên nói đức Phật đau gần như chết, thế mà đức Phật đẩy lui được bệnh khổ ra khỏi thân trong sức tỉnh giác chánh niệm của pháp môn Tứ Niệm Xứ. Làm chủ bệnh được như vậy, thế mà món thực phẩm nấu với loại nắm độc này không đổ bỏ đi được sao?

Người tu hành chưa chứng đạo đọc đến đoạn kinh này họ có nhiều nghi vấn nhưng không biết hỏi ai mà thôi. Nếu hỏi các Thầy Đại Thừa và các Thiền Sư Đông Độ thì họ bảo rằng: “*Chẳng muội nhân quả*” như Tổ Bách Trượng đã dạy: “*Trong câu chuyện bách trượng đã hổ*”.

Tóm lại đoạn kinh này do các Tổ biên soạn viết ra để thêm vào trong kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc kinh sách Nguyên Thủy để nói lên thuyết nhân quả định mệnh là của Phật giáo Đại Thừa. Nhưng thuyết nhân quả định mệnh này là của Bà La Môn Ấn Độ và của Thiên Tông Trung Hoa. Người tu hành dù có chứng đạo cũng không làm chủ nhân quả chỉ chẳng muội nhân quả mà thôi.

Đó là các nhà Đại Thừa không hiểu luật nhân quả thiện pháp chuyển ác pháp nên tưởng ra thuyết định mệnh nhân quả, khiến cho biết bao nhiêu người hiểu sai lạc.

Vì hiểu như vậy nên các Tổ mới biên soạn viết đoạn kinh trên đây để thêm vào làm cho sáng tỏ thuyết định mệnh, nhưng không ngờ vô tình lại phỉ báng Phật.

Tóm lại đoạn kinh trên đây không phải Phật thuyết mà do các Tổ thuyết. Cho nên đoạn kinh này hoàn toàn mâu thuẫn với tinh thần giáo pháp của Phật. Xin các bạn lưu ý mà hãy cảnh giác những đoạn kinh như vậy thường xen vào kinh sách Nguyên Thủy để dim Phật giáo.

HỦY BỎ NHỮNG HỌC GIỚI NHỎ NHẶT

LỜI PHẬT DẠY

“Này Ananda, nếu chúng Tăng muốn sau khi ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết” (Trường Bộ Kinh tập I trang 663 kinh (Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Nếu một người tu sĩ chạy theo đục lạt thế gian gặp đoạn kinh này như mèo gặp mỡ, như chuột sa hũ gạo, mặc sức tung hoành phá giới, bẻ vụn giới. Vì thế Đại Thừa và

Thiền Tông khéo biên soạn ra những lời dạy này lồng vào kinh sách Phật để phá giới và diệt giới luật Phật. Cho nên tu sĩ thời nay lợi dụng câu kinh này mà xem thường giới luật Phật. Cho nên toàn bộ các sư Thầy Đại Thừa và Thiền Tông phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, xem thường giới luật như trong đời tu hành của họ chẳng bao giờ có giới luật. Họ chỉ dùng những lời nói mang đầy tính dục lạc thế gian “*An được, ngủ được là Tiên*” hoặc dùng những câu nói của các Thiền Sư đầy sự xảo trá, lừa đảo: “*Tự tại vô ngại, đói ăn, khát uống, mệt đi ngủ*”. Đối với Phật giáo Nguyên Thủy những hành động sống như vậy gọi là phi Phạm hạnh. Một người tu sĩ mà sống phi Phạm hạnh là không còn giá trị của người tu sĩ, Người tu sĩ như vậy không đủ đức hạnh làm thiện hữu tri thức cho người khác, không đủ khả năng làm Thầy Trời, Người.

Các bạn hãy đọc kinh Ước Nguyện trong kinh Trung Bộ tập I, có 17 điều lợi ích rất lớn của giới Luật. Và lại giới luật là đức hạnh của con người, đức hạnh sao lại có đức hạnh lớn, đức hạnh nhỏ. Đức hạnh là thiện pháp, đức hạnh sẽ mang lại cho con người một cuộc sống an vui và hạnh phúc. Vậy làm sao lại có đức hạnh lớn, đức hạnh nhỏ xin các bạn xét duyệt lại lời dạy trên đây có phải Phật thuyết hay không?

Khi một người nào muốn theo Phật xuất gia tu hành đều phải sống biệt trú 4 tháng để thử thách đời sống giới luật, nếu thấy sống được thì Phật chấp nhận cho xuất gia, còn thấy sống không được thì trở về đời bình thường. Giới luật tinh nghiêm như vậy, tại sao lại có chuyện bỏ các giới nhỏ nhặt? Ai chủ mưu bỏ những giới nhỏ nhặt này?

Và lại trong kinh đức Phật từng nhắc nhở chúng ta: “*Này các Tỳ kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai*

nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới”. (kinh Trung Bộ tập I trang 79 kinh Ước Nguyễn).

Kính thưa các bạn! Trong kinh Trung Bộ dạy: *“Thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”*, còn kinh Trường Bộ dạy: *“Có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt”*. Hai câu kinh này chúng ta tin kinh nào? Xin các bạn chỉ cho.

Đức Phật dạy: “GIỚI, ĐỊNH, TUỆ”, có nghĩa là tu tập từ giới đến định, từ định đến tuệ. Vậy thì giới luật chưa tu học mà đòi bỏ những giới nhỏ nhặt thì như vậy có đúng không?

Chúng ta xét lại hai câu kinh trên. Như vậy lời dạy của đức Phật có mâu thuẫn nhau. Phải không các bạn?

Theo chúng tôi biết chắc đức Phật không nói hai lưỡi, không bao giờ dạy mâu thuẫn như vậy, mà chính những vị Tổ sư Đại Thừa phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới mới soạn viết ra câu này khi kết tập xen vào gán cho Phật thuyết để lừa đảo người sau. Chúng ta hãy giữ gìn giới bốn Ba La Mộc Xa Đề và giới kinh như: Kinh Phạm Võng, kinh Sa Môn Quả và những kinh Giáo Giới La Hầu La. Giáo Giới Ananda, Giáo Giới Ca Chiên Diên vv...

Nói chung tất cả kinh Phật đều là giới Luật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều là giới luật cả.

Giới luật là thiện pháp, cho nên khi chúng ta mới bước chân vào Phật giáo thì chúng ta được tu tập Tứ Chánh Cần. Đó là pháp ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Thưa các bạn! Pháp dạy tu tập như vậy không phải là giới luật sao?

Giới luật là đức hạnh nên đạo Phật xây dựng mình trên nền đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Cho nên Phật dạy: *“Này*

các Tỳ kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt chơn chánh lãnh thọ và tu tập các học giới.”

Những câu kinh dạy: “Hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt” là sai không đúng lời Phật dạy, đó là những thủ đoạn gian xảo lừa đảo của các Tổ Sư Bà La Môn mang hình sắc tu sĩ Phật giáo Đại Thừa.

Thưa các bạn! Trong kinh sách Nguyên Thủy có rất nhiều những đoạn kinh do các Tổ Đại Thừa viết xen vào để đánh lạc hướng những người tín đồ Phật giáo, khiến cho họ khó truy tìm giáo pháp chân chánh của đức Phật.

Do hủy bỏ các giới nhỏ nhặt mà tu sĩ Phật giáo Đại Thừa sống theo danh lợi thế gian nên sự tu hành của các Sư Thầy hiện giờ có ra gì. Chỉ là tu danh, tu lợi, tu chùa to Phật lớn, tu tiền tu bạc.

Tóm lại bài giảng này, các bạn nên lưu ý: Đừng lấy câu kinh này làm bức màn để che chắn rồi mặc tình phá giới mà không còn sợ ai dám chê nói một lời nào. Các bạn làm, tu hành là đem lại lợi ích cho các bạn, chứ không lợi ích cho Phật, cho người khác, các bạn hiểu chưa? Tu hành mà đối trá thì tu hành để làm gì, thà ở ngoài đời đối trá còn tốt hơn mang hình lột tôn giáo.

Kính thưa các bạn! Khi các bạn đã bỏ hết cuộc đời vào chùa tu hành mà các bạn còn tiếc gì mà phải sống theo danh lợi, dục lạc thế gian, qua hình thức tôn giáo để rồi cũng chết các bạn có mang theo một vật gì đâu, chỉ còn nắm tro tàn hôi tanh.

Giới luật là đức hạnh của các bạn. Nếu các bạn tu hành nghiêm chỉnh giới luật thì nó sẽ mang đến nhiều điều lợi lạc cho các bạn. Đến khi chết các bạn cũng được an vui

hạnh phúc. Và tiếp tục vào Niết Bàn không còn tái sinh nữa.

CHIẾC ÁO KHÔNG CHE ĐƯỢC MẮT THÁNH

Hỏi: Kính thưa Thầy, lúc sống không tu tập trau dồi thiện pháp, không sửa tâm tánh, những thói hư tật xấu, sống không nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả, luôn luôn tạo khổ cho mình và cho người khác. Đến khi chết, mặc áo lục thù, áo hải hội có tác dụng gì không?

Đáp: Kinh sách Đại Thừa thường soạn viết ra những điều phi đạo đức, sống làm điều ác, gian tham, tật đố, háo danh, tham của cải, tài sản, đủ mọi mảnh khoe, thủ đoạn, giết người, cướp của, hại mạng chúng sanh, chẳng chút lòng lành, chẳng biết thương xót ai hết, chỉ biết có mình là trên hết. Đến khi chết chỉ cần mặc áo lục thù hoặc áo hải hội, đi xuống Diêm Đĩnh, không ai bắt tội, vì quỷ sứ, ngu ru đầu, mã diện, ngục tốt đều biết đó là đệ tử của đức Phật nên vị tình tha thứ.

Đó là một hình thức trong muôn ngàn hình thức lừa đảo, lường gạt tín đồ của kinh sách Đại Thừa, với những người còn nhẹ dạ non lòng, trình độ hiểu biết còn thấp kém, chịu ảnh hưởng sâu nặng những phong tục hủ lậu tập quán lâu đời, đã biến thành thói quen, nên có hữu sự chuyện gì, thì cứ theo lời dạy trong kinh sách đó mà làm, chẳng dám ném bỏ, dù biết đó là sai không đúng, nhưng không làm thì chịu không được, hoặc sợ mọi người lên án hay chê cười, bất hiểu, không thông kinh sách Thánh Hiền.

Đôi với đạo đức nhân quả, là một đạo luật rất công bằng và công lý. Giả thuyết nếu đức Phật có làm những tội ác mà đã đi xuống địa ngục dù có mặc một trăm chiếc y hai mươi lăm điều thì luật nhân quả cũng sẽ không tha tội

ông, vẫn hành tội đúng như những người khác làm tội ác mà không có chút nào thiên vị.

Cho nên, các cư sĩ đừng nghe theo kinh sách Đại Thừa, rồi chùng đó sẽ hối hận, ăn năn không kịp, đừng lấy vải thưa che mắt Thánh, đừng lấy chiếc áo đạo, che mắt luật nhân quả đượ hay sao!

Hãy sống đúng luật nhân quả, đừng làm khổ mình khổ người, thì dù có sống trong cảnh giới nào, thì cũng được an vui, hạnh phúc, có chết đi về cõi nào thì cũng là cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Chẳng bao giờ biết sợ đọa địa ngục, và chẳng bao giờ có Diêm Vương bắt nạt, có ngục tốt la hét mắng chửi, nạt nộ, hành hạ v.v...

Thời đại khoa học hiện đại, sự hiểu biết quá rõ ràng, đâu còn mê tín, lạc hậu như những ngày xưa, chết mà còn mặc những chiếc áo như vậy, đâu có tác dụng gì cả, chỉ làm một trò cười lố bịch cho thiên hạ. Bị kinh sách mê tín, lừa đảo mà không biết, thật là ngu si hết chỗ nói.

CẦN XẢ BỎ MÊ TÍN

Hỏi: Kính thưa Thầy, đời thường của cư sĩ tại gia, chúng con thường xuyên phải va chạm nhiều vấn đề, nếu không cẩn thận thì phạm giới.

Hiện giờ, chúng con cứ lo tu tập sống đúng đạo đức nhân quả, những việc ma chay và cưới xin, nói chung là tất cả phong tục, tập quán đều có thể ảnh hưởng đến việc tu tập của chúng con không ít, mà trong giáo án của Thầy không có dạy. Vậy cúi xin Thầy từ bi lân mẫn chỉ dạy cho chúng con.

Đáp: Là đệ tử của Phật, dù cư sĩ hay tu sĩ đều phải theo lời dạy của đức Phật, lần lượt xả bỏ không những thế giới siêu hình mà còn xả luôn cả thế giới hữu hình.

Bởi vậy, nếu đúng theo tinh thần của Phật giáo, thì trong gia đình người cư sĩ đệ tử của đức Phật, việc ma chay và cưới xin phải giản đơn và không sát sanh, không nên tổ chức linh đình, vì chung quanh chúng ta còn biết bao nhiêu người bất hạnh thiếu cơm ăn, áo mặc. Tổ chức đám tiệc thực phẩm trai tịnh, thanh khiết, trang nghiêm, thanh tịnh, không được làm ồn náo, âm ỉ, ca nhạc phải khéo chọn những bài hát có ý nghĩa sâu kín của người Á Đông, nói lên được sự hạnh phúc của đôi tân hôn với truyền thống Việt Nam, phải trang hoàng, thanh nhã, lịch sự, không quá cầu kỳ.

Tiệc ma chay không được trống kèn, âm ỉ, ca, xướng, hát, tấu tụng, hò hét, đàn địch, phải giữ gìn im lặng, trang nghiêm, cúng bái, tế lễ phải hết sức ngăn nắp, phải có tôn ti trật tự hẳn hoi, cấm rượu chè bê bối say sưa trong đám tang cũng như trong đám cưới.

Tổ chức đám cưới, tuy có ca hát như trên đã nói, nhưng không được ca hát quá trớn, biết rằng đám cưới là đám vui, vui trong đạo đức lành mạnh của người dân Á Châu, cho nên phải chọn những bài ca chúc tụng, những bài ca có tình, có nghĩa, ca ngợi những lòng chung thủy, không được dùng những bài ca nhảm nhí, thương vay, khóc mướn, tình tứ bi thảm. Điều cấm kỵ nhất trong đám cưới cũng như đám tang, không được chè chén, say sưa, tiếng qua, tiếng lại, tranh luận hơn thua, hoặc la hét chửi mắng hoặc đâm đá nhau v.v... Phải giữ gìn im lặng, trang nghiêm để bầu không khí thiêng liêng trong những giờ phút chia vui đám cưới, chia buồn đám tang.

Nếu tất cả mọi việc đều giữ được sự trang nghiêm, thanh tịnh và không làm theo sự mê tín, dị đoan của kinh sách Đại Thừa dạy và phong tục tập quán dân gian, thì sự tu tập theo đạo Phật rất dễ dàng.

Nếu việc ma chay và cưới xin, đừng giết hại chúng sanh làm cỗ bàn, thì sự tu tập rất là an tịnh, tinh thần thoải mái, thanh thản và an lạc.

Do sự tổ chức ma chay và cưới xin đúng cách theo đạo Phật, thì mọi người trong gia đình đều được an vui, hạnh phúc. Vì tạo nhân làm điều thiện và đơn giản nên sau khi đám tiệc xong rồi, người trong nhà không có ai nợ nần, và không có thấy máu chúng sanh đổ, nên tâm hồn thanh thoi. Vì tổ chức làm đám giã đơn nên mọi người không mệt nhọc, không bê bộn cả nhà đều được khỏe khoắn, an vui.

Ở đời, người ta chạy theo những lời khen, chê ngoài miệng *“Nhà đó tổ chức đám tiệc linh đình âm ỉ không có gia đình nào hơn được”*, chỉ những lời khen rỗng tuếch đó, mà cả mọi người trong gia đình đều mệt nhọc và khổ sở, lại còn mang nợ nần khác nữa. Đám tiệc xong có khi mọi người trong gia đình phải đau bệnh. Thật là vô minh, u tối chỉ có một lời khen hảo mà con người từ xưa cho đến nay đều ngu si chạy theo danh hảo đó, nên bảo sao đời người khổ là vậy.

Theo đạo Phật chỉ cầu sự giải thoát còn tất cả phong tục tập quán, dù có truyền thống lâu đời thì cũng vẫn tổ chức rất đơn giản, không chạy theo xu hướng của người khác, cứ làm y theo sự đơn giản mà đức Phật đã chỉ dạy, còn tất cả những phong tục nào mê tín, lạc hậu thì mạnh mẽ, cương quyết không chấp nhận, đình chỉ, phá bỏ, nhất định không tổ chức những điều mê tín đó. Mục đích đập, phá

như vậy là để giúp cho con cháu đời sau đỡ hao tài, tốn của một cách vô ích và phi lý.

Người cư sĩ, đệ tử của Phật, phải sáng suốt nhận định, cái nào đúng có lợi ích cho mình cho người và những việc làm nào không làm khổ mình khổ người thì hãy duy trì và giữ gìn bảo vệ những phong tục đó để mang lại cho cá nhân, gia đình, xã hội và đất nước một sự an vui, thanh bình, trật tự, hạnh phúc và phồn vinh. Ngược lại, những phong tục mê tín, lạc hậu nào làm hao tiền, tốn của, chẳng ích lợi gì mà còn gây tai hại tạo nhân ác làm đau khổ mọi người và chúng sanh thì ta phải phá bỏ và dẹp sạch để làm lợi ích cho con cháu về sau, không bị ảnh hưởng cha truyền, con nối hoặc theo kiểu “*Tổ tổ truyền nhau*”.

CÁCH THỨC TU TẬP

Hỏi: *Kính thưa Thầy, theo trong thời khoá con đã ghi sự tu tập của con, như vậy có đúng chưa, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?*

Đáp: Về phần tu tập con nên đọc kỹ lại những bài văn đạo, thì sẽ biết rõ cách thức tu hành, Thầy xin tóm lược lại:

1- Ngồi nhiếp tâm trong hơi thở, phải ngồi kiết già, lưng thẳng, mắt nhìn xuống chóp mũi, mở một phần ba mắt.

2- Khi sức gom tâm, tập trung chưa cao, con nên kèm theo pháp hướng tâm, để nhắc nhở và dắt tâm: “*Tôi thở, tôi biết tôi đang thở*”, lượng với sức của mình tu tập, từ 1 phút đến 5 phút, rồi xả nghỉ đi kinh hành; khi đi kinh hành cũng tu từ 1 phút đến 5 phút tỉnh thức trong bước đi.

3- Đợt thứ hai, con cũng tiếp tục tu tập như trên. Nên nhớ kỹ, Định niệm hơi thở mới đầu chỉ tu từ 10 hơi thở, rồi

tăng dần lên 1phút, từ một phút tăng lên 5 phút, từ 5' tăng lên 15', tăng dần lên đến 30' rồi 1 giờ. Khi đến 1 giờ không nên tăng lên nữa, chỉ ở trạng thái trong 1 giờ đó, tập luyện pháp hướng tâm điều khiển sự sống, chết.

Đi kinh hành cũng vậy, khi đi 50 bước tỉnh thức, trong đó 10 bước có hướng tâm một lần: “*Tôi đi kinh hành, tôi biết, tôi đang đi kinh hành*”, khi mới tu tập đi kinh hành, cũng nên đi với sức tu tập của mình, đừng đi quá sức, đi khoảng độ 1', rồi dần quen mới tăng lên đến 30', đến 1 giờ. Xả nghỉ 2' hoặc 5' rồi ngồi thiền trở lại, nương hơi thở tu tập, khi tu tập hơi thở xong, rồi lại tiếp tục đi kinh hành 50 bước nữa, cứ như vậy tu tập cho đến đúng 30' mới xả nghỉ luôn.

LỄ LẠY HỒNG DANH SÁM HỐI CHƯ PHẬT, LÀ TIÊU TRỪ TỘI CHƯỞNG, TAI QUA NẠN KHỎI

Hỏi: *Kính thưa Thầy, có người dạy: Chúng con phải lạy lễ sám hối chư Phật thì có nhiều phước báo, tội chướng tiêu trừ, tai qua nạn khỏi và ngồi thiền hết vọng tưởng. Như vậy có đúng không. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Thầy sẽ giải thích để quý vị rõ hơn. Nhiều người lạy lễ sám hối nhưng mà rốt cùng họ cũng chẳng tiêu trừ, tội chướng, tai qua nạn khỏi. Họ lạy hồng danh chư Phật, cứ vào ngày rằm, ngày 30 là họ đến chùa lạy Phật. Niệm mỗi hồng danh Phật là họ lạy một lạy, tháng nào cũng vậy nhưng nhìn lại gia đình họ cũng chưa hết khổ mà còn có khổ đau nhiều hơn.

Những lời dạy này đi ngược lại lời dạy của đức Phật. Phật dạy: “*Hãy tự thấp xuống mà đi*”. Thế mà bây giờ lại nghe các nhà Đại Thừa Bà La Môn dạy lạy lễ hồng danh sám hối thì được phước báo tiêu trừ tội khổ và ngồi thiền

không vọng tưởng. Lời dạy này không đúng như trong kinh sách Nguyên Thủy. Phật dạy: “*Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp*” hay “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”. Lời dạy như vậy rất thực tế và cụ thể, đem lại lợi ích thiết thực cho con người. Còn dạy lạy lễ hồng danh sám hối thì quá mơ hồ, trừu tượng, không thực tế, thiếu khoa học. Lối dạy như vậy là dạy mê tín, dắt con người vào thế giới tưởng.

Có ông Phật nào dám ban phước ban lành cho họ khi họ làm điều ác. Phước báo hay tiêu trừ tội khổ đều do chính nơi họ, họ có làm lành thì họ sẽ hưởng được phước báo, còn họ làm ác thì họ phải lãnh những tai họa tội khổ.

Có bao giờ người ta lạy lễ hồng danh chư Phật mà nhập định được, chỉ có kinh sách học giả mới dạy như vậy mà thôi. Lạy lễ hồng danh chư Phật nhập được là nhập đồng nhập cốt, nhập cô, nhập cậu.

Tóm lại, những lời dạy lạy lễ hồng danh chư Phật để được phước báo, tiêu trừ tội chướng, tai qua nạn khỏi và ngời thiên nhập định, đó là những lời dạy không đúng lời dạy của đức Phật, nếu không cảnh giác lời dạy này mà thực hành sẽ biến mình trở thành những người phi đạo đức, mê tín, thì chỉ uống phí cho một đời tu hành mà chẳng đến đâu cả.

Lạy lễ hồng danh chư Phật là để tỏ lòng biết ơn đối với những bậc cao quý này, chứ không có giải quyết vấn đề tiêu trừ tội chướng tai qua, nạn khỏi hoặc nhập thiên nhập định v.v...

NHỮNG NGƯỜI MÙ

LỜI PHÁT DẠY

“Này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết Bàn nhưng nói lên câu kệ:

*“Không bệnh lợi tối thắng
Niết Bàn lạc tối thắng”.*

(Kinh Trung Bộ tập II trang 369 kinh Magandiya)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh trên đây các bạn so sánh và xét qua kinh sách Đại Thừa mới thấy các Tổ giống như những người mù, có mắt mà không thấy, không biết Niết Bàn như thế nào mà dám bảo:

*“Không bệnh lợi tối thắng
Niết Bàn lạc tối thắng”.*

Không biết làm chủ bệnh, mà nói không bệnh là lợi tối thắng, không biết Niết Bàn như thế nào mà nói Niết Bàn lạc tối thắng, thật ra là con chim học nói tiếng người. Thậm chí họ còn xác quyết: *“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, còn ngoài ra là sai lầm”*. Kinh sách Đại Thừa các Tổ thường tự ca ngợi là một loại kinh đệ nhất pháp. Nhưng xét cho cùng những mục đích cứu cánh và giáo pháp của Đại Thừa đều mơ hồ ảo tưởng chỉ khéo lý luận trườn uốn như con lươn, phần đông là để lừa đảo những người tu chưa chứng. Pháp hành thường là pháp ức chế tâm, nên tâm tham, sân, si không bao giờ hết, thường rơi vào các tướng định nên tâm ngã mạn kiêu căng tự đắc. *“Vô sở đắc” còn có chứng đắc là chưa chứng đắc*. Kiến chấp này muôn đời khó bỏ, nó là một mảnh khoe lừa đảo người tu chưa chứng chân lí, chứ người đã tu chứng thì không thể lừa được.

Cho nên, đức Phật nêu ví dụ: “*Này Magandiya, ví như người sinh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nghe một người có mắt nói như sau: “thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh”. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kể sinh ra đã mù kia do biết, do thấy, lấy tấm vải thô, dính dầu và đất, để rồi sau khi lấy đắp lên mình. Người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: “Thật tốt đẹp thay, tấm vải trắng xinh đẹp không cấu uế, thanh tịnh hay là do lòng tin người có mắt?”*”

Đoạn kinh trên đây đã xác định rõ ràng quý Phật tử giống như người mù chỉ tin vào các Tổ nói kinh sách Đại Thừa là Phật thuyết, nhưng kinh sách Đại Thừa là các Tổ viết ra, chứ không phải Phật thuyết. Vì thế sự tu tập của Phật tử đâu có đi đến đâu. Càng tu tập bệnh đau càng nhiều, phải đi bác sĩ, chích thuốc, uống thuốc phải nằm bệnh viện, thật là khổ đau vô cùng. Chỉ có khéo che đậy bằng những lý luận: “*Dồn nghiệp, trả nghiệp*”.

Quý Phật tử tu theo Đại Thừa cũng giống như người mù bị người sáng mắt lường gạt lấy tấm vải thô xấu dính dầu và đất dơ bẩn đắp lên mình mà cứ tưởng là tấm vải tốt xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho nên trải qua mấy ngàn năm truyền thừa giáo pháp Đại Thừa chẳng có người nào tu chứng và làm chủ sanh, già, bệnh, chết được. Trong kinh Phật giáo Nguyên Thủy rất cụ thể tu thì có kết quả làm chủ ngay liền, tu ít kết quả ít tu nhiều kết quả nhiều.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn xem xét kỹ lại cho tận cùng thì bài kinh Nguyên thủy này sẽ giúp các bạn nhận

xét kinh sách Đại Thừa là một loại kinh sách tướng giải của các Tổ. Do tướng giải đó đã biến Phật giáo thành Thần giáo. Thần giáo là một tôn giáo mê tín, thường lường gạt người, để làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người khác.

Muốn tu hành cho có kết quả giải thoát thật sự thì xin các bạn hãy nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, nhưng đều phải dựa vào bậc tu chứng đạt chân lí. Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Vậy này, Magandiya, hãy thân cận các vị chơn nhân. Thời này Magandiya. Ông sẽ được nghe diệu pháp, này Magandiya, do người được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do ông sống đúng chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, ông sẽ tự mình biết, sẽ tự mình thấy: Đây là những bệnh chướng, những cục bướng, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướng, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở Ta, nên hữu diệt, do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt già chết, sầu bi, khổ ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này”*.

Trong đoạn kinh này đức Phật dạy chúng ta nên gần gũi thân cận một người tu chứng đạo. Vậy hiện giờ tất cả các Thầy tu theo Phật giáo có người nào tu chứng đạo chưa? Có người nào giữ giới nghiêm chỉnh chưa?

Nếu chưa có người tu chứng đạo mà các bạn theo họ tu tập như vậy thì các bạn sẽ bị lừa đảo, chỉ uổng công sức tu tập và một đời của các bạn tu tập chẳng ra gì, uổng công, phí sức.

Ở đây kinh dạy chỉ có người tu chứng mới dạy các bạn đúng chánh pháp, còn những người tu chưa chứng mà dạy các bạn tu hành thì chánh pháp cũng thành tà pháp. Vì họ đâu có kinh nghiệm tu hành nên giảng dạy sai pháp, hiểu

nghĩa không đúng chánh pháp. Do hiểu nghĩa không đúng chánh pháp nên mới sản xuất ra kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ.

Tóm lại, một người muốn tu hành cầu giải thoát thì nên tìm một vị Thầy tu chứng đạt chân lí và giới luật phải tinh nghiêm. Vị Thầy ấy sẽ là chỗ nương tựa vững chắc trên bước đường tu tập của các bạn để đi đến nơi đến chốn.

Các bạn đừng nghe những gì các nhà học giả thuyết giảng, họ dạy không có thực hành được đâu. Chính bản thân họ giới luật chưa nghiêm chỉnh. Giới luật chưa nghiêm chỉnh, tu hành chưa chứng đạo, họ nói bằng miệng lưỡi, chứ sự sống của họ chẳng có giải thoát gì, họ sống chùa to Phật lớn, là một điều sai; ăn uống, ngủ nghỉ phi thời, đau bệnh đi bác sĩ, nằm bệnh viện, chích thuốc, uống thuốc không ngày nào không dùng thuốc trị bệnh. Sự sống của họ như vậy chẳng khác gì người phàm phu, xin các bạn đừng nghe theo những cấp bằng của họ mà phí hết một cuộc đời, thật uổng thay! Thật uổng thay!!!

Khi chọn được một vị thầy tu chứng đạt chân lí, thì hãy hết sức đặt trọn lòng tin nơi họ, thì các bạn sẽ được chỉ dạy tận tình, nhờ đó các bạn mới giác ngộ được chân lí, nhờ giác ngộ được chân lí, lòng tin các bạn tăng trưởng, nhờ lòng tin tăng trưởng các bạn mới đầy đủ sức tinh tấn tu tập.

Nếu các bạn muốn tu tập để được chứng ngộ, chứng đạt chân lí trong Phạm hạnh của giới luật Phật. Thì các bạn hãy xin vị Thầy chứng đạo cho ở gần thân cận bốn tháng biệt trú để giữ gìn giới hạnh. Nếu các bạn sống trong bốn tháng giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm thì các bạn mới xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, quyết tâm đi tới như con đại tượng đi tới không bao giờ ngó lui. Có như vậy các bạn mới thấy lợi ích lớn cho đời sống ly gia cắt ái.

“Này Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia theo Phật, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này thì phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú các Tỳ kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành Tỳ kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau”.

Đoạn kinh trên đây xác định rõ ràng, đạo Phật không khuyến dụ, không bắt buộc, không lôi cuốn ai theo đạo mình. Người tu theo Phật giáo là phải tự nguyện, tự giác, thích sống đời sống Phạm hạnh thì mới xuất gia tu hành theo Phật, còn không sống đúng thì thôi... Cho nên kẻ nào lợi dụng chiếc áo tu sĩ Phật giáo sống trong chùa to Phật lớn, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới. Đó không phải là tu sĩ Phật giáo, là tu sĩ của Bà La Môn, họ không phải là Thầy của các bạn, họ là những người đang phá hoại Phật giáo. Các bạn hãy đề cao cảnh giác những hạng thầy này. Ngày xưa đức Phật ví những vị thầy này là những loại trùng trong lông sư tử!

Tóm lại những vị thầy hiện nay ở trong các chùa không người nào tu chứng đạt chân lí, họ chỉ dựa vào trong kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông nói ra những điều mơ hồ trừu tượng theo chữ nghĩa, chứ chưa có người nào biết chính xác, họ toàn là người mù mắt. Vậy các bạn nên lưu ý và cẩn thận đừng nghe theo họ mà phí uổng một đời người.

DANH VÀ LỢI

LỜI PHẬT DẠY

Này Tỳ kheo, Trên đường tu học khi có danh, có lợi thì nên ẩn bóng.

CHÚ GIẢI:

Lời dạy trên đây là đức Phật khuyên răn chúng ta tu học khi có danh có lợi thì nên ẩn bóng, có nghĩa là khi có Phật tử cung kính tôn trọng và cúng dường thì tâm dễ sanh đắm nhiễm thì nên ẩn bóng, có nghĩa nên tránh xa danh lợi, vì danh lợi dễ làm cho chúng ta ô nhiễm. Các bạn hãy lắng nghe đời sống viễn ly của đức Phật, tránh xa danh và lợi: *“Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà La Môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được bao vây xung quanh như vậy. Ngài không khởi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc.”* Đây, các bạn có nghe chăng? Có danh, có lợi như đức Phật, thế mà Ngài không đắm nhiễm, không trở lui lại đời sống sung túc, luôn luôn giữ hạnh ba y một bát, ngày ăn một bữa, sống không nhà cửa, không chùa to Phật lớn. Còn các Thầy Đại Thừa và Thiên tông thì sao? Trở lui lại đời sống sung túc, ăn uống, ngủ nghỉ phi thời. Có đúng như vậy không các bạn?

Theo gương hạnh của Phật khi tu hành được đôi chút chúng ta có danh, có lợi thì nên tránh xa danh lợi tìm cách từ chối hoặc bằng cách ẩn bóng hoặc không nêu lên tên tuổi của mình, đừng để cho mọi người biết.

Trong các trường lớp tu hành chúng tôi đã thấy rất rõ ràng, người ta tu hành thời nay thường dễ tạo danh tạo lợi bằng cách làm quen với Phật tử, nhất là Phật tử giàu có, chứ không phải lo tu tập giải thoát. (Vì thế, Thầy Thông Lạc khi tu xong về trình lại với Hòa Thượng Thanh Từ và mai danh ẩn bóng.) Đến khi viết ra những tác phẩm của mình Thầy đều dấu tên lấy tên chùa làm tên tác giả là Tu Viện Chơn Như. Xin các bạn hãy đọc những bức thư của Thầy Thông Lạc gửi cho Phật Tử khi xin xuất bản kinh sách của tu viện Chơn Như thì rõ ./.

**PHỤ LỤC BÀI: ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN-NHÂN QUẢ
QUA CƠ CHẾ GIA ĐÌNH VỚI CÁI NHÌN NHÀ PHẬT**

Đạo Đức Nhân Bản là đạo đức lấy con người làm bản vị (làm gốc) trong suốt tiến trình hành sống của các pháp thế gian và cả pháp xuất thế nữa. Nó là “Đạo Đức Gốc Của Con Người” dựa trên nền tảng của sự vận hành duyên sinh vay trả rất công bằng như một cỗ máy. Nó chi phối toàn bộ vũ trụ và nhân sinh bởi định luật “Nhân quả–Duyên sinh”. Vì thế, Phật Giáo quan niệm một cách chính xác rằng tất cả mọi sự ở đời đều từ con người, do con người, vì con người và cho con người; chứ không bao giờ ỷ lại hoặc nô lệ thừa nhận bất cứ một thế lực ngoại lai nào hay một dáng siêu hình thần quyền vu vơ, vớ vẩn, tưởng tượng nào ... Điều này càng được minh chứng cụ thể hơn, khi chúng ta nhìn lại thời gian và địa điểm nơi Thái Tử Tất Đạt Đa ra đời và tu chứng. Ngài đã xóa bỏ thế giới siêu hình, giải phóng con người khỏi ách Thần quyền của Đa Thần Giáo Bà La Môn và chế độ nô lệ nơi bốn giai cấp thống trị trong xã hội Ấn Độ thời ấy.

Phải chăng, xã hội là sự cộng lại của nhiều gia đình và gia đình là gì? – Là sự kết hợp của đôi nam nữ và các thành viên có cùng “Thừa tự nhân quả nghiệp duyên ái ố tương phùng” với nhau. Vì vậy, con người là đơn vị nhỏ nhất của gia đình và xã hội. Chúng ta không sợ nhầm khi nói rằng: Một gia đình một xã hội an vui hạnh phúc là do nhiều “Nhân Vị Tốt” kết thành và ngược lại...

Vì lẽ đó, Người Xưa đã có lý, khi chủ trương: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nghĩa là con người có Tu thì nhà mới Tề (tu là hành động, nói năng và tư duy chân chính – thân, khẩu ý luôn sống có văn hóa đạo đức). Nhà có

tu tề thì đất nước mới được thanh trị, thiên hạ mới thái bình (nhân có tu thập thiện thì quả an bình, hạnh phúc). Từ đây, chúng ta có thể rút ra một hệ luận: Một người không chịu tu dưỡng đạo đức; thiếu đức, thiếu tài thì người đó không thể nào đem lại sự hạnh phúc cho gia đình và họ cũng không thể giúp ích gì cho xã hội được thái bình thanh trị – Nói khác đi, một phần tử xấu là một tai họa của xã hội, nếu không muốn nói là một người phá hoại gia đình và xã hội; nhất là khi họ nắm quyền “Gia trưởng” nơi gia đình, hay “Tù trưởng” ở xã hội, hoặc làm “Quản Chúng” trong một tu viện, tự viện... mà họ không có Chánh kiến sống phi đạo đức, thì hệ quả là kẻ thuộc hạ quanh họ sẽ hư hỏng thoái hóa! Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ: Tại sao Đức Phật đã dành hai phần ba kho tàng Văn Hiến Phật Giáo để huấn luyện con người sống có văn hóa, có đạo đức nhân bản.

Tiếng Ấn Độ gọi Đạo đức là “Sila”. Có nghĩa là: “Rèn luyện Trí Thức để phát triển nhân cách Đạo đức”. Đây chính là những yếu tố làm con người trở nên mạnh mẽ và nhận thức được chính mình. Điều này xuất phát từ những động cơ thực tế, qua sự hiểu biết nhân quả chân chánh (chánh tri kiến) của người Gia trưởng sẽ có ảnh hưởng trong sự vun quén gia đình họ sống nơi thiện pháp, họ chăm sóc hướng dẫn người thân và con cháu luôn sống có đạo đức với tình thương và ý thức lành mạnh không mê tín, không ức hiếp, độc tài vụ lợi...

Danh từ “Con Người” gốc từ tiếng Phạn là “Manas”. Có nghĩa là “Trí Tuệ”. Vì loài người không chỉ có thể xác mà còn có tri thức. Chính vì thế, Con Người có thể suy nghĩ được; vì đây là một chức năng đặc biệt của trí óc. Nhờ vào tri thức chứ không phải chỉ ở thể xác mà giá trị của con người được xác định, đánh giá qua chánh nghiệp, chánh mạng và tri kiến chân chánh. Nếu một người không dùng ý thức của mình để tư duy mọi việc hợp lẽ với Đạo lý Nhân

bản - Nhân quả, thì người ấy không xứng đáng là người, thì làm sao hướng dẫn đạo đức cho ai?! Và họ thuộc về tầng lớp thứ hai của con người. Vì họ chỉ mang thân người mà sống theo bản năng thú tính: Sống lập dị cầu danh, vị kỷ... chỉ sống để thụ hưởng trường dưỡng xác thân, sống để tóm thâu tranh phần đục lạt, sát phạt kiếm mồi... như loài cầm thú.

Phật dạy: Mỗi người có thể thay đổi tính cách của mình thông qua tôn giáo, qua sự giáo dục đào tạo, sự rèn luyện Giới-Định-Tuệ của Phật giáo; qua sự hướng dẫn của Đức Phật cùng chư vị Hiền nhân Thánh đức, Thầy Tổ thiện hữu tri thức đã giác ngộ tiếp nối triển khai...

– Cây được biết đến, phải nhờ quả của nó. Cũng vậy, một con người tốt, một tôn giáo tốt phải mang lại những kết quả tích cực cho cuộc sống con người. Thật công bằng khi đánh giá một tôn giáo thông qua việc đào tạo tu tỉnh rèn luyện một người tốt cho xã hội – Thân, Khẩu, Ý của họ luôn sống theo chiều hướng thập thiện – Sanh thiện tăng trưởng thiện. Để đem lại hạnh phúc cho mình, cho gia đình xã hội, và luôn san sẻ hạnh phúc ấy cho kẻ khác, luôn sống hòa kính nhịn nhường biết thương yêu đồng loại không sát hại muôn loài.

Tôn giáo cũng giống như một khu vườn, có rất nhiều chủng loại hoa, quả. Mỗi người chúng ta phải tự chọn những giống hoa thơm, quả ngọt rồi tích cực vun quén để có lợi ích cho mình cho đời và tránh xa (không thể tùy thuận để khỏi lây nhiễm) những giống độc hại. Bởi một lý do rất đơn giản là tâm ta dễ bị tập nhiễm thói quen xấu (huân tập điều xấu). Vì tâm có cái tài tái tạo mọi dạng hình của vọng tưởng rồi vướng mắc vào đó thì thật là tệ hại! Nó vẽ lên tầm nhìn mờ ảo tà kiến, đánh lạc hướng chúng ta đi xa đạo đức nhân bản - nhân quả (hành sống bát tà) mà ngỡ rằng mình đã vì

mọi người mà hy sinh, đã sống đời vị tha vì gia đình và xã hội.

Một ngôi chùa, một tu viện, một gia đình không có đạo đức nhân bản; không sống theo nhân quả lành mạnh thì chỉ làm nô lệ cho lòng tham dục – Họ hành sống trái với thập thiện là rời xa đạo đức! Họ làm mọi nghề ác, tà kiến chấp thủ! Chỉ biết cưỡng đoạt tóm thâu tài vật của kẻ khác và chà đạp lên sự sống của muôn loài – Nếu con người là một cá thể có đạo đức nhân bản lành mạnh biết tu thân tề gia, thì tại sao mình phải điều chỉnh (để tùy thuận kẻ ác) để phù hợp với lối sống “tà kiến hủ tục gia nô” sống phi đạo đức, không biết tu tính? Rồi làm nô lệ cho ác pháp, làm theo lòng tham dục của người trên để chôn vùi đời mình sống với tà kiến, tà mạng, tà nghiệp; sống lối xã hội đen vị kỷ chiếm hữu thiếu đạo đức, gọi lòng tham dục cho kẻ khác để sát phạt tóm thâu vơ vét cưỡng đoạt bằng đạo đức trá hình trên sự khổ đau của đồng loại – Nhân đã hành sống như vậy thì quả làm sao đời mình, gia đình và xã hội chung quanh mình có được hạnh phúc an vui?! Thật xót xa cho những ai đã bị nô lệ kẻ ác chôn vùi đời mình nơi tà kiến tăm tối không biết vượt qua, lại bị lý lẽ kẻ ác đầu độc lôi kéo vào ác pháp!

Một cá thể sống có đạo đức nhân bản: Sống độc hành như Tê Ngu, sẽ không bao giờ làm nô lệ ác pháp vị kỷ hủ tục, bảo thủ độc tài của kẻ tà kiến phu phược thiếu văn hóa, lại còn chế giễu vu khống chà đạp lên đạo đức nhân bản!

Một gia đình thiếu đạo đức nhân bản, không biết nhân quả lành mạnh – Nó thường được vận hành bởi một người “Gia trưởng tà kiến” bắt mình cố chấp, bạc nhược, biếng lười sợ khổ, muốn ngồi mát hưởng bát vàng, luôn trưởng dưỡng xác thân, để thỏa mãn nhu cầu nhân rồi thụ hưởng riêng mình. Họ luôn sống kiểu “thống trị gia nô” độc đoán chiếm

hữu, tham dục lấy lòng; tìm đủ thủ đoạn để khai thác chụp mũ cưỡng bức, o ép người thân và những kẻ thuộc hạ làm những việc trái đạo tạo nghiệp; luôn coi họ là người hiểu biết thông lãnh, cho kẻ dưới như gia nô, họ luôn bảo thủ gian tà ranh mãnh, ép buộc người thân cật lực tạo tác suốt đời nô lệ họ, làm vật hy sinh tóm thâu của kẻ khác để cung phụng cho họ thụ hưởng ngũ dục, chà đạp lên sự sống bình an nơi bao người, gây khổ muôn loài...

Nếu một gia đình, một tu viên, tự viện mà như vậy, sẽ kèm hãm những cá thể muốn tiến hóa! Chẳng lẽ, những thành viên ở nơi ấy chịu chết kẹt chôn vùi một kiếp người theo hủ tục tà kiến vị kỷ bệnh hoạn của những kẻ phu phước muốn ngồi trên để thông trị theo kiểu phong kiến với những thuyết “Tam cương, tam tòng... Phu xướng phụ tùy...” kiểu độc tài đó! Mà không tự cứu lấy đời mình, cứu lấy con cháu mình để chuyển nhân quả ác báo ra khỏi vòng hủ tục ngục tù nô lệ ái ô kiết sử trầm luân thừa truyền tệ hại ấy sao!?

Sự quan hệ giữa cá thể với nhau của một gia đình một hệ phái có đạo đức nhân bản lành mạnh, thì cấu trúc của nó không thể dựa vào chế độ “cưỡng bức gia nô” với lòng tham vọng ích kỷ chiếm hữu kiêu căng thù hận; sự thèm muốn hưởng thụ dục lạc của những con người bất nhọc vị kỷ độc tài thì họ luôn dựa vào tâm lý phong kiến bệnh hoạn ở thuyết tự ngã “Tam cương, Tam tòng...theo phong kiến thừa truyền thiếu đạo đức...” để thông trị kẻ thuộc hạ buộc người khác phải ngoan ngoãn làm vật hy sinh nô lệ suốt đời tạo nghiệp để cung phụng cho họ thụ hưởng dục lạc trên sự khổ đau buồn tủi của bao người không chút thương tâm, không chút nghĩa tình, cố dìm kẻ khác không buông tha! – Sống như vậy, với một cá thể có tri thức độc lập, biết đạo đức nhân quả, sao lại chôn vùi đời mình và con cháu mình ngày càng trầm luân tệ hại như vậy? Mà không chịu tỉnh ngộ bút phá vượt qua tù ngục hủ tục phu phước của sự tà

kiến bảo thủ ấy... Hãy tự giải phóng đời mình để được tự do. Tự do ở đây không phải chỉ không bị phu phược ràng buộc mà còn thoát khỏi sự ràng buộc của “bát phong” thế tục, của tham vọng vị kỷ mong cầu – Cuộc sống tự do ấy sẽ cho ta nhiều thì giờ để học hỏi tu tập chuyển hóa, để không còn bị nô lệ làm vật hy sinh một cách vô tích sự ! Và sự tự do là sự vượt khỏi ác trước bữa vậy, nó tiến dẫn ta đến chiều hướng sống lương thiện, một đời sống có ý vị thanh lương tươi sáng để hội nhập vào trạng thái thanh thản an lạc vô sự – Khi lửa lòng tắt lịm, tâm bất động trước các cảm thọ và ác pháp. Đó là Niết Bàn thanh lương – Nó sẽ chấm dứt mọi hiện tượng bút bách khổ đau rối loạn nơi tâm thức mâu thuẫn từng sát na, từng giờ, từng ngày nơi một gia đình phu cùng tử phược trọng trước kiến tà. Và: Nó sẽ mang lại cho mình một đời sống an bình thâm hậu sâu sắc, luôn đem lại hạnh phúc an lạc cho mình, cho người, cho xã hội ... Nếu không được như vậy, thì Đạo Phật đâu cần phải ra đời để làm gì và tu tập chẳng ích chi! Và cuộc đời này sẽ buồn tẻ đọa đày như địa ngục trần gian! Phải không thưa quý vị !?

Chúng ta luôn nhớ rằng: “Mỗi cá thể của chúng ta là một thừa tự của nhân quả nghiệp báo nơi riêng mình. Nó là sản phẩm của quá khứ trong mối liên hệ với hiện tại – Cái hiện tại được hình thành từ quá khứ – Và tương lai là sự nối dài của hiện tại được điều chỉnh.” Như vậy, thì hiện tại bây giờ bạn có thể: Điều chỉnh cái NHÂN là sống “Thập thiện” theo chiều hướng Đạo Đức: Chân–Thiện–Mỹ để chuyển hóa cái QUẢ xấu ác nơi Tham–Sân–Si thì tương lai cuộc sống sẽ thanh lương an lạc hạnh phúc”. Đúng với đạo lý “Nhân Quả–Duyên Sinh” của Nhà Phật, và cõi đời này sẽ là nơi “Thiên Đường”, nơi an bình “Cực lạc” chớ không phải cầu xin ở một đấng siêu hình thần thánh nào ban cho chúng ta cả ...

Phật giáo, hay kho tàng “Văn Hóa Phật Giáo” như một khu vườn quý báu, có đủ kỳ hoa dị thảo muôn màu; ngàn vị thơm ngon để trưởng dưỡng Đạo Hạnh cho mỗi người chúng ta, là tài sản chung vô giá mà Đức Phật đã để lại, hoàn toàn khai phóng, không cần rào dậu, chúng ta tự tại thường thức, lựa chọn. Những hoa thơm, quả ngọt vô giá đó đã được thử thách và trải nghiệm của những bậc Hiền Nhân Thánh Đức sành điệu qua suốt thời gian vô cùng và không gian vô tận rồi đấy thưa quý vị!

Ước mong chúng ta hãy cùng nhau mạnh dạn bước vào vườn hoa “ĐẠO ĐỀ” của Phật giáo để cùng thường thức pháp vị cam lồ nơi “Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo”. Tôi tin là bạn sẽ gặt hái được nhiều điều an lạc hạnh phúc ngoài những ước mơ của bạn và bạn sẽ có cái nhìn Chánh kiến có tri kiến sâu sắc về Đạo đức nhân bản - nhân quả của Nhà Phật mà Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc đã tu chứng triển khai ngoài sức tưởng tượng của bạn xưa nay...

Xin kính chúc các bạn thân tâm bất động thường thanh thân an lạc và vô sự, luôn có cuộc sống hạnh phúc không làm khổ mình khổ người.

(Trích ở Tâm Ký của một Phật Tử.)

(HẾT TẬP BA – XIN QUÍ VỊ ĐỌC TIẾP TẬP BỐN)

